

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## BẢN CÁO BẠCH



### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/05/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 11/11/2020)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định niêm yết số: ...../ QĐ-SGDHCM ..... do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ..... tháng ... năm 2020)

#### BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

##### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB)

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 220 960 - 38 220 962 - 38 220 951 – Fax: (028) 38 220 963

Website: [www.ocb.com.vn](http://www.ocb.com.vn)

##### Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Lầu 5 & 6 Tòa nhà AB, Số 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299 – Fax: (028) 3823 3301

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

**ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH LONG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Điện thoại: (028) 38 220 960 – Fax: (028) 38 220 963)

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/05/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 11/11/2020)

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 38 220 960 - 38 220 962 - 38 220 951 – Fax: (84.28) 38 220 963

Website: [www.ocb.com.vn](http://www.ocb.com.vn) – Email: [ir@ocb.com.vn](mailto:ir@ocb.com.vn)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: OCB
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 1.095.906.343 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 10.959.063.430.000 (Mười nghìn chín trăm năm mươi chín tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng tính theo mệnh giá

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38245252

Fax: (028) 38245250

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299

Fax: (028) 3823 3301

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

## MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	4
1.1 Rủi ro về kinh tế .....	4
1.2 Rủi ro về luật pháp .....	7
1.3 Rủi ro về ngành .....	7
1.4 Rủi ro hoạt động .....	8
1.5 Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) .....	8
1.6 Rủi ro biến động giá cổ phiếu .....	9
1.7 Các rủi ro khác .....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	10
2.1. Tổ chức niêm yết .....	10
2.2. Tổ chức tư vấn niêm yết .....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM .....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	12
4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	12
4.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Ngân hàng .....	21
4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty .....	22
4.4. Danh sách cổ đông .....	27
4.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng .....	28
4.6. Hoạt động kinh doanh .....	29
4.7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	61
4.8. Vị thế của Ngân hàng so với các tổ chức tín dụng khác trong cùng ngành .....	73
4.9. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của OCB với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới .....	80
4.10. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước .....	80
4.11. Chính sách đối với người lao động .....	80
4.12. Chính sách cổ tức .....	82
4.13. Tình hình hoạt động tài chính .....	82
4.14. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	84
4.15. Tài sản .....	104
4.16. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo .....	105
4.17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận .....	108
4.18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết .....	108
4.19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết .....	109
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	110

5.1. Loại chứng khoán.....	110
5.2. Mệnh giá .....	110
5.3. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết .....	110
5.4. Số lượng Cổ Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	110
5.5. Xếp hạng tín nhiệm.....	111
5.6. Phương pháp tính giá .....	112
5.7. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) .....	114
5.8. Các loại thuế có liên quan.....	115
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....	117
VII. CÁC PHỤ LỤC .....	118

1 /  
DI  
KHC  
PT  
MI  
V

15 C  
46  
PHIÊN  
ONG  
CHI M

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

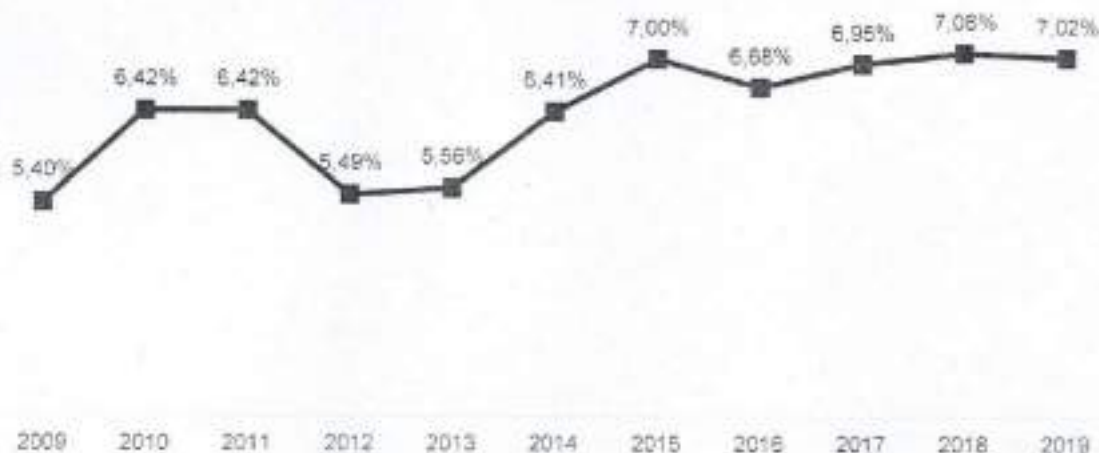
#### 1.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, OCB cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

##### 1.1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam trong những năm gần đây đạt các kết quả vô cùng khởi sắc, lần lượt 7,08% năm 2018 và 7,02% năm 2019, 2 năm liên tiếp đạt trên 7% kể từ năm 2011. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019



Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO)

Bước sang năm 2020, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức do căng thẳng thương mại leo thang giữa Mỹ - Trung từ cuối năm 2019, và vấn đề địa chính trị gây nên sự bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Đặc biệt, dịch Covid-19 với những diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội toàn cầu, GDP Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020 chỉ tăng 2,12%.

Tuy nhiên, Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng như các tổ chức xếp hạng trong nước và quốc tế đều đưa ra những đánh giá đầy tích cực về triển vọng hồi phục và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới. Trong dự báo mới nhất, S&P Global Ratings dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2020 sẽ đạt 1,9%, 11,2% vào năm 2021.

Trước những tác động của dịch bệnh covid-19 và diễn biến của nền kinh tế, OCB đã rất thận trọng trong việc xây dựng và thực thi chiến lược phát triển của mình phù hợp với những xu thế mới đang diễn ra hiện nay. Hơn thế nữa, chiến lược đó phải đảm bảo được việc nắm bắt cơ hội kinh doanh kịp thời trong ngắn hạn nhưng có thể tiếp tục giúp ngân hàng tăng được vị thế trong dài hạn.

### 1.1.2. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động. Rủi ro lãi suất của có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư, huy động vốn và cho vay.

Để quản trị rủi ro lãi suất, Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) của OCB, cùng với các bộ phận quản lý rủi ro của Ngân hàng có trách nhiệm nghiên cứu thị trường để đề xuất điều chỉnh, thiết lập các giới hạn về khoảng chênh lệch lãi suất huy động – cho vay cho các kỳ hạn đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo, cụ thể OCB đã thực hiện các chính sách lãi suất cụ thể như sau:

- Đối với các hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng.
- Căn cứ vào dự báo và diễn biến lãi suất trên thị trường và khả năng cân đối vốn, OCB đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp:
  - o Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của ban lãnh đạo, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.
  - o Đối với hoạt động cho vay, OCB quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản đảm bảo, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của OCB. Hội sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

#### Các công cụ quản lý và điều hành lãi suất đang được OCB áp dụng bao gồm:

- Điều chỉnh thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay tương ứng với kỳ hạn đánh giá lại của nguồn vốn. Kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép;
- Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo OCB luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường, lãi suất cho vay phải được xây dựng trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của OCB.

Với kinh nghiệm và sự nhạy bén trong công tác quản trị, OCB đã điều hành thận trọng, linh hoạt cơ chế lãi suất tiền gửi, tiền vay nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả, tăng trưởng quy mô và mở rộng thị phần của OCB.

### 1.1.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng khi khách hàng vi phạm các điều kiện của hợp đồng tín dụng hoặc do tác động của các yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến năng lực tài chính, nguồn trả nợ của khách hàng, làm giảm hoặc mất giá trị tài sản bảo đảm.

Để đảm bảo quản lý tốt về rủi ro tín dụng, OCB đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro tín dụng trực thuộc Khối Quản lý rủi ro tín dụng (bao gồm 05 bộ phận là Chính sách tín dụng, Mô hình xếp hạng tín dụng, Quản lý danh mục tín dụng, Giám sát rủi ro tín dụng và Báo cáo tín dụng) để thực hiện việc theo dõi chất lượng tín dụng cũng như nghiên cứu các chính sách ảnh hưởng đến công tác tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra còn các Khối/ Trung tâm/ Phòng ban khác cũng thực hiện việc quản lý rủi ro tín dụng là Khối Quản lý tín dụng, Phòng Pháp chế trực thuộc Tổng giám đốc, các Phòng Quản lý kinh doanh thuộc các Khối KHDN/ Khối KHDN siêu nhỏ/ Khối Bán lẻ, Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát.

#### Các biện pháp quản lý rủi ro tín dụng hiện được OCB thực hiện:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức dựa trên hệ thống kiểm soát và cân bằng. Các đơn vị kinh doanh được tách riêng hoàn toàn với các đơn vị quản lý rủi ro, định giá tài sản đảm bảo và phê duyệt tín dụng.
- Định hướng đa dạng hóa hoạt động; đảm bảo tốc độ tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ cho vay phi sản xuất luôn thấp hơn mức giới hạn của Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/vấn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tình đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong chính sách khung quản trị rủi ro của OCB;
- Thực hiện Dự án quản trị rủi ro năm 2015 (do KPMG tư vấn), đưa ra tuyên bố khẩu vị rủi ro, áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và việc thẩm định, phê duyệt cho vay, xây dựng chính sách tín dụng dành cho khách hàng theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, áp dụng hệ thống cảnh báo nợ sớm vào việc đánh giá khách hàng sau cho vay;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Rủi ro tín dụng luôn là rủi ro tiềm ẩn lớn của các Ngân hàng, tuy nhiên với hệ thống quản lý rủi ro tốt và công tác triển khai đồng bộ thì OCB hiện kiểm soát khá tốt loại rủi ro này, tỷ lệ nợ xấu trên tổng tài sản có thời điểm 31/12/2019 là 1,49%.

#### 1.1.4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá hối đoái. Đơn vị tiền tệ báo cáo của OCB là Đồng Việt Nam (VND). Trong khi đó, tài sản nợ và tài sản có của OCB bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD, ...), do đó làm phát sinh rủi ro ngoại hối. Nếu VND tăng giá so với các loại ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm) và ngược lại. Vì vậy, biến động tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến tình hình tài chính của OCB tùy theo trạng thái các tài sản nợ và tài sản có bằng ngoại tệ của OCB tại từng thời kỳ.

Để thực hiện quản lý rủi ro ngoại hối, OCB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của ngân hàng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước. OCB thực hiện giám sát trạng thái tiền tệ hàng ngày và thực hiện các chiến lược phòng ngừa rủi ro để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro tỷ giá của Ngân hàng được thực hiện bởi Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, phối hợp với Phòng Kinh doanh ngoại hối để phân tích, dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và xây dựng một hệ thống các hạn mức để quản lý trạng thái và mức lỗ tối đa đối với giao dịch ngoại tệ. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ được quản lý hàng ngày trên cơ sở đảm bảo trạng thái của các loại ngoại tệ cũng như mức lỗ tối đa cho phép đối với việc kinh doanh ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng thường xuyên sử dụng các công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong hoạt động kinh doanh ngoại hối như các hợp đồng Kỳ hạn (Forward), Hoán đổi (Swap) ....

#### 1.1.5. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro về thanh khoản có thể xảy ra khi ngân hàng không cân đối đủ nguồn tiền để đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó.

Mục tiêu của OCB trong việc quản trị rủi ro thanh khoản là đảm bảo tối đa rằng OCB có đủ khả năng thanh khoản để thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn, trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng mà không để phát sinh lỗ hoặc làm ảnh hưởng đến OCB.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, OCB duy trì cơ cấu tài sản nợ và tài sản có phù hợp, đồng thời tăng cường khả năng huy động từ nhiều nguồn khác nhau. OCB quản lý linh hoạt đối với tài sản có tính thanh khoản cao. Đồng thời, OCB cũng thực hiện theo dõi, dự báo dòng tiền tương lai và tình hình thanh khoản hàng ngày; thực hiện đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của các tài sản thanh khoản cao hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn cũng như có kế hoạch dự phòng ứng phó trong mọi tình huống, kể cả trường hợp khủng hoảng thanh khoản.

OCB cũng luôn đảm bảo duy trì một khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### 1.1.6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng của OCB chủ yếu phát sinh đối với hình thức phát hành cam kết bảo lãnh, tín dụng thư (L/C). Đối với các loại hình dịch vụ này, OCB áp dụng các biện pháp tương tự như với rủi ro tín dụng, thực hiện một cách thận trọng. Phần lớn các khoản bảo lãnh đều có ký quỹ/ tài sản thế chấp. Việc cấp hạn mức bảo lãnh được đánh giá và thẩm định chặt chẽ, mức độ rủi ro được xem xét như cấp các khoản tín dụng.

#### 1.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, OCB chịu sự điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan về giao dịch bảo đảm, Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật kinh doanh bất động sản, Luật đất đai, Luật Nhà ở, v.v. Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ là một lĩnh vực ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế cũng như thực tế phát triển của Việt Nam. Việc ngân hàng áp dụng không đầy đủ, kịp thời các thay đổi các văn bản pháp luật sẽ dẫn tới rủi ro về việc chưa tuân thủ pháp luật cũng như các rủi ro pháp lý cho giao dịch của chính Ngân hàng.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, có thể xảy ra các tranh chấp, kiện tụng, nhất là các hoạt động liên quan các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên kết, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng thương mại khác với khách hàng, đối tác, dẫn đến rủi ro pháp lý.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng đã xây dựng Phòng Pháp chế (gồm Bộ phận Pháp chế Tuân thủ và Dịch vụ pháp lý) thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên.

#### 1.3 Rủi ro về ngành

OCB hiện đang chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các ngân hàng khác tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.



Để hạn chế rủi ro này, OCB đã triển khai những mô hình kinh doanh theo phân khúc khách hàng với các gói giải pháp chuyên biệt được thiết kế phù hợp với đặc tính khách hàng của từng phân khúc. Điều này giúp cho OCB giảm chi phí huy động từ đó có lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng khác và tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Đối với mảng bán lẻ, năm 2019 vừa qua, OCB đã ra mắt Ngân hàng số OCB OMNI và hệ sinh thái OMNI PAY, được phát triển trên nền tảng ngân hàng hợp kênh hiện đại, theo đó, áp dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, giúp không ngừng tối ưu và nâng tầm trải nghiệm của khách hàng cá nhân, gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua các ưu điểm về tốc độ, tiện nghi, an toàn dành cho khách hàng; đồng thời cung cấp dịch vụ hoàn toàn trực tuyến mà khách hàng không cần tới quầy. Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp, OCB là ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) cho các nhóm khách hàng đối tác. Qua đó, OCB thực hiện cung cấp cho khách hàng đầy đủ sản phẩm dịch vụ và mang lại hiệu quả cao, phát triển hiệu quả hệ sinh thái của các chuỗi khách hàng chủ chốt, ngành nghề trọng tâm, đặc biệt là tối ưu trong việc khai thác danh mục khách hàng hiện hữu. Đối với các doanh nghiệp thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME), OCB đã triển khai các dòng sản phẩm mới có thiết kế chuyên biệt với quy trình tinh gọn, hồ sơ đơn giản và điều kiện cấp tín dụng phù hợp với nhu cầu thị trường...

Ngoài ra, OCB tiếp tục tập trung nguồn lực và mở rộng mạng lưới giao dịch nhằm mục đích tăng gia năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng.

#### 1.4 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động bao gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro hoạt động, OCB đã ban hành hệ thống chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn và triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN. Bên cạnh đó, OCB đã chủ động xây dựng, phát triển các chương trình phần mềm để hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động, đồng thời chú trọng nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro trong hệ thống thông qua việc triển khai chương trình đào tạo định kỳ, xây dựng thư viện đào tạo để cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cá nhân trong hoàn hệ thống. Ngoài ra, OCB cũng đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung chế tài kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ.

#### 1.5 Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (CNTT)

Công nghệ thông tin đang có những tác động sâu rộng các hoạt động quản lý – kinh doanh của các ngân hàng thương mại, đặc biệt góp phần trong việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ mới với chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. OCB sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện một số lượng lớn các nghiệp vụ, các giao dịch một cách chính xác và kịp thời, đồng thời lưu trữ và xử lý về cơ bản tất cả các dữ liệu liên quan đến công việc kinh doanh và các hoạt động của OCB. Việc ứng dụng hệ thống CNTT cho hoạt động kiểm soát tài chính, quản trị rủi ro, phân tích tín dụng và báo cáo, hạch toán, kế toán, dịch vụ khách hàng và các hệ thống khác, cũng như các mạng lưới liên lạc giữa các chi nhánh của OCB và các trung tâm xử lý dữ liệu chính vận hành tốt có tính quyết định đối với hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh hiệu quả của OCB. Vì vậy, các hoạt động như đột nhập vào hệ thống mạng, vi phạm bảo mật dữ liệu và các rủi ro về đường truyền, phần mềm hỗ trợ công nghệ v.v cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống CNTT, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro trong quá trình xây dựng quy trình nghiệp vụ và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, OCB đã thực hiện các biện pháp:

- Thực hiện tổ chức hệ thống CNTT dựa theo các mô hình tiêu chuẩn của các tập đoàn CNTT hàng đầu

thế giới; các hệ thống trọng yếu của OCB đều đang được vận hành trên các nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến như IBM, Oracle, Microsoft, Temenos... và được tư vấn độc lập bởi tập đoàn Gartner.

- Hệ thống công nghệ, dịch vụ công nghệ của OCB được tổ chức vận hành & dự phòng tại Trung tâm Dữ liệu chính (DC, Data Center), bên cạnh đó OCB cũng đã và đang vận hành Trung tâm Dữ liệu Dự phòng (DR, Disaster Recovery Site) để phục vụ công tác ứng phó sự cố về công nghệ khi DC trực trực; các hệ thống và dữ liệu nói chung theo đó sẽ được vận hành tại DC, sao lưu dự phòng ở DC; vận hành tương tự tại DR và sao lưu dự phòng ở DR đảm bảo dữ liệu không bị thất thoát, rò rỉ và luôn sẵn sàng, đặc biệt đối với các hệ thống công nghệ thông tin trọng yếu. Hàng năm, OCB cũng thực hiện diễn tập chuyển đổi hệ thống từ DC sang DR (DRP, Disaster Recovery Planning) theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế về hoạt động CNTT tại OCB. Năm 2020, vào tháng 11 vừa qua, OCB cũng đã hoàn thành việc thực hiện DRP dưới sự chứng kiến của Chi cục CNTT Ngân hàng Nhà nước.
- Công tác phát triển ứng dụng, trước khi đưa vào vận hành tại DC và DR được OCB tổ chức theo mô hình tiêu chuẩn 3 lớp nhằm đảm bảo các ứng dụng được phân tích, thiết kế, phát triển, kiểm thử một cách đúng, đủ. OCB cũng là một những ngân hàng đầu tiên tách bạch công tác phát triển và vận hành hệ thống ứng dụng từ rất sớm với việc nghiên cứu và áp dụng mô hình và tổ chức quản lý theo khung quản trị Dịch vụ CNTT theo chuẩn quốc tế ITIL (Information Technology Infrastructure Library).
- An ninh an toàn thông tin (Cyber Security) được OCB chú trọng, quan tâm và đầu tư từ sớm với giá trị đầu tư luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng đầu tư công nghệ thông tin những năm qua; hiện tại OCB có một nền tảng về an ninh an toàn thông tin vững mạnh, được thiết kế, triển khai bởi các tập đoàn lớn và các đối tác công nghệ uy tín trong nước.

#### 1.6 Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc đưa cổ phiếu OCB niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ đem lại những lợi ích đáng kể đối với nhà đầu tư như tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu và đối với OCB là tăng cường hình ảnh, thương hiệu, tạo động lực hướng tới mô hình quản trị chuẩn mực hơn... Tuy nhiên, giá cổ phiếu OCB không chỉ phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh mà còn phụ thuộc rất nhiều vào cung - cầu cổ phiếu và yếu tố tâm lý nhà đầu tư, sự thay đổi về các quy định của luật pháp, vào tình hình kinh tế - xã hội... Ngoài ra, trong trường hợp OCB thực hiện phát hành tăng vốn, thu nhập trên cổ phiếu bị pha loãng. Do vậy, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là rủi ro không thể tránh khỏi.

#### 1.7 Các rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, v.v. OCB đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng, v.v.

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.**

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****2.1. Tổ chức niêm yết****Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông**

(Ông) Trịnh Văn Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Bà) Nguyễn Thị Thúy Minh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
(Ông) Nguyễn Đình Tùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Bà) Nguyễn Thị Thúy	Chức vụ: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2.2. Tổ chức tư vấn niêm yết****Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

(Ông) Phạm Ngọc Bích	Chức vụ: Giám đốc Điều hành
----------------------	-----------------------------

*(Giấy uỷ quyền số 20-2020/GUQ-HSC ngày 16/03/2020 của Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Tp.HCM)*

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông cung cấp.

T-1  
DỊCH  
HOÀI  
PHỐ  
MINI  
50  
800  
N H  
MAI  
NG  
17, 18

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

1. "OCB", "Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết": Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
2. "HSC", "Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết": Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
3. "ĐHĐCĐ": Đại Hội đồng Cổ đông
4. "HĐQT": Hội đồng Quản trị
5. "BGĐ": Ban Giám đốc
6. "BKS": Ban kiểm soát
7. "CNTT": Công nghệ Thông tin
8. "ISO": Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
9. "KHDN": khách hàng doanh nghiệp
10. "ATM": Máy rút tiền tự động
11. "CMND": Chứng minh nhân dân
12. "CTCP": Công ty Cổ phần
13. "NHTM": Ngân hàng Thương mại
14. "NHNN": Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15. "UBCKNN": Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
16. "KH&ĐT": Kế hoạch và Đầu tư
17. "TP. HCM": Thành phố Hồ Chí Minh
18. "TMCP": Thương mại Cổ phần
19. "TNHH": Trách nhiệm hữu hạn
20. "TCTD": Tổ chức tín dụng
21. "SGDCK": Sở Giao dịch chứng khoán
22. "USD": Đồng đô la Mỹ
23. "VND": Việt Nam Đồng
24. "Nostro": Tài khoản của OCB mở tại các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước
25. "API": Giao diện lập trình ứng dụng (Application Programming Interface)
26. "NIM": Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (Net Interest Margin)

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

##### 4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 4.1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên tiếng Việt:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tên tiếng Anh:	Orient Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt:	OCB
Mã chứng khoán:	OCB
Trụ sở chính:	Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 38 220 960 - 38 220 962 - 38 220 951
Fax:	(028) 38 220 963
Website:	<a href="http://www.ocb.com.vn">www.ocb.com.vn</a>
Mã số thuế:	0300852005
Đăng ký kinh doanh:	<p>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/05/1996, cấp thay đổi lần thứ 36 ngày 11/11/2020.</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/1996.</p> <p>Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 1114/GP/UB do UBND TP.HCM cấp ngày 08/05/1996.</p>
Vốn điều lệ (thời điểm gần nhất):	10.959.063.430.000 VND (Mười nghìn chín trăm năm mươi chín tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

Logo:



**Các lĩnh vực hoạt động**

Lĩnh vực hoạt động của OCB theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p><b>Hoạt động trung gian tiền tệ khác</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam.</li> <li>- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước.</li> <li>- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác.</li> <li>- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tình chất và khả năng nguồn vốn.</li> <li>- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá. Hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành.</li> <li>- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng.</li> <li>- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.</li> <li>- Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Cấp tín dụng dưới các hình thức:               <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chiết khấu, tài chiết khấu công cụ chuyển nhượng; tài chiết khấu giấy tờ có giá;</li> <li>• Phát hành thẻ tín dụng;</li> <li>• Bảo lãnh ngân hàng;</li> </ul> </li> <li>- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</li> <li>- Mở tài khoản:               <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</li> <li>• Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài khác.</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</li> <li>- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</li> <li>- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</li> <li>- Tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá trị khác trên thị trường tiền tệ.</li> <li>- Dịch vụ môi giới tiền tệ.</li> <li>- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Mua nợ.</li> <li>- Bao thanh toán.</li> <li>- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.</li> </ul>	<p><b>6419</b> <b>(Chính)</b></p>

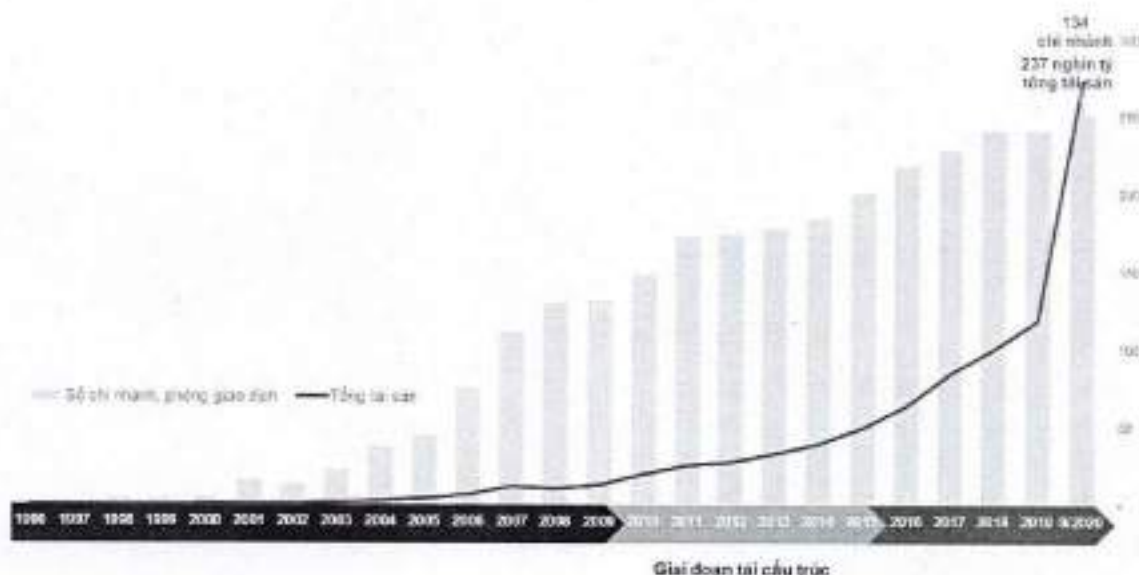
NGÂN HÀNG  
 OCB  
 QUẬN

NG  
 HƯ  
 HƯ

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Lưu ký chứng khoán. - Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.	
2	<b>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</b> - Kinh doanh mua, bán vàng miếng.	4662

#### 4.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) được thành lập từ ngày 10/06/1996, tính đến nay OCB đã trải qua 24 năm hoạt động và phát triển. Hiện OCB có 134 đơn vị kinh doanh trải dài tại khắp các tỉnh thành, trung tâm kinh tế trọng điểm trên cả nước và được đánh giá là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng mạnh về tổng tài sản cũng như lợi nhuận trong vòng 05 năm vừa qua trong hệ thống các tổ chức tài chính tại Việt Nam.



OCB luôn chú trọng thực hiện chiến lược: phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Để đạt được điều này, OCB hiện đang tập trung nguồn lực, mở rộng mạng lưới giao dịch, tăng năng lực cạnh tranh, tăng cường các hoạt động quản lý rủi ro, thực thi chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 đưa OCB trở thành một trong những ngân hàng có tốc độ kinh doanh tăng trưởng vượt bậc và là một trong những ngân hàng hoạt động hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

#### Chặng đường phát triển của OCB

Năm	Sự kiện
1996	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân hàng TMCP Phương Đông được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Ngân hàng Thương mại Cổ phần với thời gian hoạt động trong vòng 99 năm kể từ ngày 13/04/1996. Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/1996 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300852005 ngày 10/05/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh khác.</li> </ul>

Năm	Sự kiện
2011 – 2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>OCB tiến hành tái cơ cấu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tập trung vào củng cố năng lực kinh doanh, nâng cấp hoạt động quản trị, quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế với sự hợp tác của KPMG và DBS Singapore.</li> </ul>
2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động kinh doanh của OCB đã có những bước tiến vượt bậc, đây là kết quả của quá trình tái cơ cấu 5 năm từ 2011 – 2015 và sự bắt nhịp kịp thời với những biến động tích cực thị trường. Các chỉ số về tốc độ tăng trưởng kinh doanh, hiệu quả và an toàn hoạt động của OCB thuộc nhóm tốt nhất toàn ngành.</li> <li>Khởi Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) được thành lập mới với sự ra đời của 19 trung tâm SME.</li> </ul>
2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín thế giới Moody's đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm lần đầu cho OCB ở mức B2, mức xếp hạng cao trong các ngân hàng cổ phần tại Việt Nam và dưới một bậc so với mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia B1 của Việt Nam.</li> <li>Đồng thời, báo cáo đánh giá của Moody's cũng cho thấy, OCB là ngân hàng có sự cải thiện chất lượng tài sản tốt; hoạt động kinh doanh hiệu quả và có xu hướng tiếp tục tăng trưởng; hệ thống quản trị rủi ro an toàn hiệu quả. Moody's cũng đánh giá mức tín nhiệm B1 đối với chỉ tiêu khả năng nguồn lực thanh khoản của OCB.</li> <li>Thành lập công ty chuyển tiền quốc tế trực thuộc Ngân hàng nhằm khẳng định sự chuyên nghiệp trong hoạt động và tạo tiền đề tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ dành cho khách hàng.</li> <li>Hoàn thành dự án Basel II, là ngân hàng đầu tiên công bố hoàn tất việc triển khai Basel II tại Việt Nam.</li> </ul>
2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>OCB triển khai xây dựng nền tảng OMNI-Channel với sự hợp tác của đối tác Asseco Group (có mặt hầu hết tại các nước Châu Âu, Canada, Mỹ, Nhật, Israel) và đối tác Fintek – Công ty tư vấn phát triển và cung cấp dịch vụ công nghệ tại Việt Nam, ra mắt ứng dụng ngân hàng hợp kênh OCB OMNI channel, áp dụng nền tảng OMNI-Channel (hợp kênh) vào các hoạt động của Ngân hàng, đánh dấu bước ngoặt mới trở thành Ngân hàng hợp kênh đầu tiên tại Việt Nam.</li> <li>Moody's tăng mức tín nhiệm và xếp hạng lên B1 đối với xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và xếp hạng tiền gửi.</li> </ul>
2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>OCB thuộc nhóm những ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao nhất năm 2019 là 25,5%.</li> <li>Moody's tăng bậc xếp hạng đánh giá rủi ro đối tác (CRA) và xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) lên mức Ba3.</li> <li>OCB ra mắt ứng dụng OMNI Corp – hệ thống ngân hàng điện tử dành riêng cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp. Với hệ thống này, doanh nghiệp có thể quản lý tài chính đa dạng và trực quan với các tính năng tiện lợi.</li> <li>Kết thúc năm 2019, OCB nằm trong Top 3 những ngân hàng hoạt động hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) từ năm 2016 đến 2019 đạt trên 88%.</li> <li>Ký kết thỏa thuận Hợp tác Phân phối độc quyền chiến lược với Tập đoàn bảo hiểm Generali – Italia với thời hạn là 15 năm, phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua kênh Ngân hàng (Bancassurance).</li> <li>Ký kết hợp tác với tổ chức tài chính Quốc tế (IFC) về gói cung cấp tín dụng 100 triệu USD và chương trình tư vấn thúc đẩy chuỗi tài trợ cung ứng.</li> </ul>
2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>OCB thực hiện tăng vốn điều lệ lên 8.767.250.750.000 đồng cho đối tác nước ngoài là AOZORA BANK, LTD (Aozora).</li> </ul>

DỊCH  
 HOÀN  
 PHỒ  
 MINH  
 Ở CHỖ

\* H  
 \* H  
 \* H  
 \* H  
 \* H



Năm	Sự kiện
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Aozora là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính, hoạt động hiệu quả tại thị trường Nhật Bản. Aozora có trụ sở chính tại Tokyo với mạng lưới kinh doanh gồm 21 chi nhánh trong nước, 03 văn phòng đại diện nước ngoài (tại Mỹ, Thượng Hải và Singapore), 02 định chế tài chính (trụ sở tại Hồng Kông và Luân Đôn) và có quan hệ đối tác với các ngân hàng lớn tại Đông Nam Á. Trở thành cổ đông lớn của OCB, Aozora cam kết hỗ trợ OCB về nhiều mặt thông qua việc cử các chuyên gia tham gia vào hoạt động quản trị và điều hành, hỗ trợ phát triển kinh doanh, hỗ trợ các hoạt động bán lẻ, quản lý rủi ro, nâng cao công nghệ và ngân hàng số. Đồng thời, hai ngân hàng sẽ liên kết cung cấp dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp Nhật Bản hoạt động tại thị trường Việt Nam.</li> <li>OCB tiếp tục ra mắt dịch vụ Chuyển Tiền Quốc Tế Online (trực tuyến) thông qua ứng dụng Ngân hàng số OCB OMNI.</li> <li>OCB phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành 25%, nâng tổng mức vốn điều lệ lên 10.959.063.430.000 đồng.</li> </ul>

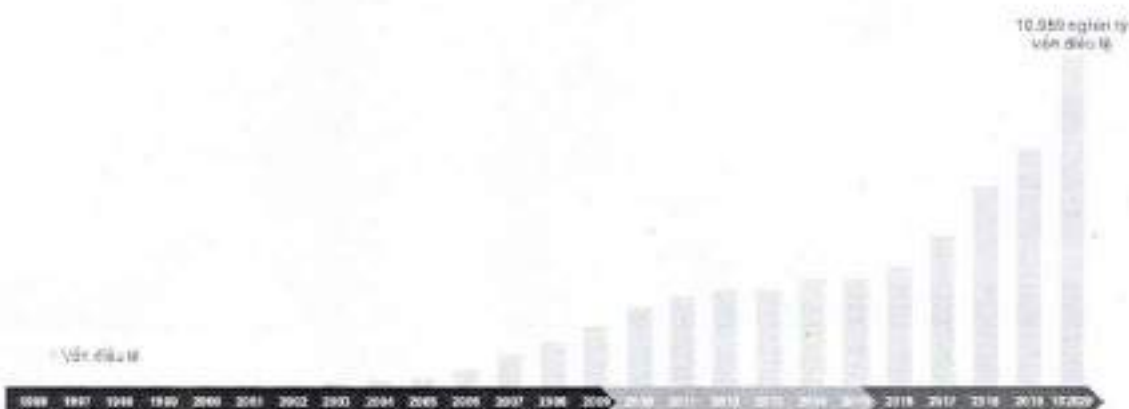
**Các danh hiệu & phần thưởng cao quý OCB được trao trong thời gian qua**

Năm	Tên giải thưởng	Đơn vị trao tặng
2012	Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong Chương trình Tái trợ thương mại Toàn cầu (GTFP)	IFC, thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới
	Ngân hàng Việt Nam có Dự án Công nghệ tiêu biểu nhất	IBM
	Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2012	Bộ Công thương và Thời báo Kinh tế Việt Nam
	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	VietNamNet
	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	VietNamNet
	Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam	VietNamNet
2013	Top 10 Thương hiệu – Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam	Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam
	Thương hiệu thân thiện với môi trường	Bộ Khoa học – Công nghệ và Hiệp hội Khoa học – Công nghệ & Môi trường VN
	Doanh nghiệp tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
	Thương hiệu Xuất sắc	Hội Sở hữu trí tuệ Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ chức AQA – Hoa Kỳ
	"Sản phẩm, dịch vụ uy tín, chất lượng do người tiêu dùng bình chọn" cho gói sản phẩm giao dịch hàng ngày (Daily Banking)	Trung ương Hội tiêu chuẩn & Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và Bảo Người tiêu dùng
	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	VietNamNet

Năm	Tên giải thưởng	Đơn vị trao tặng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam</li> <li>Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam</li> <li>Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2013</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>VietNamNet</li> <li>VietNamNet</li> <li>Bộ Công thương và Thời báo Kinh tế Việt Nam</li> </ul>
2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng khen đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp và chương trình cho vay bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố liên tục nhiều năm.</li> <li>Chứng nhận "Hàng Việt tốt – Dịch vụ hoàn hảo năm 2014"</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam tổ chức.</li> </ul>
2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thương hiệu xuất sắc VN năm 2015</li> <li>Sao vàng Đất Việt năm 2015</li> <li>Nhóm Ngân hàng Tốt nhất VN năm 2015</li> <li>Top Brands - Thương hiệu hàng đầu VN 2015</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cục sở hữu trí tuệ và tổ chức AQA Hoa Kỳ (cùng chứng nhận, dưới sự bảo trợ của Bộ khoa học công nghệ)</li> <li>Trung ương hội Thanh niên Việt Nam</li> <li>World Finance</li> <li>Viện nghiên cứu kinh tế phối hợp với Global GTA International, cùng đơn vị đánh giá và chứng nhận quốc tế Công hòa Liên bang Đức đồng tổ chức</li> </ul>
2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>Danh hiệu "Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam 2016"</li> <li>Giải thưởng Tổ chức tín dụng tăng trưởng bền vững và chất lượng dịch vụ uy tín Việt Nam năm 2015"</li> <li>Danh hiệu "Lãnh đạo tổ chức tín dụng xuất sắc"</li> <li>Giải thưởng Thương hiệu thân thiện với môi trường và sản phẩm thân thiện môi trường.</li> <li>Giải thưởng Doanh nghiệp tiên phong đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế xanh bền vững;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam</li> <li>Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia phối hợp với Báo Thương hiệu và Công luận.</li> <li>Báo Thương hiệu và Công luận.</li> <li>Hội kinh tế Môi trường Việt Nam</li> <li>Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>
2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Top 10 thương hiệu tiêu biểu Châu Á Thái Bình Dương</li> <li>Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Business Council), Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Ấn phẩm đối ngoại Asia Pacific Economic Review, Câu lạc bộ Doanh nhân Châu Á – Thái Bình Dương</li> <li>Thời báo Kinh tế Việt Nam</li> </ul>

Năm	Tên giải thưởng	Đơn vị trao tặng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Top 9 tổ chức Tài chính – Ngân hàng – Bất động sản trong Top 500 Doanh nghiệp Việt Nam tăng trưởng thịnh vượng</li> <li>Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ ưu việt năm 2017</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vietnam Report</li> <li>Thời báo Kinh tế Việt Nam</li> </ul>
2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Top 100 Doanh nghiệp Sao Vàng Đất Việt</li> <li>Ngân Hàng Có Sản Phẩm Dịch Vụ Sáng Tạo Tiêu Biểu</li> <li>Most Innovative Digital Bank 2018 – Ngân hàng số đột phá nhất năm 2018 và Best New OMNI Channel Platform – Nền tảng kênh OMNI mới tốt nhất</li> <li>Thương hiệu Tin &amp; Dùng - Hạng mục Dịch vụ bán lẻ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam</li> <li>Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu Quốc tế (IDG)</li> <li>Tạp chí tài chính quốc tế International Finance Magazine (IFM)</li> <li>Thời báo Kinh tế Việt Nam</li> </ul>
2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Top 100 công ty đại chúng lớn nhất</li> <li>Ngân hàng số đột phá hai năm liên tiếp và Ngân hàng tăng trưởng nhanh nhất 2019</li> <li>Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á – Thái Bình Dương 2019</li> <li>Thương hiệu Tin &amp; Dùng 2019 – Hạng mục Dịch vụ bán lẻ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Forbes Việt Nam</li> <li>Tạp chí tài chính quốc tế International Finance Magazine (IFM)</li> <li>APEA</li> <li>Thời báo Kinh tế Việt Nam</li> </ul>
2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2020</li> <li>Top 100 Thương hiệu nhà tuyển dụng được yêu thích</li> <li>Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam</li> <li>Top 10 ngân hàng TMCP tư nhân uy tín</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạp chí tài chính quốc tế International Finance Magazine (IFM)</li> <li>Tổ chức tư vấn châu Á về nguồn nhân lực</li> <li>Vietnam Report</li> <li>Vietnam Report</li> </ul>

#### 4.1.3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ



Vốn điều lệ của OCB khi thành lập là 70 tỷ đồng, đến nay vốn điều lệ của OCB là 10.959 tỷ đồng. OCB đã thực hiện tăng vốn 18 lần với chi tiết như sau:

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
1996	-	-	70.000	70.000	Góp vốn thành lập	NHNN và Sở KH&ĐT TP. HCM
2003	1	70.000	23.736	93.736	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	2	93.736	7.615	101.351	Phát hành cổ phiếu để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Nông Thôn Tây Đô	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2004	3	101.351	35.779	137.130	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	4	137.130	62.870	200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2005	5	200.000	100.000	300.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2006	6	300.000	267.000	567.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2007	7	567.000	544.111	1.111.111	Phát hành cổ phiếu thường cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2008	8	1.111.111	363.366	1.474.477	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2009	9	1.474.477	525.523	2.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2010	10	2.000.000	635.000	2.635.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu; chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2011	11	2.635.000	365.000	3.000.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2012	12	3.000.000	234.000	3.234.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2014	13	3.234.000	313.148	3.547.148	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2016	14	3.547.148	452.852	4.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2017	15	4.000.000	1.000.000	5.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ	UBCKNN; NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2018	16	5.000.000	1.599.211	6.599.211	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN; NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2019	17	6.599.211	1.299.360	7.898.571	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN; NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2020	18	7.898.571	868.680	8.767.251	Phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2020	19	8.767.251	2.191.813	10.959.063	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

#### 4.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Ngân hàng

OCB được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Luật Các Tổ chức Tín Dụng. Các hoạt động của OCB tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Các Tổ chức Tín Dụng.

##### Cơ cấu tổ chức của OCB



Tính đến ngày 25/12/2020, cơ cấu tổ chức của OCB bao gồm 01 Công ty con, Hội sở chính tại Hồ Chí Minh và 133 Chi nhánh, Phòng giao dịch trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam, cụ thể:

- Công ty con là Công ty TNHH MTV Chuyên Tiền Quốc Tế Ngân Hàng Thương Mại Phương Đông. Thông tin chi tiết về công ty con được trình bày tại mục 4.5.2 Bản cáo bạch này.
- Hội sở chính của OCB tại Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh – Phòng giao dịch: chi tiết như sau:

STT	Vị trí địa lý	Chi nhánh/ PGD	STT	Vị trí địa lý	Chi nhánh/ PGD
1	Thành phố Hồ Chí Minh	39 (Bao gồm Hội sở)	17	An Giang	4
2	Bà Rịa Vũng Tàu	3	18	Bạc Liêu	5
3	Bắc Ninh	1	19	Bình Định	1
4	Bình Dương	5	20	Cà Mau	4
5	Cần Thơ	5	21	Đà Nẵng	7
6	Dak Lak	4	22	Đồng Nai	4
7	Đồng Tháp	2	23	Hà Nội	8
8	Hải Phòng	4	24	Hậu Giang	1
9	Khánh Hòa	4	25	Kiên Giang	4
10	Lạng Sơn	1	26	Long An	4
11	Nghệ An	4	27	Ninh Bình	1
12	Pleiku	1	28	Quảng Nam	2
13	Quảng Ngãi	2	29	Quảng Ninh	3
14	Sóc Trăng	2	30	Tây Ninh	1
15	Thái Nguyên	1	31	Thanh Hóa	4
16	Vĩnh Long	2	32	Vĩnh Phúc	1

OCB tập trung phân bố các chi nhánh, phòng giao dịch ở các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Miền Nam, tiếp đến là khu vực Miền Trung và Miền Bắc, cụ thể như sau:

- Khu vực miền Nam: 85 chi nhánh, phòng giao dịch, chiếm tỷ trọng 63,43%.
- Khu vực miền Trung: 29 chi nhánh, phòng giao dịch, chiếm tỷ trọng 21,64%.
- Khu vực miền Bắc: 20 chi nhánh, phòng giao dịch, chiếm tỷ trọng 14,93%.

#### 4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

OCB được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ OCB.

#### Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của OCB



#### 4.3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định những vấn đề quan trọng của OCB theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của OCB. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của OCB, và bầu, miễn nhiệm các chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của OCB và thực hiện các quyền hạn khác. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần.

#### 4.3.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB trong việc quản trị, điều hành OCB; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. BKS hiện tại của OCB gồm 03 thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.3.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị OCB, có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có vai trò và trách nhiệm giám sát và đưa ra những quyết định chủ chốt liên quan đến định hướng tái chính và vận hành, cũng như đặt ra chiến lược quản trị rủi ro nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược, hướng đến thành công lâu dài và mang đến những giá trị bền vững cho cổ đông. HĐQT hiện tại của OCB gồm 08 thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.



OCB thành lập 07 ủy ban trực thuộc HĐQT để thực hiện công tác giám sát và tham mưu cho HĐQT, chi tiết như sau:

STT	Ủy ban trực thuộc HĐQT	Chức năng
1	Ủy ban Quản lý rủi ro (QLRR)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho HĐQT về khung quản lý rủi ro, đảm bảo OCB có các chính sách và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả.</li> <li>Giám sát hoạt động QLRR tại OCB.</li> </ul>
2	Ủy ban Nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho HĐQT đưa ra các định hướng trong công tác quản lý nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác cho cán bộ nhân viên OCB.</li> </ul>
3	Ủy ban Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt tín dụng.</li> <li>Phê duyệt khung quản lý rủi ro tín dụng.</li> <li>Tư vấn cho Ủy ban quản lý rủi ro về quản lý rủi ro tín dụng.</li> </ul>
4	Ủy ban Xử lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chính sách dự phòng.</li> <li>Quyết định và phê duyệt cơ cấu nợ đối với các khoản vay.</li> <li>Quyết định và phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.</li> <li>Quyết định các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn hoặc trong hạn tiềm ẩn rủi ro.</li> </ul>
5	Ủy ban Cơ cấu nợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt các khoản nợ cơ cấu thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> <li>Tham mưu cho HĐQT về hoạt động cơ cấu nợ theo quy định.</li> </ul>
6	Hội đồng mua bán nợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho HĐQT về hoạt động mua, bán nợ.</li> <li>Phê duyệt mua, bán nợ trong phạm vi thẩm quyền cho phép.</li> </ul>
7	Ủy ban Hợp tác chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho HĐQT trong việc hợp tác chiến lược giữa OCB và Ngân hàng Aozora.</li> <li>Tham mưu về vấn đề:               <ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp tác và phát triển kinh doanh.</li> <li>Hợp tác để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro của OCB.</li> </ul> </li> </ul>

#### 4.3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm gồm Tổng Giám đốc, 06 Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, đảm nhiệm công việc thực hiện các chiến lược kinh doanh mà HĐQT đặt ra, quản lý và giải quyết các công việc hàng ngày của Ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc điều hành các khối nghiệp vụ bao gồm: Khối Bán lẻ, Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ, Khối Kinh doanh tiền tệ và đầu tư, Khối Quản lý rủi ro, Khối Công nghệ, Khối Khách hàng đại chúng, các Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc và các chi nhánh, phòng giao dịch.

OCB thành lập 04 Hội đồng trực thuộc Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

STT	Hội đồng trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	Chức năng
1	Hội đồng xét duyệt sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xem xét, phê duyệt sản phẩm, triển khai sản phẩm mới.</li> <li>Xem xét, đánh giá để ra quyết định phê duyệt, đề xuất liên quan đến việc phát triển sản phẩm.</li> </ul>
2	Hội đồng rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho Tổng Giám đốc về thực hiện quản lý rủi ro tại OCB.</li> <li>Triển khai thực hiện công tác quản lý rủi ro.</li> </ul>
3	Hội đồng quản lý vốn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu cho Tổng Giám đốc về hoạt động quản lý vốn tại OCB.</li> <li>Triển khai thực hiện đánh giá nội bộ về quản lý vốn.</li> </ul>
4	Hội đồng ALCO	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có và cấu trúc bảng tổng kết tài sản của OCB.</li> <li>Quản lý rủi ro thị trường.</li> <li>Quản lý rủi ro thanh khoản.</li> </ul>

#### 4.3.5. Các Khối chức năng, Phòng, Ban và Trung tâm

Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các khu vực trên toàn hệ thống OCB. Ngoài ra, OCB còn có các Phòng, Ban, Trung tâm khác trực thuộc Tổng Giám đốc có chức năng tham mưu, xây dựng, triển khai các định hướng của Tổng Giám đốc và cung cấp dịch vụ theo từng lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn cho toàn hệ thống theo mục tiêu chung của Ngân hàng.

STT	Khối chức năng, Phòng, Ban và Trung tâm	Chức năng/Nhiệm vụ chính
1	Khối Bán lẻ (RB)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, tổ chức, triển khai kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc khách hàng cá nhân.</li> </ul>
2	Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, tổ chức, triển khai kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc SME và phân khúc MSME.</li> </ul>
3	Khối Khách hàng doanh nghiệp (CB)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, tổ chức, triển khai kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc khách hàng doanh nghiệp.</li> </ul>
4	Khối Khách hàng đại chúng (Com-B)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý và phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc khách hàng cá nhân.</li> </ul>
5	Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, tổ chức, triển khai hoạt động kinh doanh tiền tệ, kinh doanh ngoại hối, đầu tư chứng khoán, giao dịch với định chế tài chính trong và ngoài nước, điều hòa nguồn vốn trên toàn hệ thống.</li> </ul>
6	Khối Quản lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý và phát triển khung chính sách, công cụ quản lý rủi ro cho Ngân hàng.</li> <li>Thực hiện công tác quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro doanh nghiệp, và quản lý rủi ro hoạt động.</li> </ul>

STT	Khối chức năng, Phòng, Ban và Trung tâm	Chức năng/Nhiệm vụ chính
7	Khối Quản lý tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý và thực hiện công tác thẩm định tín dụng, phê duyệt tín dụng.</li> <li>Quản lý và thực hiện công tác định giá tài sản đảm bảo theo thẩm quyền trên toàn hệ thống.</li> <li>Giám sát chất lượng thẩm định giá nội bộ và bên ngoài.</li> <li>Quản lý và thực hiện công tác xử lý giao dịch tín dụng.</li> <li>Giám sát tính tuân thủ của hệ thống trong hoạt động cấp tín dụng.</li> </ul>
8	Khối Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức xây dựng, vận hành và kiểm soát hạ tầng công nghệ Ngân hàng đáp ứng nhu cầu kinh doanh, đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn bảo mật.</li> </ul>
9	Trung tâm Quản lý tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính; quản lý, giám sát, phân tích, đánh giá kế hoạch, tình hình tài chính của OCB.</li> <li>Xây dựng và quản trị hệ thống thông tin báo cáo và giám sát tiến độ thực hiện các báo cáo định kỳ.</li> <li>Quản lý, thực hiện các quy định, báo cáo về kế toán.</li> <li>Xây dựng, quản lý, thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngân quỹ.</li> <li>Xây dựng, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán trong và ngoài nước.</li> </ul>
10	Trung tâm Xử lý nợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi nợ tại OCB.</li> <li>Quản lý thông tin nợ tiềm ẩn rủi ro và nợ quá hạn toàn hệ thống, thẩm định hồ sơ cơ cấu nợ.</li> </ul>
11	Trung tâm Ngân hàng số	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển, quản lý, vận hành và kinh doanh các sản phẩm số, nền tảng số.</li> <li>Phát triển, quản lý và cung cấp các dữ liệu và công cụ phục vụ cho hoạt động phát triển sản phẩm dịch vụ, kinh doanh và vận hành.</li> </ul>
12	Trung tâm Truyền thông và Marketing	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phối hợp với các Khối Kinh doanh xây dựng các hoạt động truyền thông và marketing của OCB.</li> <li>Quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, marketing của OCB, gồm truyền thông nội bộ và bên ngoài.</li> </ul>
13	Phòng Nhân sự và Đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</li> <li>Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nguồn nhân lực của OCB.</li> <li>Xây dựng, cải tiến các quy chế, quy trình và chính sách lương thưởng, phúc lợi nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực cho Ngân hàng.</li> </ul>
14	Phòng Pháp chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn pháp luật trong hoạt động kinh doanh của OCB.</li> </ul>

STT	Khối chức năng, Phòng, Ban và Trung tâm	Chức năng/Nhiệm vụ chính
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ tại OCB; tiếp nhận, xử lý các nội dung khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức bên ngoài đối với OCB.</li> </ul>
15	Phòng Hành chính quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện nghiệp vụ hành chính văn thư.</li> <li>Quản lý và thực hiện hoạt động mua sắm và cung ứng; quản lý và khai thác tài sản của.</li> <li>Quản lý hoạt động của hệ thống kênh phân phối.</li> </ul>
16	Ban Phát triển và vận hành BPM	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển, triển khai, vận hành và cải tiến quy trình nghiệp vụ trên hệ thống BPM.</li> </ul>
17	Ban FDI & Korean Desk	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khai thác và thực hiện hoạt động kinh doanh đối với nhóm khách hàng cá nhân Hàn Quốc và Khách hàng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).</li> </ul>

#### 4.4. Danh sách cổ đông

##### 4.4.1. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng tại ngày 23/11/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>3.053</b>	<b>882.195.450</b>	<b>8.821.954.500.000</b>	<b>80,50%</b>
	Tổ chức	32	275.274.607	2.752.746.070.000	25,12%
	Cá nhân	3.021	606.920.843	6.069.208.430.000	55,38%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>4</b>	<b>213.710.893</b>	<b>2.137.108.930.000</b>	<b>19,50%</b>
	Tổ chức	2	213.680.902	2.136.809.020.000	19,50%
	Cá nhân	2	29.991	299.910.000	0,00%
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.057</b>	<b>1.095.906.343</b>	<b>10.959.063.430.000</b>	<b>100%</b>

##### 4.4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 23/11/2020

STT	Tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ năm giữ
1	AOZORA BANK, LTD	6-1-1 Kojimachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	0100-01-016861	164.385.952	15%

##### 4.4.3. Cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngân hàng TMCP Phương Đông được thành lập ngày 10/05/1996 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

4.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng

4.5.1. Danh sách công ty mẹ của Ngân hàng

Không có.

4.5.2. Danh sách các công ty con tại ngày 30/09/2020

Tại ngày 30/09/2020, OCB có một công ty con. Thông tin chi tiết như sau:

**Danh sách công ty con tại thời điểm 30/09/2020**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần OCB nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu của OCB
1	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông	Tầng 11, cao ốc 123, số 123- 127 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	25 tỷ đồng	2.500.000	100,00%

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông chi tiết như sau:

	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	09 tháng Năm 2020 (đồng)
<b>A. Bảng cân đối kế toán</b>			
Tài sản ngắn hạn	86.397.145.318	77.702.166.588	105.447.349.070
Tài sản dài hạn	408.943.320	787.068.320	722.380.820
<b>Tổng tài sản</b>	<b>86.806.088.638</b>	<b>78.489.234.908</b>	106.169.729.890
Nợ ngắn hạn	60.176.664.425	52.991.798.393	77.139.975.602
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	26.629.424.213	25.497.436.515	29.029.754.288
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>86.806.088.638</b>	<b>78.489.234.908</b>	106.169.729.890
<b>B. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.018.502.263	8.389.079.515	12.384.262.806
Doanh thu hoạt động tài chính	135.794.665	44.931.056	39.244.195
Chi phí tài chính	-	143.156.148	-
Chi phí bán hàng	2.110.511.123	1.478.457.860	1.771.088.478
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.011.184.748	6.154.811.881	5.471.354.567
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.032.601.057</b>	<b>657.584.682</b>	5.181.063.956
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>1.629.424.213</b>	<b>497.436.515</b>	4.144.851.164

#### 4.5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Ngân hàng tại ngày 30/09/2020

Không có.

#### 4.5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Ngân hàng

Không có.

### 4.6. Hoạt động kinh doanh

#### 4.6.1. Ngành nghề kinh doanh chính

OCB cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các nhu cầu của khách hàng ở các phân khúc khác nhau, với mục đích trở thành ngân hàng tốt hàng đầu tại Việt Nam. Danh mục sản phẩm và dịch vụ của OCB, được chia theo các khối kinh doanh chính cụ thể như sau: (i) Khối Bán lẻ (Retail Banking – RB); (ii) Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro, Small & Medium Enterprise – MSME); (iii) Khối Khách hàng doanh nghiệp (Commercial Banking – CB); và (iv) Khối Kinh doanh tiền tệ và đầu tư (Treasury).

##### Khối Bán lẻ (RB)

Khối Bán lẻ có chức năng chính là quản lý và phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc khách hàng cá nhân. Khối cung cấp đa dạng sản phẩm theo phân khúc khách hàng, theo khu vực địa lý và ngành nghề để đưa ra các giải pháp cạnh tranh đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng trong 5 lĩnh vực: vay (các sản phẩm cho vay), tiết kiệm (các sản phẩm tiền gửi), thanh toán, đầu tư và sản phẩm bảo vệ (các sản phẩm Bancassurance).

Khối Bán lẻ của OCB tập trung vào việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng cá nhân với số lượng lên đến khoảng 1,4 triệu khách hàng. OCB đã thành công trong việc tận dụng mạng lưới khách hàng trong việc cung cấp các sản phẩm ngân hàng truyền thống như tiền gửi tiết kiệm, cho vay kinh doanh và tiêu dùng. OCB còn đồng thời đẩy mạnh các sản phẩm tài chính mới nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng. Khách hàng có thể linh hoạt trong việc lựa chọn sản phẩm tiết kiệm truyền thống hoặc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp do OCB phân phối hoặc bảo lãnh.

Các sản phẩm dịch vụ khác như các sản phẩm bảo hiểm (bancassurance), phân phối sản phẩm chứng chỉ quỹ VinaCapital, thanh toán trực tiếp với các công ty dịch vụ như điện, nước, internet..., cũng được đẩy mạnh. Trong những năm vừa qua, OCB tập trung phát triển sản phẩm cho các đối tượng khách hàng là sinh viên và giáo viên các trường học để cung cấp sản phẩm dịch vụ thu hộ học phí, chi lương cho giáo viên,... OCB tự hào là ngân hàng đi tiên phong trong mảng dịch vụ này. Đây là cơ sở để OCB gia tăng và phát triển cơ sở khách hàng trong tương lai, tăng khả năng tiếp cận và đồng hành với khách hàng một cách chuyên sâu và toàn diện từ giai đoạn rất sớm.

Trong giai đoạn sắp tới, Khối Bán lẻ cũng sẽ đẩy mạnh dịch vụ dành cho khách hàng ưu tiên nhằm khai thác tốt cơ sở khách hàng hiện tại đang là chủ các doanh nghiệp có khoản vay cho doanh nghiệp của mình tại OCB. Đối với phân khúc này, khách hàng đã có lịch sử giao dịch tại OCB, vì vậy, OCB có thể đánh giá được chất lượng tín dụng của khách hàng tốt hơn, đồng thời cung cấp sản phẩm phù hợp và tối ưu nhất cho khách hàng.

#### Sản phẩm và dịch vụ

##### Cơ cấu sản phẩm và dịch vụ



Một số sản phẩm và dịch vụ chủ yếu bao gồm:

- Tiền gửi khách hàng
  - Tiền gửi không kỳ hạn với các gói tài khoản khác nhau cung cấp các tiện ích cho từng đối tượng khách hàng như: gói tài khoản thông minh vàng và kim cương dành cho khách hàng thông thường, gói tài khoản giáo dục dành riêng cho đối tượng sinh viên, gói tài khoản chi lương dành cho đối tượng khách hàng chi lương qua OCB.
  - Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với các mức lãi suất khác nhau tương ứng theo thời hạn gửi của khách hàng.
- Cho vay khách hàng
  - OCB tập trung các sản phẩm cho vay chủ yếu có tài sản bảo đảm để góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững và gia tăng thu nhập lãi, trong khi rủi ro được tối thiểu hóa. Danh mục sản phẩm cho vay đa dạng gồm cho vay mua bất động sản; cho vay mua nhà, căn hộ dự án; cho vay xây dựng, sửa chữa nhà; cho vay hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; cho vay Top-up tín chấp; cho vay tiêu dùng tín chấp cán bộ nhân viên; cho vay tiêu dùng tín chấp Com-B.
- Thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ
- Dịch vụ ngân hàng số
- Dịch vụ Bancassurance
  - OCB hợp tác với công ty bảo hiểm để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng
- Và các sản phẩm khác liên quan đến dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế; mua/bán ngoại tệ và dịch vụ kiều hối.

### Ngân hàng số OCB OMNI

OCB OMNI và Hệ sinh thái OMNI PAY tiếp tục khẳng định tầm nhìn và chiến lược của OCB trong việc triển khai chiến lược công nghệ số vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, phát triển hài hòa giữa chiến lược số hóa hệ sinh thái ngân hàng với mô hình kinh doanh, giúp không ngừng tối ưu và nâng tầm trải nghiệm của khách hàng.

Hệ sinh thái OMNI PAY được cải tiến với các tính năng xác thực giao dịch trực tuyến mới OCB iOTP với công nghệ soft OTP nâng cao; triển khai hệ thống liên kết thu hộ học phí cho các trường học qua kênh giao dịch tại quầy và ngân hàng điện tử. OCB cũng hoàn thành xây dựng hệ thống Open API hỗ trợ kết nối thanh toán dễ dàng giữa các đối tác.

Đồng thời, trong năm qua, Ngân hàng số OCB OMNI cũng đã hoàn thiện và cho ra mắt hệ thống OCB OMNI Loyalty trên nền tảng tích điểm cho các giao dịch trực tuyến trên ứng dụng, nhằm tri ân, khuyến khích khách hàng gắn bó với ứng dụng OCB OMNI như một công cụ hỗ trợ đắc lực trong cuộc sống.

### Bancassurance

Ngày 19/10/2019, OCB ký kết thỏa thuận Hợp tác phân phối độc quyền với Tập đoàn bảo hiểm Generali – Italia với thời hạn là 15 năm. Việc hợp tác độc quyền dài hạn này cho phép OCB và Generali cùng nhau phát triển các giải pháp bảo hiểm như: sản phẩm “Vita Sống Thịnh Vượng; sản phẩm “Vita Sống Lạc Quan” – đây là sản phẩm kết hợp cả 03 yếu tố: bảo vệ khách hàng toàn diện trước các bệnh hiểm nghèo, đầu tư hiệu quả với lãi suất hấp dẫn mà không phụ thuộc vào kỳ hạn hay khoản tiền đầu tư, linh hoạt tham gia thêm các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ; sản phẩm “Vita Là Chấn Vàng”.

Bên cạnh đó, OCB cũng tiến hành hợp tác với đối tác là công ty bảo hiểm khác có uy tín, kinh nghiệm và thị phần hàng đầu tại thị trường Việt Nam, điển hình như Bảo Việt, để liên kết phân phối các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ ngoài phạm vi thỏa thuận độc quyền với đối tác Generali.

Hoạt động này đã đóng góp đáng kể cho việc gia tăng thu nhập phí dịch vụ cho OCB đối với mảng đại lý bảo hiểm và phí liên kết bảo hiểm, phù hợp với chiến lược đẩy mạnh thu từ phí dịch vụ trong tổng thu nhập của OCB.

### Thẻ tín dụng

Bên cạnh các sản phẩm thẻ đã triển khai, năm 2019 OCB chính thức phát hành “Thẻ tín dụng OCB Priority – Nâng tầm trải nghiệm khách hàng Ưu tiên” dành riêng cho phân khúc khách hàng ưu tiên, đánh dấu bước tiến mới của OCB khi sử dụng thành công công nghệ không tiếp xúc (contactless). Thẻ tín dụng OCB Priority đảm bảo bảo mật tuyệt đối khi giao dịch. Đồng thời sự kiện OCB được công nhận đạt chứng chỉ bảo mật quốc tế PCI-DSS (Payment Card Industry Data Security Standard) thể hiện nỗ lực của OCB trong việc đầu tư để đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất trên thị trường.

### Khách hàng đại chúng (Com-B)

Đối với phân khúc khách hàng đại chúng vay vốn nhằm phục vụ nhu cầu đời sống, Com-B đã triển khai các gói sản phẩm cho vay tín chấp tiêu dùng Com-B. Đối tượng chủ yếu của phân khúc này là khách hàng cá nhân và tiểu thương.

Năm 2019, cùng với định hướng đẩy mạnh chất lượng danh mục và quy mô thị trường, duy trì vị trí nhóm đầu về cung cấp sản phẩm này tại thị trường Việt Nam, Khối Com-B đã thực hiện số hóa trong hoạt động kinh doanh như mô hình chấm điểm tín dụng trên cơ sở dữ liệu thay thế, xây dựng hoàn thiện mô hình kinh doanh cho vay online trên nền tảng kỹ thuật số, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, qua đó giúp khách hàng tiếp cận được nguồn vốn có giá ưu đãi hơn.

### Định hướng phát triển

Khối Bán lẻ xác định khách hàng là trọng tâm, định hướng trong thời gian tới sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao trải nghiệm số hóa: hoạt động thanh toán, tiết kiệm, vay, đầu tư phải được đáp ứng trên nền tảng công nghệ số.
- Xây dựng hệ sinh thái số hóa và vật lý được thúc đẩy bởi các đối tác và công nghệ đa dạng đáp ứng những nhu cầu tài chính khác nhau của mỗi phân khúc khách hàng khác nhau bao gồm phân khúc khách hàng có thu nhập cao, phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và phân khúc khách hàng đại chúng có thu nhập thấp.
- Trong năm 2020, OCB đã thực hiện mở mới 05 chi nhánh tại Tây Ninh, Vĩnh Phúc, Bình Định và Hà



Nội. Dự kiến trong năm 2021, OCB sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch mở mới thêm 05 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố bao gồm: Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Huế, Lâm Đồng và 02 Phòng Giao dịch trực thuộc Chi nhánh Đắk Lắk theo định hướng phục vụ nông nghiệp và nông thôn tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa. OCB đang tiến hành việc lập hồ sơ xin cấp phép thực hiện và dự kiến khai trương vào quý IV/2021.

- Mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm Bancassurance.

Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME)

Khối Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ có nhiệm vụ phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc phân khúc khách hàng là doanh nghiệp SME và Micro SME.

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Khối bao gồm cho vay, tiền gửi, dịch vụ thanh toán, tài trợ thương mại, quản lý tiền tệ cho khách hàng thông qua các Trung tâm MSME được đặt tại các chi nhánh OCB trên khắp cả nước.

Điểm nổi bật của OCB là đã tập trung khai thác phân khúc khách hàng là các doanh nghiệp siêu nhỏ, một trong những thành phần kinh tế tư nhân đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh các kênh truyền thống, OCB cũng tích cực phát triển các kênh phân phối qua nền tảng Ngân hàng số. Trước tình hình dịch bệnh Covid -19 vừa qua, OCB đã triển khai kênh vay vốn trực tuyến mang tên OCB SME E-LENDING với nhiều sản phẩm dịch vụ, gói vay chuyên biệt dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ lần siêu nhỏ trong tháng 02/2020. OCB SME E-Lending giúp doanh nghiệp gặp khó khăn tài chính có thể chủ động tiếp cận vốn vay trực tuyến với nhiều ưu đãi lớn. Cụ thể, đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa có thời gian thành lập từ 36 tháng, có thể được cấp tín dụng tín chấp với số tiền lên đến 01 tỷ đồng, với chi phí lãi vay thuộc nhóm thấp nhất thị trường. Đối với doanh nghiệp mới thành lập trên 6 tháng, có tài sản bảo đảm là bất động sản có thể vay vốn tại OCB với số tiền lên đến 05 tỷ với tỷ lệ cho vay đến 85% giá trị bất động sản, đi kèm quyền lợi miễn phí trả nợ trước hạn. So với các quy định hiện hành chung của khối ngân hàng, OCB đã đưa ra các điều kiện cho vay linh hoạt hơn nhằm đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn trong giai đoạn hiện nay và góp phần ổn định, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh v.v.

Ngoài ra, với mong muốn mang đến cho khách hàng các giá trị gia tăng Khối SME cung ứng những giải pháp dịch vụ tài chính ngân hàng kết hợp với giải pháp công nghệ trong quản trị doanh nghiệp, OCB đã triển khai hợp tác với các đối tác như Công ty phần mềm FAST, Công ty Cổ phần MISA để cung cấp các giải pháp kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp như phần mềm quản trị doanh nghiệp, phần mềm kế toán doanh nghiệp, phần mềm hóa đơn điện tử, dịch vụ chữ ký số điện tử v.v. Theo đó, OCB sẽ áp dụng các chính sách ưu đãi cho các khách hàng của các đối tác nêu trên bao gồm ưu đãi về phí dịch vụ, phí chuyển khoản, về lãi suất cho vay v.v. và các chương trình ưu đãi khác do Khối MSME ban hành.

**Sản phẩm và dịch vụ**



Một số sản phẩm và dịch vụ nổi bật bao gồm:

- Tiền gửi khách hàng
  - Tiền gửi có kỳ hạn: Được thực hiện dưới hình thức hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn. Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, có thể là lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại OCB hay tổ chức tín dụng khác. Tiền gửi có kỳ hạn thông thường được tự động quay vòng khi đến hạn.
  - Tiền gửi không kỳ hạn: tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật.
- Cho vay khách hàng
  - Tín dụng ngắn hạn: Là các khoản cho vay với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản, thuận tiện. Bao gồm cấp tín dụng trong nước và tài trợ hoạt động xuất/nhập khẩu.
  - Tín dụng trung, dài hạn: Là các khoản vay có thời hạn trên một năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng trong việc đầu tư tài sản cố định hoặc tài trợ cho dự án, cho vay mua xe phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cho vay đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời áp mái dành cho doanh nghiệp.
- Dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế
- Dịch vụ giao dịch ngân hàng
- Dịch vụ ngân hàng số
- Và các sản phẩm khác liên quan đến dịch vụ tài trợ thương mại: mua/bán ngoại tệ, thẻ doanh nghiệp và Bancassurance.

Thực hiện theo định hướng mà Chính phủ đã đề ra cho việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, Khối MSME cũng ban hành nhiều chương trình ưu đãi lãi suất nhằm phát triển khách hàng mới, khuyến khích khách hàng tăng sử dụng sản phẩm dịch vụ tại OCB. Một số chương trình mang lại hiệu quả cao như chương trình Vốn kinh doanh ưu đãi 1.000 tỷ đồng (đã triển khai thực hiện vào tháng 04/2019 và đến nay vẫn còn tiếp tục triển khai), chương trình khách hàng mới - thành công mới (thực hiện vào Tháng 07/2020). Thông qua các chương trình, Khối MSME đồng hành cùng khách hàng trong hoạt động phát triển kinh doanh với chất lượng cao và chi phí phù hợp.

#### Định hướng phát triển

- Tăng trưởng tập trung vào huy động không kỳ hạn (CASA) với mục tiêu khách hàng chuyển dòng tiền về OCB và trở thành ngân hàng giao dịch chính trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Xây dựng danh mục sản phẩm đặc thù dành cho phân khúc MSME và SME với những quy định, điều kiện, điều khoản phù hợp với đặc điểm của khách hàng từng tiểu phân khúc (Micro Small & Medium), từng ngành, từng khu vực... Sản phẩm được xây dựng theo hướng cân bằng giữa lợi ích của khách hàng và rủi ro của ngân hàng.
- Đa dạng hoá danh mục sản phẩm: cho vay bổ sung vốn lưu động với thời gian phê duyệt nhanh và đáp ứng tối đa nhu cầu vốn, SME tín chấp là sản phẩm thu hút khách hàng mới, cho vay đầu tư hệ

thống điện mặt trời áp mái tài trợ nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp đầu tư năng lượng xanh theo định hướng của Chính phủ và muốn có "chứng nhận nhân xanh" để đạt được ưu thế trong xuất khẩu.

- Nâng cao chất lượng khách hàng, tăng cường bán chéo để gia tăng số lượng sản phẩm/khách hàng, tối thiểu 3 sản phẩm trên một khách hàng doanh nghiệp bằng các sản phẩm bán kèm: Tài trợ thương mại (L/C quốc tế, nội địa, UPAS L/C), bảo lãnh đối với 2 nhóm ngành thương mại và xây dựng.
- Phát triển kênh trực tuyến Landing page OCB SME E-Lending. Đây là một trang web cung cấp các sản phẩm chuyên biệt của OCB điển hình như: Gói tài khoản SME Daily; Cho vay tín chấp SME; Cho vay hệ thống điện mặt trời áp mái, Cho vay bổ sung vốn lưu động đảm bảo 100% bằng BĐS dành cho Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Việc phát triển kênh Landing page nhằm mục tiêu giúp khách hàng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng một cách nhanh chóng, tiện lợi và chi phí thấp nhất. Bước phát triển mới này cho thấy sự nhạy bén và tiên phong của Khối MSME trong việc ứng dụng công nghệ để cung cấp cho khách hàng MSME, SME các sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt, chất lượng, phù hợp với SME và xu thế phát triển nhanh của công nghệ số. OCB SME E-Lending giúp doanh nghiệp chủ động tiếp cận vốn vay, hoặc đăng ký mở tài khoản online với nhiều ưu đãi lớn và tiết kiệm thời gian, chi phí so với phương thức giao dịch truyền thống.
- Tiếp tục mở rộng kênh đối tác công nghệ, tìm kiếm, chọn lựa các đối tác uy tín đồng hành cùng OCB mang lại những giải pháp kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp như phần mềm quản trị doanh nghiệp (MISA, FAST...).

#### Khối Khách hàng doanh nghiệp (CB)

Khối Khách hàng doanh nghiệp có chức năng quản lý và phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng là doanh nghiệp.

Đây là một trong những khối kinh doanh trụ cột của OCB và luôn là Khối có tốc độ tăng trưởng toàn diện cả về quy mô, lợi nhuận và đạt được các chỉ số an toàn theo định hướng của Ban Điều hành.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp, OCB chú trọng xây dựng dữ liệu khách hàng và cung cấp chuỗi sản phẩm, đảm bảo phục vụ tất cả nhu cầu khách hàng, bao gồm đối tác của khách hàng và cạnh tranh tốt trên thị trường, bao gồm dịch vụ tài khoản thanh toán và quản lý dòng tiền, ngân hàng điện tử, các khoản cho vay ngắn hạn, tài trợ thương mại tín dụng thư, nhờ thu xuất nhập khẩu, tài trợ thương mại, các giải pháp tài trợ thương mại phức hợp, các giải pháp tài trợ cho nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng, các khoản cho vay trung và dài hạn, cho vay hợp vốn và các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất và tỷ giá, các sản phẩm dịch vụ bảo lãnh ngoài nước, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán v.v. Ngoài ra còn có trung tâm dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp giúp giải đáp mọi thắc mắc qua điện thoại của khách hàng. Đặc biệt, Khối tập trung khai thác sâu vào các sản phẩm dịch vụ mang tính thực tiễn cao, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng, gia tăng năng lực cạnh tranh phục vụ Khách hiện hữu và phát triển Khách hàng mới.

Với chiến lược phát triển theo hướng là đối tác tài chính uy tín của khách hàng doanh nghiệp, cung cấp cho khách hàng các gói giải pháp tài chính phù hợp thông qua các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng, đầy đủ, chuyển đổi mô hình từ cung cấp tín dụng và thu lãi sang mô hình cung cấp giải pháp ngân hàng toàn diện. Theo đó, cùng với việc phát triển các dịch vụ truyền thống, trên cơ sở hệ thống Ngân hàng số OCB OMNI đã xây dựng và phát triển, khách hàng sẽ được trải nghiệm những tính năng và ưu đãi nổi bật của OCB OMNI dành cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp. Khách hàng sẽ được nâng cao giá trị trải nghiệm thông qua các dịch vụ quản lý tài chính đa dạng và trực quan với tính năng tùy chỉnh giao diện theo nhu cầu của người dùng, cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình tài chính doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định nhanh chóng và phù hợp liên quan đến hoạt động tiền gửi, tiền vay, thế, thanh toán và

quản lý dòng tiền.

Khối Khách hàng doanh nghiệp đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động với nhiều sáng kiến đột phá, chính sách đồng bộ, tinh thần quyết tâm cải cách cùng với phương châm "Tốc độ - Hiệu quả - An toàn" và hàng loạt các hoạt động khác góp phần tạo nên hình ảnh OCB chuyên nghiệp, mang nhiều dấu ấn, khẳng định đẳng cấp trên thị trường.

### Sản phẩm và dịch vụ



Sản phẩm và dịch vụ nổi bật bao gồm:

- **Tiền gửi khách hàng**
  - Tiền gửi có kỳ hạn: Được thực hiện dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn. Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, bao gồm lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại OCB hoặc các tổ chức tín dụng khác.
  - Tiền gửi không kỳ hạn: Tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật; một số sản phẩm có thể kể đến như gói tài khoản siêu ưu đãi; tiền gửi thanh toán; tài khoản vốn chuyên dùng.
- **Cho vay khách hàng**
  - Tin dụng ngắn hạn: Là các khoản cho vay với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp. Đa số khoản vay ngắn hạn là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tái chính mang tính thời vụ hoặc cả chu kỳ kinh doanh, giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính và tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, còn có các sản phẩm thấu chi tài khoản khách hàng doanh nghiệp; bảo lãnh; cho vay mua xe ô tô; tài trợ đại lý bán vé máy bay hãng hàng không và cấp tín dụng bảo đảm 100% tiền gửi tại OCB cho khách hàng.
  - Tin dụng trung, dài hạn: Là các khoản vay có thời hạn trên một năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tái chính của khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng hoặc tài trợ cho dự án, tăng năng lực và công suất hoạt động.
- **Dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế**
- **Dịch vụ giao dịch ngân hàng**
- **Dịch vụ ngân hàng số**
- **Và các sản phẩm khác liên quan đến dịch vụ tài trợ thương mại; mua/bán ngoại tệ, thẻ doanh nghiệp và Bancassurance.**

Khối CB thực hiện cung cấp các giải pháp tài chính tối ưu, toàn diện cho các khách hàng doanh nghiệp và là ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) cho các nhóm khách hàng đối tác. Qua đó, Khối CB thực hiện cung cấp cho khách hàng trọn gói sản phẩm dịch vụ, phát triển hiệu quả hệ sinh thái của các chuỗi khách hàng chủ chốt, ngành nghề trọng tâm.

Trong năm 2019, OCB thực hiện giới thiệu dịch vụ ngân hàng số OCB OMNI đối với khách hàng doanh nghiệp. Đây là giải pháp thanh toán số hóa giúp các doanh nghiệp giảm bớt chi phí, giảm thiểu rủi ro vận hành.

#### Định hướng phát triển

- Phát triển khách hàng trọng tâm
  - Phát triển khách hàng tiềm năng trong phạm vi khẩu vị rủi ro của OCB
  - Triển khai các sản phẩm chuỗi, cụ thể là thông qua hệ thống khách hàng tín dụng hiện hữu, OCB tiến hành xây dựng các sản phẩm tài chính phù hợp để các nhà cung cấp/khách hàng của chính khách hàng tín dụng của OCB có thể tiếp cận nguồn vốn tại OCB
- Ưu tiên nghiên cứu triển khai các giải pháp tài chính phi tín dụng như các sản phẩm về thanh toán, bao thanh toán, chi trả lương cho các khách hàng doanh nghiệp...
- Quản trị rủi ro hiệu quả
  - Nâng cấp và cải thiện cơ chế kiểm soát rủi ro tín dụng và hoạt động
  - Kiểm soát rủi ro theo hạn mức từng ngành và từng khách hàng
- Hỗ trợ và thúc đẩy kinh doanh
  - Xây dựng chính sách giá linh hoạt và hiệu quả
  - Triển khai các chương trình thúc đẩy kinh doanh liên tục
  - Triển khai các hoạt động marketing và truyền thông
  - Triển khai các hoạt động chăm sóc khách hàng toàn diện

#### Khối Kinh doanh Tiền tệ và Đầu tư (Treasury)

Hoạt động chính trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, Khối Kinh doanh tiền tệ và đầu tư (Treasury) luôn phát huy tốt vai trò là khối kinh doanh năng động và hiệu quả dẫn đầu trong hệ thống.

Các mảng kinh doanh chính của Khối Treasury bao gồm:

- Đầu tư công cụ tài chính hưởng thu nhập lãi (carry trade);
- Mua/ bán tự doanh (trading) hưởng chênh lệch giá;
- Dịch vụ tư vấn/ trung gian giao dịch hưởng thu nhập phí.

Mô hình hoạt động này nhằm mục đích tăng dần tỷ trọng thu nhập dịch vụ, giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động thị trường. Khối Kinh doanh Tiền tệ và Đầu tư liên tục cải tiến sản phẩm và hệ thống vận hành, đảm bảo quy mô và cơ cấu doanh thu của Khối tăng trưởng bền vững theo cùng chiến lược phát triển năng động của Ngân hàng trong những năm tiếp theo.

#### 4.6.2. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là hoạt động cốt lõi của Ngân hàng nhằm đảm bảo khả năng cấp tín dụng, tăng trưởng tổng tài sản và duy trì thanh khoản.

Trong những năm gần đây, nền tảng huy động của OCB liên tục được củng cố và bồi đắp vững chắc, thể hiện qua: tốc độ tăng trưởng luôn cao hơn trung bình ngành; cơ cấu nguồn vốn trung dài hạn tăng dần qua từng năm, giúp OCB duy trì được các tỷ lệ thanh khoản ở khoảng cách an toàn so với ngưỡng quy định của Ngân hàng Nhà nước; phân khúc khách hàng được mở rộng đi cùng với số lượng khách hàng gia tăng đều đặn và hiệu quả từ các chương trình liên kết đối tác đặc thù như OCB với trường học, OCB với đối tác bảo hiểm.

Nguồn vốn huy động của OCB bao gồm:

- Tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Chính phủ
- Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác
- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn

**Nguồn vốn huy động trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>I. Loại hình</b>						
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.469	1,89%	170	0,17%	157	0,14%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16.756	19,32%	18.369	18,47%	17.343	15,90%
Tiền gửi của khách hàng	60.363	69,59%	69.142	69,53%	77.287	70,88%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	8.156	9,40%	11.765	11,83%	14.255	13,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.744</b>	<b>100%</b>	<b>99.446</b>	<b>100%</b>	<b>109.042</b>	<b>100%</b>
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>						
Trong nước	86.258	99,44%	98.402	98,95%	107.531	98,61%
Ngoài nước	486	0,56%	1.044	1,05%	1.511	1,39%
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.744</b>	<b>100%</b>	<b>99.446</b>	<b>100%</b>	<b>109.042</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Ghi chú:

- Các số liệu này không phát sinh từ công ty con, dẫn đến số liệu báo cáo năng lực và báo cáo hợp nhất là không thay đổi, ngoại trừ khoản mục tiền gửi của khách hàng.
- Khoản mục tiền gửi khách hàng theo báo cáo tài chính riêng qua các năm như sau:

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	09 Tháng Năm 2020
Tiền gửi của khách hàng	60.448	69.220	77.393

- Do không có sự khác biệt số liệu đáng kể của các nội dung được trình bày bên dưới giữa báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy, OCB chỉ trình bày số liệu dựa trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của OCB.

### Tiền gửi của khách hàng

#### Cơ cấu tiền gửi phân theo loại khách hàng trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Phân theo khách hàng</b>	<b>60.363</b>	<b>100,00%</b>	<b>69.142</b>	<b>100,00%</b>	<b>77.287</b>	<b>100,00%</b>
Cá nhân	36.742	60,87%	42.741	61,82%	44.950	58,16%
Tổ chức kinh tế, đối tượng khác	23.621	39,13%	26.401	38,18%	32.337	41,84%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Về cơ cấu tiền gửi phân theo đối tượng, tiền gửi huy động từ cá nhân luôn chiếm tỷ trọng trên 60% tổng tiền gửi của khách hàng, trong khi tiền gửi huy động từ các tổ chức kinh tế chỉ chiếm khoảng 40%. Cơ cấu này được duy trì ổn định và không có biến động đáng kể qua các năm.

#### Cơ cấu tiền gửi phân kỳ hạn trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Phân theo kỳ hạn</b>	<b>60.363</b>	<b>100,00%</b>	<b>69.142</b>	<b>100,00%</b>	<b>77.287</b>	<b>100,00%</b>
Không kỳ hạn	7.752	12,84%	7.934	11,48%	8.431	10,91%
Có kỳ hạn	52.253	86,56%	60.710	87,80%	68.453	88,57%
Tiền gửi vốn chuyên dụng	166	0,28%	131	0,19%	56	0,07%
Tiền gửi kỳ quỹ	192	0,32%	367	0,53%	347	0,45%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp trên 85% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/09/2020, tổng phân loại tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng đạt 68.453 tỷ đồng, tăng 7.743 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019, tương đương mức tăng trưởng 12,75%.

Bên cạnh đó xét về loại hình, tiền gửi nội tệ luôn là nguồn tiền huy động chủ yếu của OCB, chiếm trên 97% tổng số tiền gửi khách hàng). Tỷ trọng tiền gửi nội tệ có xu hướng tăng nhẹ qua các năm, điển hình đến thời điểm 30/09/2020, tiền gửi nội tệ huy động được đạt hơn 76 nghìn tỷ, chiếm tỷ trọng 98,62% so với tiền gửi ngoại tệ.

## Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
VND	58.657	97,17%	67.650	97,84%	76.219	98,62%
Ngoại tệ	1.706	2,83%	1.492	2,16%	1.068	1,38%
<b>Tổng</b>	<b>60.363</b>	<b>100,00%</b>	<b>69.142</b>	<b>100,00%</b>	<b>77.287</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

## Hoạt động phát hành giấy tờ có giá

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay, hoạt động phát hành giấy tờ có giá dần trở thành một trong những nguồn huy động vốn chính của OCB. Cụ thể, trong năm 2018, hoạt động này chỉ chiếm khoảng 9,4% trong tổng nguồn vốn huy động của OCB. Đến năm 2019, OCB đã phát hành thành công 11.765 tỷ đồng giấy tờ có giá, bao gồm 9.855 tỷ đồng Trái phiếu và 1.910 tỷ đồng Chứng chỉ tiền gửi, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá và tăng vốn tính đến 31/12/2019 là 11.765 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,8% nguồn vốn huy động được của OCB. Tiếp tục tính đến 30/09/2020, số dư của nguồn huy động này là 14.255 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,1% tổng nguồn vốn huy động của OCB và chỉ xếp sau nguồn huy động từ tiền gửi khách hàng.

## Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tỷ trọng hoạt động huy động từ tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác của OCB có xu hướng giảm dần qua các năm. Năm 2018 và 2019, số dư huy động từ các tổ chức tín dụng khác lần lượt là 16.756 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 19,3% nguồn vốn huy động) và 18.389 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 18,5%). Đến 09 tháng năm 2020, số dư huy động từ các tổ chức tín dụng khác của OCB đạt 17.343 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng còn 15,90% trong cơ cấu tổng nguồn vốn huy động. Sự dịch chuyển cơ cấu này là do lãi suất trên thị trường tiền tệ không hấp dẫn cho hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất của OCB, dẫn đến OCB giảm mạnh khoản mục này trong tổng nguồn vốn huy động và tập trung vào các nguồn mang lại hiệu quả kinh doanh lớn hơn.

## 4.6.3. Hoạt động tín dụng

Trong các năm qua OCB tập trung phát triển các hoạt động tín dụng của Ngân hàng, thường xuyên cập nhật, phát triển các sản phẩm phù hợp theo từng đối tượng khách hàng. Chính sách tín dụng thận trọng và phân tán rủi ro là những ưu tiên hàng đầu trong các sản phẩm tín dụng của OCB. Do đó, tăng trưởng tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động của Ngân hàng.

## Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của OCB có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2019, hoạt động cho vay tăng trưởng 26,24% so với năm 2018. Đến 30/09/2020, dư nợ cho vay đạt 79.178 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 11,38% so với đầu năm và chiếm tỷ trọng 72,61% tổng nguồn vốn huy động.

Tăng trưởng tín dụng OCB được kiểm soát chặt chẽ, gắn với chất lượng tín dụng.

## Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2018		2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	16.777	29,79%	19.515	27,45%	21.331	26,94%



Chỉ tiêu	2018		2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ trung hạn	17.814	31,63%	20.459	28,78%	18.773	23,71%
Nợ dài hạn	21.725	38,58%	31.117	43,77%	39.074	49,35%
<b>Tổng</b>	<b>56.316</b>	<b>100%</b>	<b>71.091</b>	<b>100%</b>	<b>79.178</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của OCB tại các kỳ hạn trong 3 năm qua tập trung vào các khoản vay trung và dài hạn, chiếm hơn 70% tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/12/2019, các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt chiếm tỷ trọng 27,45%; 28,78% và 43,77% tổng dư nợ. Vay dài hạn có mức tăng trưởng mạnh nhất là 43,23% và vay ngắn hạn cũng đạt mức tăng trưởng 16,32% so với cùng kỳ năm trước.

Xu hướng cơ cấu các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của OCB có sự biến động tương đối nhẹ tính đến thời điểm 30/09/2020, chiếm tỷ trọng lần lượt là 26,94%, 23,71% và 49,35% tổng dư nợ.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn cho vay trung, dài hạn của OCB chiếm ưu thế hơn nguồn vốn cho vay ngắn hạn. Tuy nhiên, OCB vẫn luôn đáp ứng các giới hạn, tỷ lệ nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng (chi tiết tại Mục IV.4.13 Bản cáo bạch này). Bên cạnh đó, OCB tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các biện pháp huy động nguồn vốn dài hạn lớn thông qua việc phát hành các loại giấy tờ có giá dài hạn để đối ứng với cơ cấu vốn cho vay. Đồng thời, OCB cũng hướng đến đa dạng hóa nguồn vốn ngắn hạn với việc mở rộng danh mục các sản phẩm về cho vay, tài trợ thương mại và xuất nhập khẩu v.v.

#### Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế tiêu biểu trong giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9.515	16,89%	14.203	19,98%	17.819	22,50%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.463	4,37%	8.243	11,59%	10.352	13,07%
Xây dựng	7.541	13,39%	7.780	10,94%	9.683	12,23%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.243	9,31%	7.491	10,54%	5.853	7,39%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	8.296	14,73%	7.093	9,98%	7.066	8,92%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.983	3,52%	5.979	8,41%	5.269	6,66%
Vận tải kho bãi	3.991	7,09%	5.269	7,41%	6.112	7,72%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.902	8,70%	5.154	7,25%	5.278	6,67%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.001	1,78%	2.762	3,89%	2.781	3,51%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.638	2,91%	2.218	3,12%	2.018	2,55%
Hoạt động dịch vụ khác	6.600	11,72%	1.780	2,50%	1.527	1,93%

Chi tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	778	1,38%	625	0,88%	686	0,87%
Các ngành khác	2.367	4,20%	2.494	3,51%	4.734	5,98%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.316</b>	<b>100,00%</b>	<b>71.091</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.178</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Phân theo ngành kinh tế, dư nợ cho vay của OCB được phân bổ tương đối đồng đều giữa các ngành nghề kinh tế.

Các khoản cho vay cho hoạt động bán buôn và bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, tỷ trọng tăng từ 16,89% năm 2018 lên đến 25,46% trong 09 tháng đầu năm 2020. Kể đến là hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống, các khoản cho vay đối với các hoạt động này tại thời điểm 09 tháng đầu năm 2020, đạt gần 10.352 tỷ đồng với tỷ trọng 13,07% và tăng trưởng gấp 4,20 lần so với năm 2018.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng và dịch vụ tại hộ gia đình có dư nợ cho vay chuyển dịch nhẹ và sụt giảm tỷ trọng trong cơ cấu dư nợ cho vay của OCB, mặc dù vẫn là các ngành chiếm tỷ trọng lớn, chiếm xấp xỉ 9 – 10% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng.

Dư nợ hoạt động cho vay bất động sản trong năm 2019 tăng nhẹ 252 tỷ đồng so với năm 2018, tuy nhiên tỷ trọng hoạt động này giảm 1,45% trong tổng dư nợ cho vay khách hàng của OCB và trong 09 tháng năm 2020, dư nợ cho vay này đạt 5.278 tỷ đồng, tỷ trọng giảm nhẹ xuống 6,67% tổng dư nợ cho vay của OCB. Trong thời gian sắp tới, OCB vẫn tiếp tục duy trì tỷ trọng dư nợ đối với ngành bất động sản, do OCB luôn kiểm soát tốt được chất lượng tín dụng của nhóm khách hàng này và đảm bảo đảm bảo đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc NHNN ban hành.

Với khẩu vị thận trọng về rủi ro tín dụng, mặc dù dư nợ của OCB tập trung lớn vào một số ngành nghề kinh doanh tiêu biểu, tuy nhiên, OCB luôn đưa ra các chính sách lãi suất cho vay dựa trên mức độ rủi ro của khách hàng, nhằm đảm bảo lợi nhuận của khách hàng đem về đủ để bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng, đồng thời, tăng nguồn thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro được thực hiện một cách thận trọng, hệ thống chấm điểm tín dụng đối với khách hàng vay hoạt động tốt hiệu quả, từ đó, OCB đã chọn lọc được các khách hàng có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo được dòng tiền trả nợ và tài sản đảm bảo có hệ số rủi ro thấp mang lại kết quả kinh doanh cao cho OCB. Việc phân bổ dư nợ cho vay theo các ngành nghề của OCB luôn đảm bảo phù hợp với định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước theo từng giai đoạn.

#### Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

Đơn vị: tỷ VND

Chi tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>I. Doanh nghiệp có vốn Nhà nước</b>	<b>1.244</b>	<b>2,21%</b>	<b>1.224</b>	<b>1,72%</b>	<b>1.201</b>	<b>1,52%</b>
Công ty TNHH Nhà nước	3	0,01%	3	0,00%	44	0,06%
Doanh nghiệp Nhà nước	1.049	1,86%	1.028	1,45%	973	1,23%
Công ty cổ phần có vốn của Nhà nước	192	0,34%	193	0,27%	184	0,23%

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>II. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>	<b>701</b>	<b>1,24%</b>	<b>618</b>	<b>0,87%</b>	<b>457</b>	<b>0,58%</b>
<b>III. Doanh nghiệp khác</b>	<b>32.026</b>	<b>56,87%</b>	<b>39.900</b>	<b>56,13%</b>	<b>46.225</b>	<b>58,38%</b>
Công ty TNHH tư nhân	13.195	23,43%	15.225	21,42%	19.296	24,37%
Doanh nghiệp tư nhân	156	0,28%	154	0,22%	127	0,16%
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	98	0,17%	105	0,15%	91	0,11%
Công ty cổ phần khác	18.577	32,99%	24.416	34,34%	26.711	33,74%
<b>IV. Cá nhân và hộ cá thể</b>	<b>22.345</b>	<b>39,68%</b>	<b>29.349</b>	<b>41,28%</b>	<b>31.295</b>	<b>39,52%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.316</b>	<b>100,00%</b>	<b>71.091</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.178</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Tỷ trọng phân bổ dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp của OCB có xu hướng được duy trì tương đối ổn định trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay. Đối tượng khách hàng của OCB phần lớn là các khách hàng trung thành và có lịch sử giao dịch lâu dài với Ngân hàng. Bên cạnh đó, OCB định hướng tiếp tục linh hoạt trong việc chuyển dịch cơ cấu phân bổ tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, hỗ trợ các gói lãi suất ưu đãi – kỳ hạn phù hợp với các khách hàng thuộc đối tượng trên. Đồng thời phân tán mức độ tập trung tín dụng theo ngành và các phân khúc khách hàng, kiểm soát chất tín dụng nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh tốt cho Ngân hàng.

#### Chất lượng nợ cho vay

Tỷ lệ nợ xấu của OCB trong giai đoạn 2018 - 09/2020 ở mức dưới 3% do OCB đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/09/2020, tỷ lệ nợ xấu của OCB là 2,15%. Phân loại nợ của OCB theo chất lượng tại cuối kỳ kế toán như sau:

#### Phân loại nợ cho vay theo chất lượng

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	54.163	96,18%	68.539	96,41%	74.022	93,49%
Nợ cần chú ý	865	1,54%	1.243	1,75%	3.456	4,36%
Nợ dưới tiêu chuẩn	432	0,77%	351	0,49%	475	0,60%
Nợ nghi ngờ	180	0,32%	228	0,32%	409	0,52%
Nợ có khả năng mất vốn	676	1,20%	732	1,03%	816	1,03%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.316</b>	<b>100,00%</b>	<b>71.091</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.178</b>	<b>100,00%</b>
Nợ xấu	1.288	2,29%	1.309	1,84%	1.700	2,15%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Từ thời điểm 01/06/2014, OCB thực hiện việc phân loại nợ đồng thời theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN (sau đây gọi là "Thông tư 02") và phương pháp định tính quy định tại Điều 11 của Thông tư này bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối với các khách

hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ. OCB thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. OCB luôn thực hiện kiểm soát chặt chẽ nợ xấu dưới mức 3% theo quy định. Tỷ lệ nợ xấu năm 2019 có sự cải thiện rõ rệt, giảm 0,45% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 1,84%. Tại thời điểm 30/09/2020, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của OCB là 2,15%; 93,49% dư nợ thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý ở mức 4,36%, chủ yếu do tác động của dịch covid-19 làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và gia tăng phát sinh nợ xấu của toàn hệ thống.

Về khung quản lý rủi ro, OCB là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc triển khai hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến tuân thủ theo quy định NHNN và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế ngay từ những ngày đầu trong giai đoạn tái cơ cấu 2016 – 2020 của ngành ngân hàng. Sự chấp thuận và phê duyệt của NHNN cho OCB trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên được triển khai trước hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN, được xem là cột mốc đáng ghi nhận.

Cơ cấu tổ chức của OCB đã đáp ứng Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2019 của NHNN (Thông tư 13), phân tách rõ ba tuyến phòng thủ, đáp ứng yêu cầu giám sát từ quản lý cấp cao (bao gồm các Ủy ban: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Tín dụng, Ủy ban Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và các Hội đồng: Hội đồng Mua bán nợ, Hội đồng Rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn) theo quy định cũng như bảo đảm thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời theo yêu cầu của cấp quản lý. Việc đáp ứng Thông tư 13 này giúp OCB bảo đảm kiểm soát tốt chất lượng hoạt động thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ với những tiêu chuẩn quản trị rủi ro cao hơn, chặt chẽ hơn.

#### Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của OCB giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: VND

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2018 <sup>(*)</sup>	163.127.352.260	402.217.551.245	565.344.903.505 <sup>(*)</sup>
31/12/2019 <sup>(**)</sup>	212.203.706.689	512.532.145.711	724.735.852.400
30/09/2020	352.650.394.590	573.613.908.885	926.264.303.475

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Ghi chú:

(\*): Tổng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trích lập trong năm 2018 là 944,47 tỷ, bao gồm:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018
Dự phòng chung cho vay khách hàng	60.594.939.145
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	633.084.224.721
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	250.792.065.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>944.471.229.076</b>

Trong đó:

- Chi phí dự phòng cụ thể được trích trong năm 2018 là 633 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các khách hàng cá nhân vay tiêu dùng nhỏ lẻ không có tài sản đảm bảo là 403 tỷ đồng và phát sinh mới một số khách hàng doanh nghiệp.

- Năm 2018 Ngân hàng thực hiện trích dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là 250,8 tỷ đồng. Sau đó, OCB đã sử dụng dự phòng đã trích để tái toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt.

(\*\*): Khoản trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng tăng trong năm 2019 do các nguyên nhân sau:

- Dự phòng chung phát sinh năm 2019 là 110,3 tỷ đồng do Ngân hàng tăng trưởng quy mô tín dụng.
- Năm 2019 dự phòng cụ thể phát sinh là 822 tỷ đồng và sử dụng dự phòng là 773 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do OCB thực hiện các giải pháp kiểm soát chất lượng tín dụng, đôn đốc, xử lý thu hồi nợ quá hạn, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ quá hạn, nợ xấu và tăng trích lập dự phòng. Theo đó, Ngân hàng đã sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập để xử lý rủi ro đối với những khoản nợ nhóm 5 không có tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo sụt giảm giá trị dẫn đến việc tăng sử dụng dự phòng trong năm.

06 tháng đầu năm 2020, dự phòng chung phát sinh của Ngân hàng là 66,7 tỷ đồng, dự phòng cụ thể là 588,5 tỷ đồng. Ngân hàng đã sử dụng dự phòng cụ thể để xử lý rủi ro trong kỳ là 428 tỷ đồng. Trong Quý 3 năm 2020, dự phòng chung phát sinh là 5,6 tỷ đồng, dự phòng cụ thể là 288,2 tỷ đồng và sử dụng dự phòng là 308 tỷ đồng. Kể từ đầu năm 2020, do sự bùng phát của Covid-19 trên toàn cầu, đã ảnh hưởng đến kinh tế cả nước nói chung và các khách hàng vay của OCB nói riêng. Bên cạnh việc xử lý thu hồi nợ đối với các khoản nợ xấu cũ, song song đó vẫn phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ xấu mới, do đó việc tăng trích lập dự phòng là cần thiết trong bối cảnh kinh tế hiện tại nhằm đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng. Ngân hàng liên tục đánh giá lại khả năng tài chính của khách hàng, tài sản đảm bảo của khoản vay để kịp thời áp dụng các giải pháp xử lý phù hợp, trong đó việc tăng trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu là một giải pháp tích cực nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.

Quy định dự phòng rủi ro của OCB được thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật liên quan.

#### Tỷ lệ an toàn vốn Basel II giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Tỷ lệ an toàn vốn Basel II	%	12,04	11,19%	13,11%

Ghi chú: (\*) OCB tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

Kể thừa những thành tựu đã đạt được, OCB tiếp tục chủ động nâng tầm hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ nghiêm túc các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn của NHNN, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế đặc biệt (1) tỷ lệ an toàn vốn thời điểm 30/09/2020 của OCB đạt 13,11% - cao hơn nhiều so với quy định của NHNN tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN tối thiểu là 8%, (2) thực hiện công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN định kỳ 06 tháng/lần trên website của OCB tại đường dẫn <https://www.ocb.com.vn/vi/quan-tri-dieu-hanh.html> (Mục Thông tin quản trị rủi ro).

#### 4.6.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán

##### Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	09 Tháng Năm 2020
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	750	287	264
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	666	173	198

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	09 Tháng Năm 2020
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>84</b>	<b>114</b>	<b>66</b>
Doanh thu từ hoạt động thanh toán	46	55	44
Chi phí từ hoạt động thanh toán	18	14	7
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>28</b>	<b>41</b>	<b>37</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

### Dịch vụ ngoại hối

Hoạt động ngoại hối tại OCB bao gồm hoạt động bán lẻ cung ứng dịch vụ trực tiếp cho khách hàng tại các đơn vị kinh doanh và hoạt động tự doanh trên thị trường liên ngân hàng. Ngoài các sản phẩm ngoại hối truyền thống như giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, OCB còn thực hiện cung ứng sản phẩm phái sinh hoán đổi lãi suất bao gồm hoán đổi lãi suất 1 đồng tiền (Interest Rate Swap – IRS) và hoán đổi lãi suất 2 đồng tiền (Cross Currency Swap – CCS) nhằm hỗ trợ khách hàng phòng ngừa rủi ro phát sinh trong hoạt động tài chính.

Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm số hóa quy trình giao dịch luôn đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của OCB. Từ quý 1 năm 2019, OCB nâng cấp triển khai hệ thống Treasury nhằm tự động hóa quy trình giao dịch, nâng cao khả năng quản lý rủi ro và nâng cao năng suất lao động trong hoạt động kinh doanh ngoại hối trên toàn hệ thống. OCB là một trong những ngân hàng đầu tiên cho phép khách hàng cá nhân có thể giao dịch mua ngoại tệ trực tiếp trên ứng dụng OMNI nhằm mục đích chuyển tiền quốc tế thanh toán cho các mục đích du học, khám chữa bệnh, sinh hoạt phí và trợ cấp thân nhân.

### Lợi nhuận và doanh số dịch vụ ngoại hối giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

STT	Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Mua	Bán	Mua	Bán	Mua	Bán
<b>DOANH SỐ</b>		<b>631.219,87</b>	<b>630.810,08</b>	<b>850.007,06</b>	<b>849.117,74</b>	<b>786.684,06</b>	<b>786.859,77</b>
1	Giao ngay	321.871,21	321.512,47	367.809,19	366.046,53	317.145,39	318.663,65
2	Kỳ hạn	26.339,88	26.262,74	17.851,37	18.708,96	18.454,37	17.078,77
3	Hoán đổi	283.008,78	283.034,87	464.346,50	464.362,25	451.084,30	451.117,35
<b>LỢI NHUẬN</b>		<b>83,52</b>		<b>114,40</b>		<b>65,55</b>	

### Hoạt động thanh toán

Hoạt động thanh toán (bao gồm dịch vụ thanh toán trong nước và dịch vụ thanh toán quốc tế & tài trợ thương mại) là một trong những hoạt động đóng góp tỷ trọng tương đối đáng kể trong tổng thu dịch vụ của OCB, chỉ xếp sau hoạt động đại lý bảo hiểm và phí liên kết bảo hiểm. Tỷ trọng bình quân của mảng dịch vụ thanh toán trong tổng thu dịch vụ của OCB trong giai đoạn 2018 – 2019 đều chiếm khoảng 10% tổng thu dịch vụ của OCB. Trong 09 tháng đầu năm 2020, doanh thu từ dịch vụ thanh toán đạt 44 tỷ VND.

#### ○ Dịch vụ Thanh toán trong nước

OCB thực hiện dịch vụ chuyển và nhận tiền theo yêu cầu của khách hàng tại các tỉnh, thành trên toàn lãnh thổ Việt Nam, gồm:

- Chuyển khoản trong cùng hệ thống OCB: Chuyển tiền nội bộ OCB qua internet, QR pay, bảo hiểm GIC (Tổng Công ty CP Bảo hiểm toàn cầu), bảo hiểm Generali Việt Nam, chuyển tiền định kỳ, thanh toán thẻ tín dụng OCB, chuyển tiền Vĩ trên OMNI web/E-banking, thanh toán hóa đơn, top-up nạp tiền điện thoại, thanh toán học phí....
- Chuyển khoản ngoài hệ thống: Chuyển tiền thường và chuyển tiền nhanh 24/7.

**Số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

STT	Chuyển tiền trong nước	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)
1	Chuyển tiền đi trong hệ thống	5.149.346	152.527	7.039.953	191.375	8.264.553	225.553
2	Chuyển tiền đi ngoài hệ thống (chuyển thường)	843.011	1.058.888	983.905	1.397.957	743.716	1.163.564
3	Chuyển tiền đến	613.936	1.047.660	812.515	1.357.089	603.998	1.111.207
4	Chuyển tiền đi ngoài hệ thống (chuyển nhanh 24/7)	627.295	8.292	2.154.930	25.149	6.848.429	54.547
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.233.588</b>	<b>2.267.367</b>	<b>10.991.303</b>	<b>2.971.569</b>	<b>16.460.696</b>	<b>2.554.871</b>

Năm 2019, hoạt động chuyển tiền trong nước của OCB có sự tăng trưởng mạnh mẽ với tỷ lệ tăng trưởng về số lượng và giá trị giao dịch lần lượt là 51,9% và 31,1% so với năm 2018. Trong đó, đóng góp chủ yếu là giao dịch chuyển tiền ngoài hệ thống đạt giá trị 1.398 nghìn tỷ đồng và giao dịch chuyển tiền đến đạt giá trị 1.357 nghìn tỷ đồng.

Tính đến 09 tháng năm 2020, tổng số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước là 16.460.696, đạt giá trị 2.555 nghìn tỷ đồng.

Chi tiết các giao dịch chuyển tiền đi và chuyển tiền đến trong nước cụ thể như sau:

**Thống kê số lượng giao dịch chuyển đi đối với dịch vụ thanh toán qua các kênh thanh toán giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)
1	CITAD (Thanh toán điện tử liên ngân hàng)	802.788	927.172	940.074	1.284.915	718.970	1.095.378
2	VCB Money (Thanh toán điện tử song phương)	32.646	69.639	29.450	52.890	15.634	21.073
3	NHNN địa phương	5.070	42.321	4.855	32.841	3.794	22.412

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)
4	BIDV (Thanh toán điện tử đa phương)	2.507	19.756	9.526	27.511	5.318	24.700
<b>Tổng cộng</b>		<b>843.011</b>	<b>1.058.888</b>	<b>983.905</b>	<b>1.397.957</b>	<b>743.716</b>	<b>1.163.564</b>

Thống kê số lượng giao dịch chuyển đến đối với dịch vụ thanh toán qua các kênh thanh toán giai đoạn 2018 – 30/09/2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)	Số lượng	Giá trị (Tỷ VND)
1	CITAD (TTĐTTLNH)	558.990	864.358	722.764	1.182.484	523.749	1.027.361
2	VCB Money (TTĐTSP)	5.040	64.835	5.532	46.626	4.120	20.766
3	NHNN địa phương	6.212	102.795	6.377	100.558	4.778	38.369
4	BIDV (TTĐTĐP)	43.694	15.673	77.842	27.421	71.351	24.711
<b>Tổng cộng</b>		<b>613.936</b>	<b>1.047.660</b>	<b>812.515</b>	<b>1.357.089</b>	<b>603.998</b>	<b>1.111.207</b>

#### ○ Dịch vụ thanh toán quốc tế

OCB cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho đối tượng khách hàng là khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Các sản phẩm và dịch vụ của hoạt động thanh toán quốc tế của OCB bao gồm: Thư tín dụng (nhập khẩu, xuất khẩu); dịch vụ nhờ thu xuất khẩu, nhờ thu nhập khẩu; chuyển tiền đi nước ngoài, nhận tiền chuyển đến từ nước ngoài; dịch vụ thanh toán biên mậu Việt Nam – Trung Quốc.

#### ➢ Chuyển tiền đi nước ngoài

OCB cung cấp dịch vụ chuyển tiền quốc tế dành cho khách hàng để đáp ứng các nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài thông qua hệ thống SWIFT, bao gồm:

- Khách hàng cá nhân: du học, chữa bệnh, trợ cấp thân nhân, công tác, thăm viếng ở nước ngoài, thanh toán phí/lệ phí...
- Khách hàng doanh nghiệp: thanh toán tiền hàng nhập khẩu, thanh toán phí vận chuyển, phí dịch vụ...

#### ➢ Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam

OCB cung cấp dịch vụ nhận tiền từ tất cả quốc gia trên thế giới về Việt Nam cho khách hàng thông qua hệ thống SWIFT.



**Thống kê tổng số lượng giao dịch giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

STT	Chuyển tiền quốc tế	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Số lượng	Giá trị (Quy đổi USD)	Số lượng	Giá trị (Quy đổi USD)	Số lượng	Giá trị (Quy đổi USD)
1	Chuyển tiền đi	8.944	348.213.526,39	8.949	511.040.913,11	6153	348.420.077,33
2	Chuyển tiền đến	5.070	361.311.758,07	6.744	508.245.344,29	5333	353.794.444,84
<b>Tổng cộng</b>		<b>14.014</b>	<b>709.525.284,46</b>	<b>15.693</b>	<b>1.019.286.257,40</b>	<b>11.486</b>	<b>702.214.522,16</b>

OCB chú trọng phát triển, nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền để kiểm soát giao dịch chuyển tiền trong nước và nước ngoài nhằm rà soát và phát hiện kịp thời các giao dịch có yếu tố đáng ngờ, tăng cường tình quản lý rủi ro và tuân thủ trong lĩnh vực phòng chống rửa tiền.

- **Hoạt động thanh toán đối với Thư tín dụng và Nhờ thu**

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Loại hình	Năm 2018	Năm 2019	09 tháng 2020
1	<b>L/C nhập khẩu</b>			
	Doanh số (USD)	171.825,40	174.092,58	177.957,86
2	<b>L/C xuất khẩu</b>			
	Doanh số (USD)	125.352,75	64.404,42	74.546,68
3	<b>Thanh toán Nhờ thu nhập khẩu</b>			
	Doanh số (USD)	16.845,68	7.096,01	4.006,12
4	<b>Thanh toán Nhờ thu xuất khẩu</b>			
	Doanh số (USD)	18.635,69	38.571,59	177.957,86

- **Hoạt động tài trợ thương mại**

Đối với mảng tài trợ thương mại, các sản phẩm kinh doanh cơ bản của OCB bao gồm: tài trợ xuất khẩu trước giao hàng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu theo L/C, nhờ thu, tài trợ bộ chứng từ theo phương thức chuyển tiền bằng điện, tài trợ thanh toán hàng nhập khẩu, tài trợ theo chương trình IFC, ADB. Đặc biệt, sản phẩm tài trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất siêu ưu đãi và L/C trả chậm có điều khoản trả ngay được xem là những một trong những giải pháp hiệu quả dành cho khách hàng.

#### 4.6.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Những năm qua, OCB không ngừng mở rộng mối quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước, tăng cường thiết lập, duy trì và mở rộng quan hệ đại lý, tài khoản Nostro, hạn mức, huy động nguồn vốn từ tổ chức tài chính quốc tế, các dự án cho vay ủy thác từ Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng đầu mối, phát triển quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, nguồn vốn trung dài hạn, giao dịch liên ngân hàng, ...

Tại Việt Nam, OCB có quan hệ đại lý với hơn 40 ngân hàng và trên thị trường quốc tế, OCB đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 200 ngân hàng tại 44 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Trong năm 2019, OCB đã nhận được gói tín dụng trung dài hạn 100 triệu USD từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp phụ nữ vừa và nhỏ và gói tín dụng 40 triệu USD khác từ Tổ chức này trong năm 2020 nhằm hỗ trợ nguồn vốn ngắn hạn cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. OCB cũng đang được chọn là ngân hàng tham gia các Chương trình Tài trợ Thương mại của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEFP) của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Dự án Tài chính Nông thôn (RDF) và Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) của Ngân hàng Thế giới (World Bank).

#### Doanh thu và lợi nhuận của hoạt động đại lý ngân hàng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
Hoạt động đại lý ngân hàng	5.552.359	4.149	12.160.588	9.957	12.334.146	13.285

#### 4.6.6. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

##### Kết quả hoạt động đầu tư và kinh doanh giai đoạn 2018 – 30/09/2020

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.444 <sup>(1)</sup></b>	<b>100%</b>	<b>22.934</b>	<b>100%</b>	<b>37.861</b>	<b>100%</b>
- Trái phiếu chính phủ	17.552	71,80%	14.907	65,00%	27.679	72,98%
- Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	5.343	21,86%	6.500	28,34%	8.241	21,73%
- Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.484	6,07%	1.462	6,37%	1.942	5,12%
- Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành	14	0,06%	14	0,06%	14	0,04%
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	51	0,21%	51	0,22%	51	0,13%
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>- <sup>(1)</sup></b>	<b>-</b>	<b>496</b>	<b>100%</b>	<b>2.591</b>	<b>100%</b>
- Chứng khoán nợ của Chính phủ, chính quyền địa Phương	-	-	293	59,07%	2.591	100%
- Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-	203	40,93%	-	-
<b>Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ</b>	<b>1.118</b>	<b>5%</b>	<b>1.336</b>	<b>6%</b>	<b>967</b>	<b>3%</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động đầu tư chứng khoán</b>	<b>939</b>	<b>4%</b>	<b>1.094</b>	<b>5%</b>	<b>875</b>	<b>2%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Ghi chú:

<sup>(1)</sup>: Chứng khoán đầu tư của OCB tại thời điểm 2018 bao gồm:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	24.444.023.730.519
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(56.111.014.824)
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.387.912.715.695</b>

- Khoản mục "Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán" của OCB bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Tổ chức tín dụng và Trái phiếu các Tổ chức kinh tế, khoản mục này tăng trong năm 2018 do Ngân hàng đánh giá mặt bằng lãi suất giảm và các cơ hội kinh doanh thuận lợi với mục tiêu để, tạo điều kiện tăng thu nhập cho Ngân hàng, nên đã mua thêm trái phiếu chính phủ và trái phiếu các tổ chức tín dụng.
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại khoản mục này là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; và; khoản mục "Dự phòng trái phiếu đặc biệt" bằng 0 tại 31/12/2018 do Ngân hàng thu được nợ của khách hàng và phần còn lại sử dụng dự phòng đã trích để tất toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt trong năm 2018.  
 Tính đến cuối tháng 10 năm 2018, OCB đã thực hiện trích bổ sung dự phòng và sử dụng dự phòng đã trích là 567,6 tỷ đồng để tất toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Hiện nay, OCB không còn dự nợ trái phiếu VAMC.
- Khoản mục "Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm 2018 giảm mạnh từ 374,9 tỷ đồng xuống còn 56,1 tỷ đồng do (1) giảm dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành 316,9 tỷ đồng do tất toán trái phiếu, (2) giảm dự phòng chung do OCB thực hiện bán các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

(<sup>1</sup>): Mục "Chứng khoán kinh doanh" phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Năm 2018, danh mục chứng khoán kinh doanh của OCB bao gồm Trái phiếu chính phủ và Trái phiếu chính quyền địa phương (dưới 01 năm). Cuối năm 2018, OCB nhận định thị trường thuận lợi, phù hợp với mục tiêu kinh doanh do đó đã thực hiện bán hết danh mục kinh doanh để thu lợi nhuận; do vậy khoản mục "chứng khoán kinh doanh" năm 2018 giảm về 0. Đây cũng là lý do khiến lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán của Ngân hàng tăng trong năm 2018, từ 48,69 tỷ đồng lên 939,24 tỷ đồng (chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ). Mức tăng đột biến này nhờ vào: (1) diễn biến lãi suất trái phiếu trên thị trường giảm trong năm 2018 (đặc biệt là giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018) khiến giá các loại trái phiếu tăng; (2) OCB bán hết danh mục như nêu tại Mục 1 văn bản này. Lợi suất trái phiếu giảm dẫn đến giá của trái phiếu chính phủ tăng mạnh, vì vậy lợi nhuận từ hoạt động bán chứng khoán đầu tư tăng.

Ngoài ra, khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư" trong 06 tháng đầu năm 2020 của OCB tăng mạnh lên 796,5 tỷ đồng (so với 406,5 tỷ đồng cùng kỳ năm trước) do khối lượng mua/bán trái phiếu Chính phủ trong kỳ tăng so với cùng kỳ 2019.

Danh mục chứng khoán đầu tư của OCB được quản trị rủi ro chặt chẽ và có mức độ an toàn cao, với phần lớn là trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do các tổ chức được Chính phủ bảo lãnh phát hành, chiếm tỷ trọng trung bình từ 65% - 73% trong tổng giá trị chứng khoán đầu tư của OCB.

OCB đã có bước chuyển mình mạnh mẽ khi gia tăng vị thế trên thị trường tài chính, thông qua việc đầu tư vào đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đội ngũ phân tích được đánh giá là rất mạnh trên thị trường v.v. Kết quả hoạt động kinh doanh là minh chứng cho công tác định hướng và thực hiện mục tiêu đề ra của

OCB. OCB cũng là nhà tạo lập thị trường (market maker) có uy tín từ năm 2019 cùng với 12 nhà tạo lập tích cực trên thị trường sơ cấp được đánh giá và xếp hạng bởi Bộ Tài chính.

#### Kết quả doanh số giao dịch TPCP trên thị trường

Đơn vị: nghìn tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	09 tháng 2020
Tổng giá trị niêm yết	1,09	1,15	1,29
Tổng doanh số giao dịch	719,15	2.271,77	2.248
Doanh số giao dịch OCB	57,61	93,11	113,91
Thị phần OCB/ Tổng Thị trường	8%	4%	5%

Nguồn: Báo cáo tổng hợp giao dịch của HNX

Tổng doanh số giao dịch tăng mạnh giai đoạn năm 2019 đến 09 tháng năm 2020 phản ánh thanh khoản thị trường vẫn tiếp tục được cải thiện, tạo thuận lợi cho OCB và các nhà đầu tư khác đưa hoạt động đầu tư và kinh doanh này tiếp tục trở thành kênh thu nhập thường xuyên và ổn định, đảm bảo quy mô và cơ cấu tăng trưởng bền vững.

Cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, sự phát triển của thị trường vốn, sự gia tăng quy mô của thị trường trái phiếu theo định hướng của Chính phủ. OCB sẽ tiếp tục đặt trọng tâm nắm bắt cơ hội của xu thế trên và tiếp tục tăng được vị trí của OCB trên thị trường tài chính của Việt Nam.

Ngoài các hoạt động nêu trên, trong 06 tháng đầu năm 2020, OCB cũng có phát sinh hoạt động mua nợ từ tổ chức tín dụng khác, cụ thể:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	30/06/2020
Mua nợ	390.000.000.000
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(2.925.000.000)

Đây là khoản nợ OCB mua lại từ Ngân hàng TMCP An Bình trị giá 390 tỷ đồng. Đây là khoản nợ nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) và được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

Đối với hoạt động của Công ty con, trong 06 tháng năm 2020, các giao dịch giữa OCB và Công ty con (Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông) cũng có sự gia tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2020, chủ yếu phát sinh từ dịch vụ nhận/ chuyển tiền kiều hối của khách hàng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020
Rút tiền gửi	30.196.250.566.404
Nhận tiền gửi	30.219.676.875.478
Thu nhập dịch vụ	558.690.518
Chi phí dịch vụ	7.430.381.958
Chi phí nhận tiền gửi	24.281.817
Nhận cổ tức	492.462.149

#### 4.6.7. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Hoạt động quản lý rủi ro và bảo toàn vốn tại OCB luôn được chú trọng cùng với sự phát triển các hoạt động kinh doanh. Hệ thống quản lý rủi ro được xây dựng, phát triển và ứng dụng các chuẩn mực quốc tế. OCB không ngừng đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, hoàn thiện cơ cấu quản trị, nâng cao năng lực quản lý rủi ro với việc áp dụng các công cụ hỗ trợ nhận diện, đo lường và giám sát rủi ro tiên tiến, chuẩn hóa các quy trình, quy định nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Ngân hàng đều nằm trong tầm kiểm soát.

##### Quản Lý Rủi Ro Theo Tiêu Chuẩn Basel II

OCB đã hoàn thành triển khai dự án Basel II từ tháng 12 năm 2017 và đưa vào áp dụng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với 100% các hạng mục công việc đều hoàn thành đúng tiến độ dưới sự tư vấn của Ngân hàng DBS – Singapore đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của 3 trụ cột Basel II. Đồng thời OCB cũng được NHNN cho phép áp dụng trước hạn TT41/2016/TT-NHNN vào ngày 26/12/2018. Để hoàn thành các hạng mục Quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, OCB đã triển khai hàng loạt các công cụ hỗ trợ tích cực cho công tác tin dụng và quản trị rủi ro; nghiên cứu soạn thảo, điều chỉnh bổ sung, cải tiến các quy trình/quy định liên quan đến công tác tin dụng, dữ liệu và quản trị rủi ro. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã tổ chức hàng loạt chương trình truyền thông, đào tạo đồng bộ và hiệu quả trên toàn hệ thống. Cụ thể:

##### *Trụ cột 1: Yêu cầu vốn tối thiểu*

OCB đã phát triển công cụ tính toán hệ số an toàn vốn tự động kết nối trực tiếp với Kho dữ liệu của Ngân hàng. Công cụ cho phép tính Tài sản có rủi ro của từng nhóm rủi ro khác nhau: rủi ro tín dụng, rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và Tài sản có rủi ro cho từng khối kinh doanh. Phương pháp tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xây dựng theo hướng dẫn tại thông tư 41/2016/TT-NHNN. Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo TT41/2016/TT-NHNN cũng được OCB thực hiện định kỳ hàng tháng nhằm giám sát biến động của chỉ số này để có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN. Đến 30/09/2020, tỷ lệ an toàn vốn tối của OCB theo TT41/2016/TT-NHNN là 13,11%, cao hơn mức yêu cầu của NHNN tại TT41/2016/TT-NHNN là 8,0%.

##### *Trụ cột 2: Quy trình nội bộ đánh giá mức độ đủ vốn*

Dưới sự tư vấn của DBS – Singapore, OCB đã triển khai và hoàn thành dự án ICAAP - Quy trình nội bộ đánh giá mức độ đủ vốn theo tiêu chuẩn Basel II bao gồm các hạng mục công việc như: xây dựng kế hoạch tài chính cho Ngân hàng giai đoạn 2017 – 2020, xây dựng kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng và lập kế hoạch vốn, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ về vốn cho Ban điều hành và HĐQT định kỳ hàng năm.

Kế hoạch vốn của OCB được xây dựng nhằm đảm bảo OCB có đầy đủ nguồn lực không những đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn trong điều kiện bình thường mà còn dự phòng cho các tình huống căng thẳng.

Để cải thiện hệ số an toàn vốn hơn nữa, OCB cũng đang thực hiện các kế hoạch sau:

Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu của Ngân hàng nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.

- Thực hiện phân bổ vốn tự có của Ngân hàng xuống cho các Khối kinh doanh quản lý sử dụng vốn hiệu quả.
- Đưa ra các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo lợi nhuận của khách hàng đem về đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng.

- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ và bù đắp rủi ro của khách hàng mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

Ngoài ra OCB cũng đã triển khai và hoàn thiện mô hình ba tuyến phòng thủ theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN bao gồm:

- *Tuyến phòng thủ thứ nhất:* bao gồm các đơn vị kinh doanh và các bộ phận kinh doanh tại Hội sở có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, bao gồm các đơn vị kinh doanh và các bộ phận kinh doanh tại Hội sở.
- *Tuyến phòng thủ thứ hai:* bao gồm Khối Quản lý rủi ro có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật.
- *Tuyến phòng thủ thứ ba:* Do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhằm đảm bảo việc tuân thủ một cách độc lập.

### **Trụ cột 3: Nguyên tắc thị trường và minh bạch thông tin**

Quy trình thu thập dữ liệu và công bố thông tin an toàn vốn cũng đã được OCB xây dựng và thực hiện theo quy định của TT41/2016/TT-NHNN. Các thông tin về tỷ lệ an toàn vốn, vốn yêu cầu cho từng loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động định kỳ đều được OCB công khai minh bạch trên website chính thức của OCB.

### **Nguyên tắc quản trị rủi ro**

Nguyên tắc quản trị rủi ro của OCB bao gồm các điểm chính như sau:

- Tuân thủ pháp luật;
- Minh bạch;
- Phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh và chính sách quản lý rủi ro chung của Ngân hàng;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Không ngừng nâng cao kiểm soát rủi ro.

Tất cả các quy chế, quy định, quy trình trong hoạt động của Ngân hàng đều tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, chính sách rủi ro của Ngân hàng. Các nhân viên của OCB khi tác nghiệp đều tuân thủ quy định pháp luật, tuân thủ các quy định nội bộ của Ngân hàng. Toàn bộ quy định nghiệp vụ được rà soát định kỳ hoặc theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo Ngân hàng để đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế.

### **Rủi ro tín dụng**

#### **Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (QLRRTD)**

Chính sách QLRRTD được OCB công bố tại Khẩu vị rủi ro. Chính sách QLRRTD được truyền thông hiệu quả từ cấp cao nhất đến từng nhân viên của OCB. OCB thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng/lần về tỷ lệ an toàn tài chính, các thay đổi chính sách trong QLRRTD nếu có phát sinh.

Các hạn mức trong rủi ro tín dụng được theo dõi định kỳ (hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng tùy theo từng loại), được cảnh báo, xử lý khi chạm các ngưỡng theo quy định. Các hạn mức cũng được thường xuyên rà soát và đề xuất thay đổi nếu không phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình kinh doanh thực tế.

OCB cũng đã áp dụng các mô hình xếp hạng tín dụng trong các hoạt động cấp tín dụng đối với các đối tượng khách hàng gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

Hoạt động QLRRTD luôn được chú trọng thông qua hoạt động giám sát của quản lý cấp cao là Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý rủi ro, Tổng Giám đốc, Hội đồng rủi ro, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro có lịch họp định kỳ, họp đột xuất để bám sát tình hình quản lý rủi ro tại OCB và đưa ra các chỉ đạo kịp thời cho hoạt động quản lý rủi ro tại OCB.

#### **Các tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng**

Danh mục tài sản đảm bảo đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng theo quy định tại Điều 12, Thông tư 41/2016/TT-NHNN tại OCB bao gồm:

- Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành,
- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán,
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

#### **Rủi ro hoạt động**

##### **Chính sách quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHD)**

OCB thực hiện xây dựng chiến lược quản lý rủi ro chung cho tất cả các loại rủi ro, trong đó xác định các loại rủi ro trọng yếu, nhiệm vụ chiến lược và kế hoạch triển khai để hoàn thành chiến lược. Ngoài ra, OCB cũng ban hành hệ thống văn bản bao gồm quy chế, quy định, quy trình để thực hiện QLRRHD. Hệ thống quản lý hạn mức rủi ro hoạt động của OCB bao gồm: hạn mức tổn thất về tài chính và hạn mức tổn thất phi tài chính.

Phần mềm hỗ trợ QLRRHD đã được triển khai và tiếp tục được nâng cấp mở rộng phạm vi áp dụng. Bên cạnh đó, OCB cũng đã xây dựng cơ chế giám sát phát hiện sớm gian lận và đi kèm là hệ thống khai báo rủi ro hoạt động nhằm đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn được phát hiện và xử lý nhanh nhất để hạn chế tổn thất.

Để đánh giá, đo lường các rủi ro hoạt động, OCB đang áp dụng các công cụ như sau:

- Thu thập và phân tích số liệu tổn thất nội bộ (Internal loss data collection and analysis);
- Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (Risk Control Self Assessment – RCSA):
  - Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu (Risk and Performance indicators);
  - Công cụ quản lý duy trì hoạt động kinh doanh (Business Control Management).

Các quy định QLRRHD trong hoạt động thuê ngoài, ứng dụng công nghệ và bảo hiểm được xây dựng nhằm:

- Thiết lập các nguyên tắc, cách thức phối hợp giữa các phòng ban nhằm nhận diện, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí;
- Có các phương án chuẩn bị về công nghệ nhằm kiểm soát rủi ro đầy đủ;
- Cơ sở thực hiện, phối hợp giữa các phòng ban trong hoạt động mua bảo hiểm nhằm quản lý/chuyển giao rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí.

##### **Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục (BCP)**

OCB đã xây dựng BCP bao gồm việc chuẩn bị về địa điểm thay thế, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nguồn nhân lực, kế hoạch hoạt động... để sẵn sàng kích hoạt sử dụng khi xảy ra các sự cố thảm họa. Ngoài ra, OCB đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc ứng phó trong các trường hợp thiên tai/bão lụt, cháy nổ, cướp tấn công, triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập thường xuyên hàng năm nhằm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

#### **Rủi ro thị trường**

### **Chính sách trong quản lý rủi ro thị trường (QLRRTT)**

QLRRTT thực hiện kiểm soát và quản lý các rủi ro có thể xảy ra đối với các trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh của Ngân hàng đo biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Đảm bảo cho OCB hoạt động ổn định, giảm thiểu rủi ro gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và/hoặc vốn.

Việc triển khai thực hiện QLRRTT phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro và đảm bảo tuân thủ chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước, Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Các công cụ QLRRTT**

OCB sử dụng các công cụ sau để đo lường, kiểm soát và thực hiện báo cáo đối với rủi ro thị trường, theo nguyên tắc các rủi ro thị trường có mức độ trọng yếu phải được đo lường nhằm đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn lên thu nhập và vốn của OCB trong hiện tại và tương lai:

- Đánh giá danh mục/trạng thái theo giá thị trường (Mark to market)
- Giá trị rủi ro (Value at risk – VaR)
- Phương pháp đo lường PV01
- Kiểm tra sức chịu đựng (Stress Testing)
- Hệ thống các hạn mức về quản lý rủi ro thị trường.

### **Danh mục thuộc sổ kinh doanh của OCB**

Danh mục các loại tài sản trong sổ kinh doanh của OCB bao gồm:

- Trái phiếu chính phủ.
- Trạng thái ngoại tệ.
- Trạng thái vàng.

### **Chiến lược tự doanh**

Chiến lược tự doanh của OCB được xây dựng dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô, dòng tiền, biến động của các yếu tố thị trường và tình hình tái chính cũng như hạn mức kinh doanh được giao. Từ những nhận định đó, bộ phận tự doanh của OCB sẽ tiếp tục xây dựng danh mục kinh doanh theo hướng tập trung vào các kỳ hạn có thanh khoản cao trên thị trường trong ngắn hạn và xem xét các yếu tố tác động, cung cầu thị trường để cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp trong dài hạn nhằm mang đến lợi nhuận tối đa cho OCB, đồng thời cũng kiểm soát rủi ro trong hạn mức cho phép.

Năm 2019, OCB đã được tổ chức xếp hạng tín nhiệm Quốc tế Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm lên Ba3, nằm trong nhóm các Ngân hàng có xếp hạng cao nhất tại Việt Nam hiện nay và được duy trì tiếp tục duy trì mức xếp hạng này khi rà soát định kỳ vào tháng 04/2020.

### **Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro**

- Mục tiêu của OCB là trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu hệ thống về quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế nên OCB sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai và tiến tới áp dụng Basel II phương pháp nâng cao vào trong giai đoạn 2020-2025;
- Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế (như Moody's, v.v) xếp hạng OCB mức cao nhất, bằng xếp hạng quốc gia, với triển vọng tích cực;
- Để bảo đảm kiểm soát tốt rủi ro, OCB đã triển khai đồng bộ ba tuyến kiểm soát rủi ro, thiết lập hạn



mức rủi ro và giám sát mức độ tập trung danh mục vào những lĩnh vực biến động mạnh/ tiềm ẩn rủi ro cao;

- Triển khai các giải pháp ngăn chặn nợ xấu phát sinh; đối với các khoản nợ xấu tồn tại, OCB đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu, triển khai toàn diện các biện pháp quy định theo pháp luật nhằm đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng, tỷ lệ nợ xấu và các khoản tiềm ẩn nợ xấu về mức thấp nhất, đảm bảo an toàn theo mục tiêu đã đề ra cho OCB.

#### 4.6.8. Thị trường hoạt động

##### a. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc

Những năm qua, OCB không ngừng mở rộng mạng lưới hoạt động trên các tỉnh thành trong cả nước. Mục tiêu của OCB ngoài việc mở rộng các điểm kinh doanh, còn chú trọng đến việc rà soát điều chỉnh nhân diện đơn vị và tập trung phát triển các kênh kinh doanh khác phục vụ khách hàng như môi trường số thông qua digital banking.

Tính đến 25/12/2020, tổng số chi nhánh và phòng giao dịch của OCB là 134 bao gồm: Hội sở chính và 43 chi nhánh; 89 Phòng giao dịch được phân bố trên toàn quốc. Dự kiến năm 2020, OCB sẽ tiếp tục tập trung vào công tác mở mới, phát triển mạng lưới và thường xuyên nâng cấp cơ sở vật chất để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.

OCB hiện đang sở hữu mạng lưới 96 cây ATM tập trung tại các địa bàn trọng yếu và là thành viên liên minh trong hệ thống thẻ NAPAS kết nối phủ sóng hơn 17.000ATM và 220.000 POS trên toàn quốc, sử dụng mọi lúc mọi nơi.

##### Định hướng mở rộng mạng lưới

Sau khi hoàn tất việc mở rộng 05 chi nhánh mới trong năm 2020, OCB tiếp tục thực hiện kế hoạch mở rộng mạng lưới trong các năm sắp tới. Hiện nay, OCB đã lập hồ sơ xin cấp phép mở mới thêm 05 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố bao gồm: Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Huế, Lâm Đồng và 02 Phòng Giao dịch trực thuộc Chi nhánh Đắk Lắk theo định hướng phục vụ nông nghiệp và nông thôn tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa. Dự kiến khai trương vào quý IV/2021.

##### b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Trải qua hơn 24 năm hoạt động, OCB đã xây dựng được một hệ thống khách hàng đa dạng từ cá nhân đến doanh nghiệp, trải dài từ Nam ra Bắc. Bên cạnh đó, OCB không ngừng củng cố, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút khách hàng tiềm năng thông qua các chương trình, dịch vụ để kết nối các khách hàng này với Ngân hàng.

Số lượng khách hàng của OCB

Phân loại	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
Khách hàng cá nhân	1.079.362	1.391.738	29%
Khách hàng doanh nghiệp	24.090	27.544	14%
Tổ chức tài chính, ngân hàng	1.444	1.581	9%

Năm 2018, OCB triển khai thành công Ngân hàng hợp kênh OCB OMNI. OCB là đơn vị dẫn đầu cuộc cách mạng ngân hàng số tại Việt Nam. Thừa hưởng những thành tựu của công nghệ hợp kênh tiên tiến trên thế giới, OCB OMNI khẳng định tính tiên phong với 3 tính năng nổi trội: Tốc độ - An toàn - Tiện nghi. Trong đó yếu tố bảo mật được đặt lên hàng đầu: bảo mật đa tầng với hình thức xác thực IOTP khi thực hiện giao dịch; bảo mật ứng dụng bằng nhận diện khuôn mặt, vân tay cũng giúp tối ưu hóa trải nghiệm của người dùng, đảm bảo an toàn cho tài khoản thanh toán, đặc biệt giao dịch online trên OCB OMNI hoàn toàn miễn phí. Việc xây dựng và phát triển ngân hàng số cho thấy OCB không ngừng nỗ lực trong việc hoàn thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng và ngày càng tiếp cận gần hơn để gia tăng và mở rộng mạng lưới khách hàng trong thời gian sắp tới.

### c. Thị phần và khả năng cạnh tranh

#### Thị phần

Sản phẩm dịch vụ của ngành ngân hàng mang tính chất đặc thù, không phụ thuộc vào sản lượng sản xuất hay doanh số bán hàng như các ngành kinh doanh khác. Với quy mô dân số của Việt Nam trên 90 triệu người và mới có khoảng 40% dân số tham gia sử dụng dịch vụ ngân hàng thì cơ hội thị trường còn rất lớn cho các nhà cung cấp dịch vụ nói chung.

Ngoài nhóm 4 ngân hàng có vốn nhà nước đứng đầu thị trường về quy mô thì OCB luôn xếp trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có hiệu quả kinh doanh cao và ổn định trong 5 năm vừa qua.

Trong nhiều năm qua, OCB luôn nỗ lực nâng cao thị phần của Ngân hàng tại các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống là huy động và tín dụng, cũng như đa dạng hóa hoạt động kinh doanh ở mảng cung cấp dịch vụ, đầu tư chứng khoán và tài trợ thương mại, chi tiết về một số chỉ tiêu quan trọng thể hiện thị phần và năng lực cạnh tranh của OCB được thể hiện chi tiết tại bảng sau.

**Thị phần và tình hình tài chính của các ngân hàng thương mại cổ phần**

Đơn vị: tỷ VND

STT	Tên Ngân hàng	Lợi nhuận trước thuế			Tổng thu nhập hoạt động			Thu nhập lãi		ROAA		CAR			
		2018	2019	% Tăng trưởng 2020	2018	2019	% Tăng trưởng	2018	2019	6T 2020	2019	2019	6T 2020		
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam (TCB)	10.661	12.838	20,42%	18.360	21.068	14,81%	11.127	14.258	28,14%	8.148	2,95%	16,29%	15,50%	16,90%
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	9.199	10.324	12,24%	31.086	36.356	16,95%	24.702	30.670	24,16%	15.722	2,36%	21,47%	11,09%	11,30%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBS)	7.767	10.036	29,21%	19.537	24.650	26,18%	14.583	18.000	23,43%	9.319	2,02%	22,15%	10,12%	0
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	6.399	7.516	17,65%	14.033	16.097	14,71%	10.363	12.112	16,88%	8.531	1,69%	24,64%	10,91%	10,70%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)	4.005	5.018	25,32%	9.440	11.368	20,63%	7.646	9.747	27,48%	5.593	1,62%	20,77%	11,20%	11,50%
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	2.743	4.062	48,85%	6.086	8.152	33,95%	4.825	6.213	28,76%	3.701	2,02%	27,11%	9,70%	9,69%
7	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB)	2.258	3.868	71,33%	5.627	8.469	50,52%	4.378	5.633	28,66%	3.492	2,06%	26,11%	10,70%	11,24%
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB)	2.202	3.231	46,76%	5.016	6.610	31,04%	3.436	4.101	19,36%	2.303	2,37%	26,44%	11,19%	14,64%
9	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	2.247	3.217	43,16%	11.677	14.635	25,34%	7.634	9.181	20,26%	5.477	0,57%	9,56%	11,53%	0
10	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2.094	3.026	44,53%	6.742	9.389	39,27%	4.444	7.830	40,94%	4.122	0,70%	13,88%	11,70%	0
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt (LPB)	1.213	2.039	68,09%	4.879	6.507	33,35%	5.016	6.061	20,84%	2.902	0,85%	14,05%	8,35%	8,59%
12	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)	622	1.391	123,43%	2.812	5.211	85,33%	2.337	2.895	23,85%	1.338	0,74%	11,43%	12,12%	0
13	Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình (ABB)	928	1.274	37,29%	2.913	3.639	24,93%	2.039	2.476	21,57%	1.088	1,04%	13,60%	10,50%	10,00%

STT	Tên Ngân hàng	Lợi nhuận trước thuế		Tổng thu nhập hoạt động		Thu nhập lãi		ROAA		ROAE		CAR				
		2018	2019	% Tăng trưởng 2020	2018	2019	% Tăng trưởng	2018	2019	2019	2020	2019	2020	2019	2020	
14	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	827	1.095	32,42%	4.452	4.486	0,78%	2.129	3.107	3.220	3,65%	1.615	0,54%	5,65%	13,81%	11,76%
15	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (BAB)	842	934	10,85%	2.913	3.639	24,93%	1.017	2.039	2.478	21,57%	952	1,04%	13,60%	10,22%	( <sup>1</sup> )
16	Ngân hàng TMCP Nam Á (NAB)	743	925	24,44%	1.796	2.468	37,28%	1.195	1.707	2.186	28,10%	1.053	0,86%	15,92%	9,65%	8,99%
17	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VBB)	401	613	52,86%	1.363	1.744	28,68%	858	1.044	1.216	16,42%	200	0,81%	10,20%	9,14%	8,31%
18	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB)	229	225	-1,88%	6.532	7.404	13,35%	4.107	2.907	4.029	38,62%	1.453	0,03%	1,06%	9,20%	( <sup>1</sup> )
19	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGE)	159	90	-43,44%	1.197	1.197	0,02%	533	848	855	0,90%	401	30,15%	2,15%	13,89%	( <sup>1</sup> )
20	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (KLB)	280	86	-70,38%	1.256	1.203	-4,25%	708	975	1.008	3,38%	550	0,14%	1,79%	13,42%	( <sup>1</sup> )
21	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (NVB)	88	55	-37,33%	1.224	1.242	1,45%	569	981	1.158	18,06%	480	0,06%	1,14%	9,57%	( <sup>1</sup> )

Người: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019 của các Ngân hàng

(<sup>1</sup>): Không có số liệu về tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các Ngân hàng này tại thời điểm 30/06/2020.



## Khả năng cạnh tranh

Với chặng đường 24 năm phát triển, OCB được đánh giá là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao về tín dụng, huy động và tổng tài sản gấp đôi trung bình ngành. Trong bối cảnh sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng gia tăng, OCB đã nỗ lực không ngừng và tiếp tục gặt hái được nhiều thành quả. Trong những năm gần đây, OCB luôn duy trì vị trí cao trong nhóm các ngân hàng hoạt động hiệu quả nhất. Những thành quả tạo dựng được là nền tảng vững chắc giúp OCB tạo dựng vị thế và khẳng định tên tuổi trên thị trường.

### Tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ

OCB duy trì mức tăng trưởng trên 20% liên tiếp trong 05 năm gần đây, nhờ tập trung mạnh mẽ vào mảng bán lẻ (RB) và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Tốc độ tăng trưởng kép của tài sản có sinh lời và các khoản nợ chịu lãi của OCB trong giai đoạn 2015-2019 lần lượt là 25,8% và 23,6%. Bên cạnh đó, thu nhập lãi thuần của OCB cũng tăng trưởng bình quân 26,76% trong giai đoạn này. Đáng kể hơn, thu nhập ngoài lãi của OCB năm 2019 đạt khoảng 60% thu nhập lãi thuần và tăng xấp xỉ 26 lần so với cùng kỳ năm 2015.

Mức tăng trưởng vượt bậc của OCB được duy trì bền vững trên cơ sở cơ cấu thu nhập hoạt động và tình hình tài chính tốt, thể hiện rõ nét qua tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế của OCB là 86,5% giai đoạn 2015 - 2019 với hệ số tỷ suất sinh lời ROA và ROE tăng trưởng nhanh và đều qua các năm, cụ thể ROA tăng từ 0,47% năm 2015 đến 2,37% năm 2019 và ROE tăng từ 5,1% lên đến 25,4% trong cùng giai đoạn.

### Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế

Năm 2019, OCB đã được Moody's Investors Service, một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới, tăng bậc xếp hạng đánh giá rủi ro đối tác (CRA-Counterparty Risk Assessment) và xếp hạng rủi ro đối tác (CRR-Counterparty Risk Ratings) lên mức Ba3, đây là mức xếp hạng thuộc nhóm cao nhất tại Việt Nam hiện nay.

OCB luôn nỗ lực hướng đến mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu hệ thống về quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế. Để thực hiện mục tiêu, OCB không ngừng nghiên cứu, triển khai và tiến tới áp dụng Basel II phương pháp nâng cao vào trong giai đoạn 2020-2025. Đồng thời, đảm bảo duy trì mức xếp hạng tín nhiệm của Moody's và mục tiêu hướng đến đạt xếp hạng loại A (Tốt) theo quy định về xếp hạng các tổ chức tín dụng của NHNN tại thông tư 52/2018/TT-NHNN.

### Tiếp tục mở rộng nền tảng công nghệ số

#### Ứng dụng công nghệ

OCB đã đưa vào vận hành thành công với hơn 30 API, theo đó OCB đã nhanh chóng cung cấp các sản phẩm dịch vụ ra bên ngoài theo diện rộng, an toàn và được tổ hợp sử dụng theo nhu cầu/yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng, đối tác khác nhau. Open API không chỉ là nền tảng quan trọng trong việc hoàn thiện sức mạnh công nghệ của OCB, mà quan trọng hơn là giúp OCB sẵn sàng cho mô hình ngân hàng mở (Open Banking) với việc tiếp tục nghiên cứu và khai thác nhiều mô hình kinh doanh mới trên nền tảng này. Hiện nay OCB đã cung cấp API đến rất nhiều đối tác đã và đang sử dụng như MoMo, AirPay, UEH, các đối tác của OIMT v.v.

OCB hoàn thành dự án xây dựng hệ thống Treasury với nguồn nhân lực nội bộ, qua đó nâng cao hiệu suất hoạt động cũng như tiết kiệm hơn 70% chi phí so với các hệ thống Treasury của các ngân hàng khác; đây là một hệ thống quan trọng trong tác nghiệp, vận hành, hỗ trợ đắc lực cho Khối Kinh doanh Tiền tệ và Đầu tư.

### Nền tảng hạ tầng công nghệ

Nếu Open API là dự án trọng điểm ở mảng ứng dụng thì việc triển khai thành công dự án Hệ thống mạng định nghĩa bằng phần mềm (SDN, Software-Defined Networking) đã đưa OCB trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai & áp dụng thành công công nghệ mới này trong hoạt động thương mại. Việc triển khai SDN giúp OCB tối ưu hiệu suất các hệ thống mạng đã đầu tư trước đây; đảm bảo hiệu quả hoạt động các cầu phần CNTT quan trọng trong hệ thống.

OCB đã trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai và áp dụng thành công nền tảng phân tích mới nhất từ tập đoàn IBM - Hệ thống Phân tích tích hợp (IIAS, IBM Integrated Analytic System), áp dụng IIAS vào vận hành sẽ giúp OCB luôn sẵn sàng kết nối và sử dụng các nguồn dữ liệu bên ngoài, các nguồn dữ liệu phi cấu trúc, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI, Artificial Intelligence) và Machine Learning trong tính toán và phân tích, theo đó giảm tối đa thời gian xử lý thông tin và đa dạng hóa các nguồn thông tin hỗ trợ lãnh đạo và ra quyết định.

Năm 2019, OCB vinh dự đón nhận chứng nhận PCI DSS, đây là chứng nhận quan trọng liên quan đến việc tổ chức, lưu trữ, truyền dẫn, xử lý thông tin, dữ liệu trong hoạt động thanh toán Thẻ, chứng nhận trên đã thể hiện OCB luôn nghiêm túc tuân thủ các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước cũng như các Tổ chức Thẻ trên thế giới. Sau 12 tháng triển khai thành công, OCB trở thành số ít ngân hàng có thời gian triển khai và hoàn thành dự án ngắn kỷ lục tại Việt Nam (trung bình 18 – 24 tháng).

OCB tiếp tục khẳng định là ngân hàng đáp ứng cao nhất các yêu cầu về an ninh, an toàn từ các cơ quan hữu quan, đơn vị liên quan; lấy an toàn, bảo mật và ổn định hệ thống làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, bên cạnh đó OCB luôn nghiêm túc tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo công tác quản lý an toàn thông tin cao nhất trong Ngân hàng.

### Tăng cường kết nối với khách hàng

Để tăng cường nhận diện thương hiệu đối với khách hàng, OCB đã triển khai đẩy mạnh công tác truyền thông phù hợp với các đối tượng khách hàng mục tiêu khác nhau.

OCB cũng chú trọng vào việc mở rộng mạng lưới của ngân hàng nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn. Mạng lưới giao dịch lớn sẽ giúp ngân hàng tiếp cận được nhiều bộ phận khách hàng, ở những vùng miền khác nhau. Bên cạnh đó, OCB luôn cân nhắc và thận trọng trong việc đánh giá, kiểm soát và cân bằng giữa chi phí và khả năng hoạt động hiệu quả của trụ sở trong việc lên kế hoạch gia tăng mạng lưới.

#### 4.6.9. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại OCB đang triển khai các dự án sau:

##### Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện

STT	Tên dự án	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án kiến toàn hệ thống thẻ	1. Triển khai công cụ hỗ trợ vận hành và phát triển sản phẩm Thẻ trên OMS.	- OCB đang thực hiện. Dự kiến thời gian hoàn thành là Quý 1/2021.	Tổng mức đầu tư dự kiến: 4,5 tỷ đồng

STT	Tên dự án	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
		2. Nâng cấp Core thẻ WAY 4.	- OCB thực hiện nâng cấp kỹ thuật từ ngày 01/09/2020 đến ngày 30/11/2020. - Đã hoàn thành vào tháng 10 năm 2020.	
2	Dự án nâng cấp Core Banking T24	- Nâng cấp một số cấu phần quan trọng khác của Core Banking. - Nâng cấp hệ thống hạ tầng cho T24	- OCB triển khai thực hiện dự án từ tháng 09/2020.	Tổng mức đầu tư dự kiến: 66,9 tỷ đồng
3	Dự án phát hành và chấp nhận thẻ chip nội địa (EMV NAPAS)	1. Cập nhật hệ thống Core Thẻ Way4 để đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật CHIP. 2. Nâng cấp hệ thống máy ATM để đáp ứng tiêu chuẩn chấp nhận thẻ CHIP. 3. Nâng cấp bản quyền License HSM đáp ứng xử lý giao dịch thẻ CHIP. 4. Triển khai hệ thống POS của OCB cho chiều chấp nhận Thẻ CHIP.	- OCB dự kiến thời gian chấp nhận và phát hành thẻ CHIP trước 31/12/2020.	Tổng mức đầu tư dự kiến: 10,9 tỷ đồng
4	Dự án duy trì các chứng nhận quốc tế	1. Duy trì chứng nhận quốc tế về "Tiêu chuẩn bảo mật an ninh dữ liệu thẻ thanh toán quốc tế" do "Hội đồng Tiêu chuẩn bảo mật an ninh dữ liệu thẻ thanh toán - PCI DSS" cấp. 2. Duy trì chứng nhận quốc tế về "Tiêu chuẩn quốc tế hệ thống quản lý an toàn thông tin - ISO/IEC 27001: 2013" do "Viện tiêu chuẩn Anh Quốc (BSI)" cấp.	- OCB đã hoàn tất đánh giá trong tháng 11/2020 và ngày 01/12/2020 đã nhận chứng nhận duy trì tiếp tới 14/12/2021. - OCB dự kiến hoàn tất vào tháng 03/2021.	Tổng mức đầu tư dự kiến: 352 triệu đồng TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ KIẾN: 295 triệu đồng
5	Dự án triển khai hệ thống bán ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế trên OMNI	- Triển khai chức năng bán ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế trên OMNI (APP-WEB), phê duyệt online thông qua hệ thống BPM.	- OCB đã chính thức ra mắt và truyền thông đến khách hàng ngày 15/07/2020	OCB tự xây dựng bằng nguồn lực nội bộ với Khối CNTT và Khối Treasury

STT	Tên dự án	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
6	Dự án thấu chi lương cho cán bộ nhân viên OCB	- Triển khai chức năng cấp hạn mức tín dụng dưới hình thức vay thấu chi cho cán bộ nhân viên OCB trên OMNI thông qua thẩm định online trên phần mềm iHRP và phê duyệt online trên hệ thống BPM.	- OCB đã chính thức ra mắt và truyền thông đến khách hàng ngày từ 15/07/2020	OCB tự xây dựng bằng nguồn lực nội bộ với Khối CNTT và Phòng Nhân sự.
7	Dự án tài trợ chuỗi thương mại (SCF)	- Xây dựng Platform và Triển khai hệ thống Tài trợ chuỗi cung ứng trên nền tảng công nghệ số. Xây dựng năng lực phát triển và cung cấp giải pháp tài chính Tài trợ chuỗi cung ứng cho OCB. Thúc đẩy mối liên kết thương mại trong chuỗi các Doanh nghiệp lớn với các nhà cung cấp, nhà phân phối nội địa.	- OCB đang Triển khai Thực hiện. Dự kiến thời gian hoàn thành là Quý 2/2021.	Tổng mức đầu tư dự kiến: 20 tỷ đồng
9	Dự án triển khai tiếp nhận thông tin đăng ký hồ sơ tín dụng online	1. Nâng cấp và điều chỉnh hệ thống tiếp nhận đăng ký vay Online trực tiếp - dành cho khách hàng và dành cho các kênh, nguồn bán hàng digital và liên kết qua Website SaleOnline.	- OCB đưa vào khai thác từ tháng 3/2020.	OCB tự xây dựng bằng nguồn lực nội bộ với Khối CNTT
		2. Nâng cấp và điều chỉnh các hệ thống tiếp nhận đăng ký vay Online qua các đối tác nền tảng thông qua giao tiếp API tích hợp cơ chế tiếp nhận đăng ký hồ sơ và chứng từ từ đối tác nền tảng FINOS.	- Vào tháng 7/2020, OCB cũng đã hoàn tất triển khai hệ thống và đưa vào khai thác sử dụng.	
		3. Nâng cấp và điều chỉnh các hệ thống tiếp nhận đăng ký vay Online thông qua giao tiếp API tích hợp cơ chế tiếp nhận đăng ký hồ sơ và chứng từ từ đối tác cung cấp dịch vụ theo mô hình liên kết giữa công ty nền tảng (Compasia) và đối tác bán hàng điện máy (FPT Shop)	- OCB đã đưa vào khai thác từ ngày 26/09/2020 trên môi trường sản xuất (Production environment)	

#### 4.7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

##### 4.7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của OCB trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến 09 tháng đầu năm 2020

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính hợp nhất giai đoạn 2018 – 30/09/2020



Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm so với năm 2018	09 Tháng Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	99.964	118.160	18,20%	132.874
2	Dư nợ cho vay khách hàng	56.316	71.091	26,23%	79.178
3	Tiền gửi của khách hàng	60.362	69.142	14,54%	77.287
4	Vốn chủ sở hữu	8.797	11.507	30,81%	15.906
5	Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	5.016	6.613	31,84%	5.064
5.1	Thu nhập lãi thuần	3.436	4.101	19,35%	3.391
5.2	Tổng thu nhập ngoài lãi	1.580	2.511	58,97%	1.673
6	Chi phí hoạt động	1.870	2.449	30,99%	1.613
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	2.202	3.231	46,73%	2.511
8	LNTT/TOI	43,90%	48,86%	-	49,59%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.761	2.582	46,62%	2.008
10	LNST/TOI	35,11%	39,04%	-	39,65%
11	Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	37,28%	37,04%	-	31,85%
12	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	1,91%	2,37%	-	-
13	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	23,58%	25,44%	-	-
14	Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (CAR)	12,0%	11,2%	-	13,11%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

**Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính riêng lẻ giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm so với năm 2018	09 Tháng Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	100.047	118.235	18,18%	132.973
2	Dư nợ cho vay khách hàng	56.316	71.091	26,24%	79.178
3	Tiền gửi của khách hàng	60.448	69.220	14,51%	77.393
4	Vốn chủ sở hữu	8.796	11.507	30,82%	15.902
5	Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	5.011	6.608	31,87%	5.054
5.1	Thu nhập lãi thuần	3.436	4.101	19,35%	3.391
5.2	Tổng thu nhập ngoài lãi	1.575	2.507	59,17%	1.663
6	Chi phí hoạt động	1.864	2.442	1,055	1.607

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm so với năm 2018	09 Tháng Năm 2020
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	2.202	3.232	46,78%	2.507
8	LNTT/TOI	43,94%	48,91%		49,80%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.762	2.583	46,59%	2.005
10	LNST/TOI	35,16%	39,09%		39,67%
11	Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	37,20%	36,96%	-	31,80%
12	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	1,61%	2,37%	-	-
13	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	23,60%	25,45%	-	-
14	Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (CAR)	12,01%	11,17%	-	13,09%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2020

#### 4.7.2. Phân tích các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

##### Duy trì tốc độ tăng trưởng tài sản cao trong nhiều năm

Trong giai đoạn 2015-2019, OCB đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) 24,3% đối với tổng tài sản. Đây là một trong những mức tăng trưởng cao nhất trong hệ thống ngân hàng. Kết quả là, tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản của OCB đạt mức 118.159 tỷ đồng. Trong 09 tháng đầu năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng tài sản của OCB vẫn tăng 12,45% so với cuối năm 2019 và đạt mức 132.874 tỷ đồng.

Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản một số Ngân hàng giai đoạn 2015-2019

Đơn vị: % tăng trưởng kép



Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của các Ngân hàng trong giai đoạn từ 2015 - 2019

Tổng tài sản có sinh lời của OCB đạt tốc độ tăng trưởng kép 25,8% trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019. Trong đó, yếu tố chính đóng góp cho sự tăng trưởng của tổng tài sản chính là tăng trưởng tín dụng. Cụ thể, cho vay khách hàng của OCB trong giai đoạn 2015-2019 có tỷ lệ tăng trưởng kép là 26,6%, đạt 71.091 tỷ đồng vào cuối năm 2019. Khách hàng cá nhân vẫn là động lực tăng trưởng chủ yếu của hoạt động tín dụng.

với tỷ lệ tăng trưởng kép trong giai đoạn nói trên là 29.02%.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản có sinh lời của OCB tiếp tục tăng trưởng, đạt 123,3 nghìn tỷ đồng và dư nợ cho vay khách hàng đạt 79,2 nghìn tỷ đồng.

**Tài sản sinh lời của OCB**

Đơn vị: nghìn tỷ VND

**Cho vay khách hàng của OCB**

Đơn vị: nghìn tỷ VND



**Lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc với cơ cấu thu nhập hoạt động bền vững**

Trong giai đoạn 2015-2019, OCB ghi nhận tốc độ tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc, đạt tỷ lệ tăng trưởng kép là 86,5%. Đây cũng là tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong nhóm các ngân hàng so sánh.

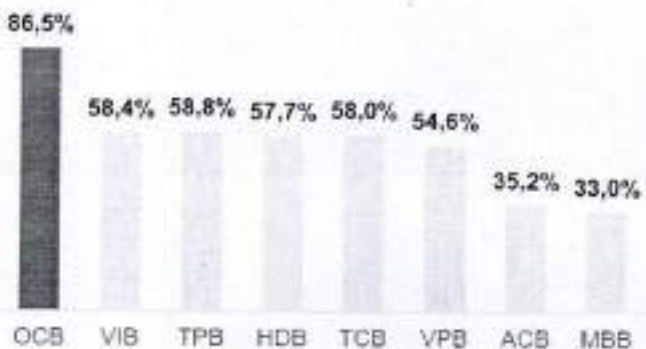
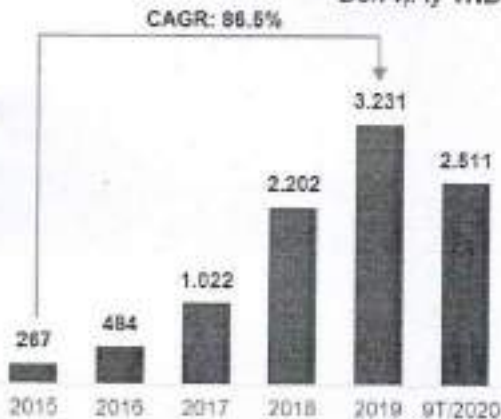
Trong năm 2019, OCB đạt 3.231 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng 46,7% so với năm 2018. Trong 09 tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Ngân hàng đã nỗ lực và ghi nhận kết quả lợi nhuận là 2.511 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng 29,3% so với 9 tháng đầu năm 2019.

**Lợi nhuận trước thuế của OCB**

Đơn vị: tỷ VND

**Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế một số Ngân hàng**

Đơn vị: % tăng trưởng kép 2015-2019



Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của các Ngân hàng trong giai đoạn từ 2015 - 2019

**Cơ cấu thu nhập hoạt động tăng trưởng ổn định**

Cơ cấu thu nhập hoạt động của OCB trong năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 tương đối ổn định với tỷ trọng thu nhập lãi thuần chiếm từ 60-70% và tổng thu nhập thuần ngoài lãi chiếm tỷ trọng 30-40%.

**Cơ cấu thu nhập hoạt động hợp nhất giai đoạn 2018 – 30/09/2020**

Đơn vị: tỷ VND

STT	Chi tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 Tháng Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Thu nhập lãi thuần và các khoản thu nhập tương tự (NII) (*)	3.436	68,50%	4.101	62,02%	3.391	66,96%
2	Tổng thu nhập thuần ngoài lãi (**)	1.580	31,50%	2.512	37,98%	1.673	33,04%
2.1	Thu thuần từ hoạt động dịch vụ (NFI)	338	6,73%	546 (***)	8,25%	527	10,41%
2.2	Thu thuần từ các hoạt động khác	1.242	24,77%	1.966	29,73%	1.146	22,63%
	<b>Tổng thu nhập hoạt động (TOI)</b>	<b>5.016</b>	<b>100%</b>	<b>6.613</b>	<b>100%</b>	<b>5.064</b>	<b>100%</b>

Ghi chú:

(\*): Tại thời điểm 30/09/2020, trong cơ cấu thu nhập lãi, tỷ trọng thu nhập lãi cho vay khách hàng và cho vay tổ chức tín dụng khác chiếm tỷ trọng trên 80%. Theo đó, khoản thu nhập này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, mặc dù số dư cho vay khách hàng không tăng nhiều so với cuối 2019, số dư cho vay Tổ chức tín dụng khác giảm so với cuối 2019. Điều này là do dư nợ cho vay bình quân trong 9 tháng năm 2020 cao hơn 9 tháng năm 2019, dẫn đến tổng thu lãi cho vay 9 tháng đầu năm 2020 cao hơn 9 tháng năm 2019.

Các khoản tiền gửi cho vay và nhận tiền gửi vay của các tổ chức tín dụng khác trong 09 tháng năm 2020 của OCB giảm mạnh, nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi trước tình hình dịch bệnh Covid-19, các tổ chức tín dụng nói chung và OCB nói riêng về cơ bản đều giảm nhu cầu huy động vốn và sử dụng vốn từ các tổ chức tín dụng trên thị trường, nhất là đối với các giao dịch tiền gửi cho vay kỳ hạn từ 3 tháng trở lên, bên cạnh đó OCB cũng áp dụng chính sách cần trọng trong hoạt động kinh doanh, dẫn đến dư nợ tiền gửi và cho vay với các tổ chức tín dụng giảm mạnh.

(\*\*): 06 tháng đầu năm 2020, thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 93,1 tỷ đồng từ 267,2 tỷ đồng lên 370,3 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tăng từ (1) dịch vụ đại lý bảo hiểm và phí liên kết bảo hiểm là 78,7 tỷ đồng (từ tháng 9/2019, OCB đã ký kết thỏa thuận phân phối độc quyền sản phẩm bảo hiểm với đối tác GENERALI – Italy với thời hạn 15 năm), do vậy trong 6 tháng đầu năm 2020, OCB có nguồn thu lớn từ phí liên kết bảo hiểm), (2) các dịch vụ ngân hàng truyền thống như thanh toán, tư vấn, ... đạt 14,3 tỷ đồng.

(\*\*\*): Theo Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ năm 2019, thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 231,77 tỷ đồng, từ 385,96 tỷ đồng lên 617,73 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tăng từ (1) hoạt động dịch vụ đại lý bảo hiểm và phí liên kết bảo hiểm là 134,8 tỷ đồng, (2) các dịch vụ thanh toán, tư vấn, ... là 96,9 tỷ đồng do Ngân hàng đẩy mạnh công tác bán hàng.

Mặc dù chưa có các lợi thế đặc biệt về giá vốn thấp như một số ngân hàng có vốn nhà nước, cũng không ưu tiên phát triển cho vay tín chấp đối với phân khúc khách hàng đại chúng vốn có lãi suất cho vay cao kèm theo rủi ro tín dụng cao, nhưng OCB đã đạt được tỷ lệ Thu nhập lãi cận biên (NIM) > 4% là mức cao trong ngành. Căn cứ theo Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước, chỉ tiêu này được

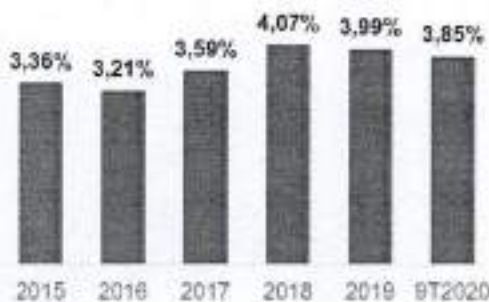
xác định như sau:

$$\text{Thu nhập lãi cận biên (NIM)} = \frac{\text{Thu nhập lãi thuần}}{\text{Tài sản Có sinh lãi bình quân}}$$

Trong tổng thu nhập thuần ngoài lãi, thu nhập từ hoạt động dịch vụ (bancassurance, dịch vụ thanh toán) và thu đầu tư kinh doanh trái phiếu là hai khoản mục có đóng góp lớn nhất. Sau khi ký hợp đồng đại lý phân phối bảo hiểm độc quyền với Công ty bảo hiểm Generali, bên cạnh khoản thu nhập lớn từ phí khai thác mạng lưới, OCB đã tập trung thúc đẩy hoạt động bancassurance và thu được những kết quả hết sức khả quan từ doanh thu phí hoa hồng.

**Tỷ lệ biên lãi thuần (NIM) của OCB**

Đơn vị: %



**Tỷ lệ thu thuần từ hoạt động dịch vụ của OCB**

Đơn vị: %



**Chi phí hoạt động được tối ưu hóa**

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2019, các khoản mục chi phí của OCB đều có xu hướng tăng, tương ứng với mức tăng trưởng về các khoản thu nhập của từng hoạt động, ngoại trừ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Trong đó, năm 2019, chi phí hoạt động dịch vụ tăng 44% so với năm trước, cùng với mức tăng trưởng thu nhập hoạt động dịch vụ là khoảng 59%. Tiếp đến, là chi phí lãi & các chi phí tương tự và chi phí hoạt động đều tăng khoảng 31% so với mức tăng thu nhập tương ứng lần lượt là 26% và 32% so với cùng kỳ năm 2018. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của OCB giảm 1,17%, trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của OCB tăng 32% so với năm 2018. Điều này cho thấy, OCB đã thực hiện kiểm soát tốt chi phí một cách chặt chẽ, mang lại hiệu quả hoạt động cao.

Về chi phí hoạt động, chi phí nhân viên luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, trung bình khoảng 33% trong năm 2018, 2019 và khoảng 65% trong 09 tháng đầu năm 2020. Ngoài ra, là chi phí quản lý công vụ, chiếm tỷ trọng khoảng 49% trong 02 năm gần đây và đến 09 tháng năm 2020, tỷ trọng chi phí này là 15,8%. Chi phí về tài sản cũng chiếm tỷ trọng tương đối cao và ổn định trong cơ cấu chi phí hoạt động của OCB với tỷ trọng trung bình là 15% - 16% trên tổng chi phí hoạt động.

**Cơ cấu chi phí của OCB**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		05 Tháng Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	4.221	-	5.537	-	2.917	-
-	Tỷ trọng trên Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	-	55,13%	-	57,45%	-	55,88%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	50	-	72	-	36	-
-	Tỷ trọng trên Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	12,89%	-	11,67%	-	9,73%
3	Chi phí hoạt động	1.869	100,00	2.449	100,00	1.059	100,00
-	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập hoạt động	-	37,26%	-	37,03%	-	29,57%
	Trong đó:						
3.1	Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	4	0,21	3	0,12	1	0,09
3.2	Chi phí nhân viên	623	33,33	795	32,46	689	65,06
3.3	Chi về tài sản	292	15,62	369	15,07	171	16,15
3.4	Chi cho hoạt động quản lý công vụ	911	48,74	1.216	49,65	167	15,77
3.5	Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	51	2,73	57	2,33	31	2,93
3.6	Chi phí dự phòng	(12)	(0,64)	10	0,41	0	-
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	944	-	933	-	658	-
-	Tỷ trọng trên Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-	30,01%	-	22,41%	-	26,09%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

Song song với việc phát triển kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận, OCB luôn chú trọng tới mục tiêu kiểm soát chi phí hoạt động, nhằm đạt được tỷ lệ chi phí hoạt động / thu nhập hoạt động (CIR) tối ưu. Kết quả là, kể từ năm 2018, tỷ lệ này của OCB nằm trong nhóm thấp nhất trong ngành ngân hàng (2018: 37,3%, 2019: 37,0%, 9T/2020: 29,6%).

**Chi phí / thu nhập hoạt động của OCB**  
Đơn vị: %



**Chi phí / thu nhập hoạt động một số Ngân hàng năm 2019**  
Đơn vị: %

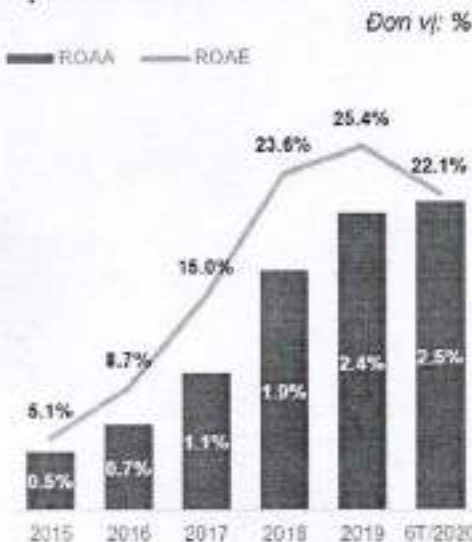


**Hiệu quả kinh doanh ấn tượng**

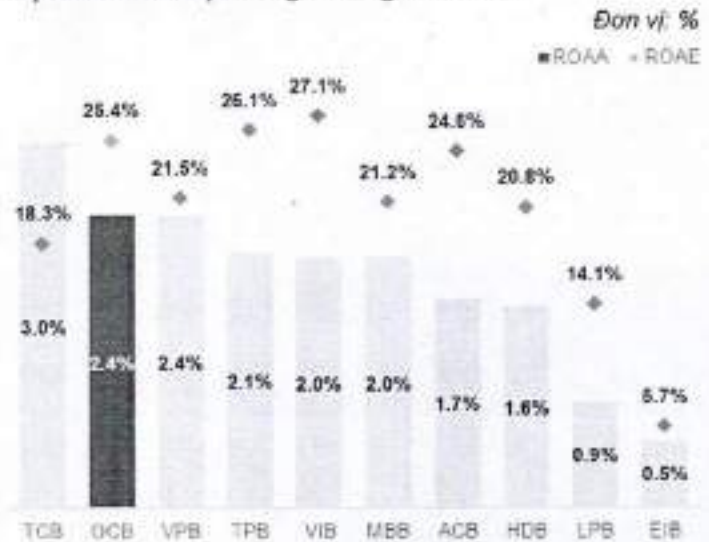
OCB đã vươn lên khẳng định vị thế của mình như là một ngân hàng TMCP có quy mô vừa và nhỏ, nhưng hiệu quả sinh lời thuộc nhóm tốt nhất trong ngành ngân hàng. Hiệu quả kinh doanh ấn tượng này được duy trì ổn định trong gần 3 năm qua, cụ thể, tỷ lệ ROAA đạt 2.37% và tỷ lệ ROAE đạt 25.4% trong năm 2019. Các tỷ lệ này đều đứng vị trí hàng đầu so với các ngân hàng trong hệ thống.

Đặc biệt, sau khi tăng vốn thành công cho đối tác Aozora vào cuối tháng 6/2020, mặc dù tổng vốn chủ sở hữu tăng thêm 2.451 tỷ đồng, phần nào tạo áp lực lên hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, nhưng OCB vẫn đạt được tỷ lệ ROAE ước tính theo năm là 22,1%. Tỷ lệ ROAA ước tính theo năm trong giai đoạn này đạt 2,46% là mức cao nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của OCB.

**Hệ số sinh lời của OCB**



**Hệ số sinh lời một số Ngân hàng năm 2019**



**Vốn chủ sở hữu đảm bảo cho nhu cầu tăng trưởng trong trung hạn**

OCB là một trong ba ngân hàng đầu tiên được NHNN Việt Nam chứng nhận hoàn thành việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn mực Basel II. Từ năm 2018, OCB thực hiện tính toán và báo cáo tỷ lệ CAR theo Basel

II. Ngân hàng đã luôn duy trì tỷ lệ CAR cao hơn rất nhiều so với mức yêu cầu tối thiểu của NHNN là 8,0%.

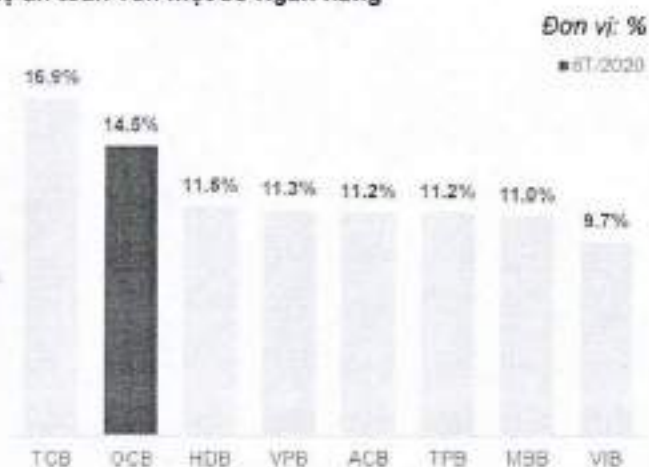
Trong năm 2020, sau khi tăng vốn thành công cho cổ đông lớn là ngân hàng Aozora, tổng vốn chủ sở hữu của OCB tại thời điểm cuối tháng 6/2020 đạt 15.423 tỷ đồng. Tỷ lệ CAR đạt mức 14,5% (Vốn cấp 1: 14,1%) và đứng thứ 2 trong toàn hệ thống ngân hàng. Tỷ lệ CAR của OCB cao hơn rất nhiều so với mức trung bình của các ngân hàng TMCP khác là khoảng 11%.

Với mức vốn chủ sở hữu nêu trên, OCB tự tin có đủ lượng vốn cần thiết không những phục vụ cho nhu cầu tăng trưởng tài sản trong ít nhất 3 năm tới mà còn ở vị thế sẵn sàng đối phó với các rủi ro và nguy cơ từ khủng hoảng kinh tế. Trong tương lai, khi hạn mức tăng trưởng của mỗi ngân hàng sẽ chủ yếu phụ thuộc vào sức khỏe tài chính của riêng ngân hàng đó, thay vì tuân theo một/một vài hạn mức tăng trưởng chung, tỷ lệ an toàn vốn cao là lợi thế đáng kể giúp OCB có thể được NHNN phê duyệt hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn so với đa số các ngân hàng khác.

#### Tỷ lệ an toàn vốn của OCB



#### Tỷ lệ an toàn vốn một số Ngân hàng



(\*): Tỷ lệ CAR năm 2018, 2019, T6/2020 tính theo chuẩn mực Basel II.

#### 4.7.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm báo cáo

##### a. Thuận lợi

- Về năng lực tài chính, OCB được đánh giá là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tốt, ổn định và hiệu quả trong vòng 05 năm trong hệ thống các tổ chức tài chính tại Việt Nam, trong đó:
  - Tăng trưởng quy mô tài sản, tổng tài sản OCB từ 2016 đến nay tăng trưởng trung bình hàng năm hơn 20%, tổng tài sản từ 25.424 tỷ đồng vào năm 2011, đến nay OCB đã đạt hơn 125.000 tỷ tổng tài sản.
  - Tăng trưởng nguồn vốn, OCB đã hoàn tất việc bán cổ phần cho Ngân hàng Aozora, nâng vốn chủ sở hữu lên 15.423 tỷ tại thời điểm 30/06/2020. Mức đệm vốn và thanh khoản vững vàng cho thấy OCB sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi của thị trường.
  - Hiệu quả hoạt động và lợi nhuận, chủ động kiểm soát chi phí, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tối ưu hóa chi phí hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh là định hướng xuyên suốt trong quá trình hoạt động của OCB. Theo đó, OCB luôn giữ được mức tăng trưởng lợi nhuận cao và ổn



định, từ mức lợi nhuận dưới 500 tỷ trong giai đoạn 2011 – 2015, đến nay OCB đã đạt lợi nhuận trước thuế 3.232 tỷ đồng vào năm 2019 và dự kiến đạt khoảng 4.400 tỷ đồng năm 2020.

- \* Về thanh khoản và quản trị rủi ro, OCB là một trong số ít ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành các hạng mục dự án Quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II và được NHNN công nhận vào tháng 12/2018. Từ đó đến nay, OCB luôn duy trì các chỉ số rủi ro và các hệ số an toàn ở mức thận trọng so với yêu cầu của NHNN và quy định tại Basel II.
- \* Về mức độ tín nhiệm, OCB đã được Moody's Investors Service tăng bậc xếp hạng đánh giá rủi ro đối tác (CRA-counterparty risk assessment) và xếp hạng rủi ro đối tác (CRR-counterparty risk ratings) lên mức Ba3 trong năm 2019, đây là mức xếp hạng tốt nhất tại Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, OCB còn đạt được nhiều thành công khác trong giai đoạn 2018 - 2020 như: Đạt Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt 2018, ngân hàng số đột phá năm 2019 và Ngân hàng số tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2019, Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt năm 2020.

Về khả năng ứng dụng công nghệ, OCB là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tiên phong thực hiện định hướng chiến lược về thúc đẩy chuyển đổi số đối với hệ thống tài chính Ngân hàng, hướng đến sự phát triển bền vững và toàn diện. Với mục tiêu này, tháng 3/2018, OCB đã cho ra mắt thành công dịch vụ ngân hàng hợp kênh đầu tiên tại Việt Nam - OCB OMNI, ứng dụng tích hợp đầy đủ những dịch vụ của một ngân hàng, giúp khách hàng sử dụng dịch vụ, sản phẩm của OCB mà không cần đến quầy. OCB đã thành công trong việc chuyển đổi xu hướng thanh toán từ tiền mặt thành các giao dịch trực tiếp trên online thông qua OCB OMNI, khách hàng có thể dễ dàng thực hiện các bước giao dịch chuyển tiền, thanh toán nhanh chóng, thuận lợi, xuyên suốt và ổn định trên mọi thiết bị. Ngoài ra, với nền tảng Ngân hàng số OCB OMNI, OCB đã tăng cường liên kết cùng các đối tác để xây dựng hệ sinh thái đa sản phẩm dịch vụ thông qua Open API, đẩy mạnh các giải pháp tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng theo từng phân khúc, từng ngành nghề kinh doanh riêng biệt.

Về trình độ, chất lượng của đội ngũ CBCNV, OCB luôn xác định con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công. Vì vậy, OCB đã triển khai có hệ thống và mạnh mẽ vào việc đầu tư cho nguồn nhân lực, như: xây dựng môi trường làm việc thu hút nhân tài và phát triển tiềm năng thông qua các chính sách; quy định về tuyển dụng và đãi ngộ được xây dựng, cải thiện đã làm thay đổi đáng kể về chất lượng nguồn nhân lực. Tổ chức nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ. Kịp thời khen thưởng và ghi nhận những thành tích tốt nhằm kịp thời động viên, khuyến khích các thành tích, nỗ lực phấn đấu của cán bộ nhân viên.

#### **b. Khó khăn**

Sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng hơn với áp lực đến từ trong nước và ngoài nước. Sự thâm nhập của các ngân hàng nước ngoài với thế mạnh về tiềm lực tài chính, khả năng quản trị chuyên nghiệp, đa dạng về sản phẩm sẽ tạo sức ép lớn đối với khối ngân hàng nội địa, dẫn đến nguy cơ mất thị phần nội địa tăng cao.

Việc định hướng quản lý tín dụng chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước thông qua giới hạn mục tiêu tăng trưởng tín dụng của các tổ chức tín dụng trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay đã tạo ra những hạn chế lớn đến tiềm năng tăng trưởng của các NHTM trong đó có OCB. Mức tăng trưởng tín dụng mà NHNN đã cấp cho OCB trong những năm qua thuộc nhóm các NH được cấp mức tăng trưởng tín dụng cao nhưng vẫn thấp hơn khả năng tăng trưởng của OCB.

Trong bối cảnh kinh tế - tài chính thế giới diễn biến khó lường, một số rủi ro kinh tế vĩ mô trong nước hiện tại có thể gây ảnh hưởng không nhỏ đến nỗ lực cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD,

tiềm ẩn nguy cơ làm gia tăng nợ xấu trong thời gian tới, như ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tiếp diễn, qua đó xuất hiện nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát lạm phát, gây áp lực lên thị trường tài chính - ngân hàng và ổn định kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, hoạt động của các doanh nghiệp trong các năm qua có nhiều khởi sắc nhưng vẫn còn không ít doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn về tài chính, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Theo đó, nợ xấu luôn là áp lực lớn đối với cả hệ thống ngân hàng thương mại. Chính vì vậy, công tác giám sát, quản lý nợ xấu là rất cần thiết, trong đó việc phát hiện sớm những dấu hiệu của nợ xấu sẽ giúp ngân hàng kịp thời có các biện pháp ứng phó, giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động ngân hàng. Đối mặt với những khó khăn tiềm ẩn này, OCB luôn nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế phát sinh nợ xấu mới.

#### 4.8. Vị thế của Ngân hàng so với các tổ chức tín dụng khác trong cùng ngành

##### 4.8.1. Vị thế của Ngân hàng trong ngành

##### Vị thế của OCB



Nguồn: Tổng hợp Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán (2015-2019) của các Ngân hàng

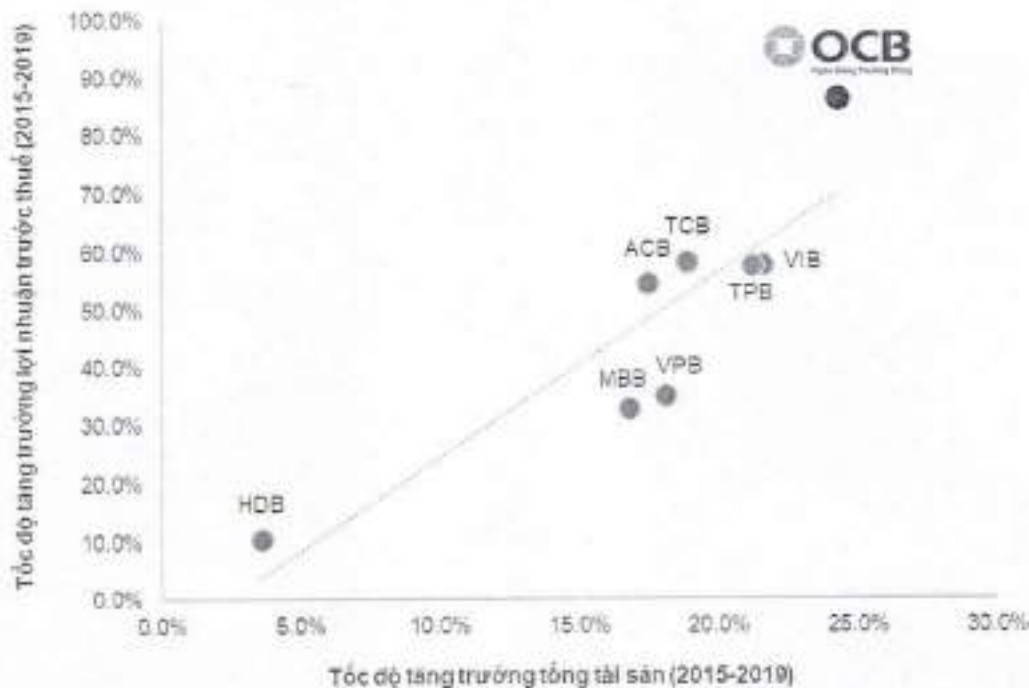
### Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019, tốc độ tăng trưởng kép về tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế của OCB đạt lần lượt 86,5% và 24,3%. OCB đạt được tốc độ tăng trưởng vượt trội so với các Ngân hàng cùng ngành khác.

Tính đến thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản của OCB đạt 132.874 tỷ đồng, tăng 12,45% so với đầu năm và lợi nhuận trước thuế lũy kế 09 tháng đầu năm đạt 2.511 tỷ đồng, tăng 29,28% so với cùng kỳ năm trước.

Tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, OCB đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện là 25% và phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược trong năm 2020. OCB sẽ phấn đấu phát triển thành ngân hàng bán lẻ hiện đại, chuyên nghiệp, nằm trong nhóm các ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

**CAGR Tổng tài sản và Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2015 – 2019**



Nguồn: Tổng hợp Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán (2015-2019) của các Ngân hàng

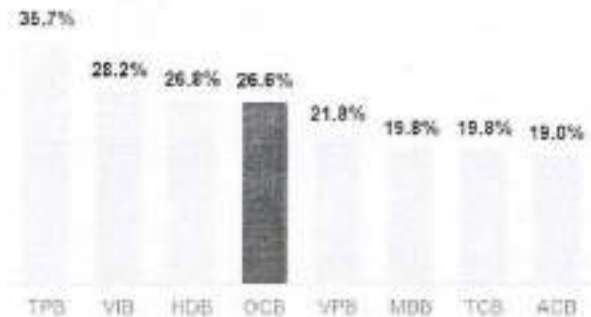
### Tốc độ tăng trưởng về cho vay khách hàng và tiền gửi

Trong giai đoạn 2015 - 2019, OCB đạt tốc độ tăng trưởng kép bình quân 26,6% về dư nợ cho vay và 23,7% đối với số dư tiền gửi, so với mức trung bình ngành lần lượt là 17,06% và 24,69%, thuộc nhóm những ngân hàng đứng hàng đầu về tăng trưởng trong ngành.

CAGR Tiền gửi giai đoạn 2015 – 2019



CAGR Cho vay giai đoạn 2015 – 2019



Nguồn: Tổng hợp Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán (2015-2019) của các Ngân hàng

**Chất lượng tài sản và Tỷ lệ nợ xấu**

OCB đặt mục tiêu tăng trưởng quy mô bền vững đi cùng với chất lượng tài sản ngày một được nâng cao trong giai đoạn 2016 – 2020. Việc luôn thực hiện đồng bộ các giải pháp kiểm soát chặt chẽ nợ xấu mới phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng, và tập trung thu hồi, xử lý các khoản nợ tồn đọng, qua đó đảm bảo tiếp tục giảm sâu tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở mức dưới 2%, tỷ lệ nợ xấu năm 2019 của OCB là 1,8%. Bên cạnh đó, OCB đã không còn nợ VAMC từ năm 2018.

Tỷ lệ nợ xấu năm 2019



Nguồn: Tổng hợp Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2019 của các Ngân hàng

**4.8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Đại dịch Covid-19 là một sự kiện bất khả kháng và không có tiền lệ trong lịch sử kinh tế thế giới nói chung cũng như đối với nền kinh tế thị trường còn tương đối non trẻ của Việt Nam nói riêng. Là mạch máu của nền kinh tế vốn có tỷ trọng tín dụng trên tổng sản phẩm nội địa ở mức cao (xấp xỉ 140%), ngành ngân hàng Việt Nam cũng không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực của đại dịch này. Do tính chất không chắc chắn và rất khó dự đoán về diễn biến của đại dịch, triển vọng ngắn hạn của ngành ngân hàng Việt Nam sẽ gặp nhiều thách thức. Tuy nhiên, ở tầm nhìn trung và dài hạn, tiềm năng tăng trưởng của ngành vẫn còn rất mạnh mẽ.

**❖ Các thách thức trong ngắn hạn**

Bên cạnh những thách thức vốn có của ngành ngân hàng xuất phát từ môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đại dịch Covid-19 đã tạo ra những thách thức lớn cho ngành ngân hàng trong giai đoạn ngắn hạn:

**Tăng trưởng tín dụng chậm lại:** Hệ thống ngân hàng Việt Nam ghi nhận tỷ lệ tăng trưởng tín dụng cao trên hai chữ số trong suốt 5 năm vừa qua. Gần nhất, trong năm 2019, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống là 13,7%. Tuy nhiên, theo báo cáo của NHNN Việt Nam, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trong 06 tháng đầu năm 2020 là 3,7%, thấp hơn rất nhiều so với số cùng kỳ các năm trước.

Những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với toàn bộ nền kinh tế được cho là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng tăng trưởng tín dụng chậm lại. Cụ thể, các chính sách giãn cách xã hội trong nước khi dịch bùng phát đã tác động sâu rộng lên sức cầu của nền kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực như tiêu dùng, bán lẻ, giao thông vận tải, du lịch. Ngoài ra, tình hình dịch bệnh ở các quốc gia khác trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, tạo nên sự gián đoạn và đứt gãy của các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, từ đó ảnh hưởng tới hoạt động xuất – nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

**Khả năng gia tăng nợ xấu:** Trong suốt giai đoạn 2012-2019, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã rất nỗ lực để giải quyết khối lượng nợ xấu từ cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009. Theo báo cáo của NHNN Việt Nam, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tại thời điểm cuối năm 2019 là 1,63%. Rất nhiều ngân hàng tốt đã xử lý xong nợ xấu VAMC.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 xuất hiện, cùng với những tác động tiêu cực lại đặt hệ thống ngân hàng trước áp lực gia tăng nợ xấu mới. Hiện tại, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Công văn số 3339/NHNN-TTGSNH hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do đại dịch Covid-19. Thông tư 01 có hiệu lực kể từ ngày 13/3/2020. Tuy nhiên, thời gian, phạm vi và mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 sẽ đóng vai trò quan trọng đối với khả năng phục hồi nền kinh tế nói chung, và khả năng trả nợ của các khách hàng nói riêng. Trong trường hợp nợ xấu tăng cao, các ngân hàng sẽ phải đối mặt với áp lực thoái lui dự thu và trích lập dự phòng rủi ro, từ đó, lợi nhuận của ngân hàng sẽ bị sụt giảm.

**Áp lực tăng vốn:** Hiện tại, mới hơn một nửa số ngân hàng TMCP trong nước được NHNN (17 ngân hàng) phê duyệt áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II. Trong khi phần còn lại vẫn đang áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel I. Bên cạnh đó, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 của các ngân hàng theo chuẩn mực Basel II cũng còn thấp. Thực trạng này đặt hệ thống ngân hàng Việt Nam trước áp lực tăng vốn chủ sở hữu rất lớn để đảm bảo phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế (Basel II và Basel III), cũng như để duy trì đã tăng trưởng tổng tài sản ở mức hai chữ số trong các năm tới.

**Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt:** Theo đánh giá của các chuyên gia trong khảo sát của Vietnam Report, xu hướng cạnh tranh giữa các ngân hàng đang có sự thay đổi lớn. Sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các ngân hàng TMCP trong nước trong bối cảnh thị trường đang dần dần bão hòa, mà còn đến từ các ngân hàng nước ngoài và các ứng dụng công nghệ tài chính.

Cụ thể, khi Hiệp định thương mại EVFTA được thực thi, các ngân hàng châu Âu có khả năng tiếp cận thị trường nhanh hơn, mạnh hơn thông qua việc có thể mua tới 49% cổ phần của một số ngân hàng trong nước. Thêm vào đó, sự xuất hiện và phát triển của các công ty công nghệ tài chính (fintech) và những gã khổng lồ về công nghệ (big tech) trong cung cấp dịch vụ tài chính đang tạo ra những áp lực về thay đổi cơ sở hạ tầng công nghệ, cách thức tiếp cận và phục vụ khách hàng của các ngân hàng.

#### ❖ Triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn vẫn lạc quan:

Mặc dù trong ngắn hạn, ngành ngân hàng đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt dưới tác động của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, tiềm năng phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn còn rất lớn:

**Môi trường kinh doanh ổn định:** Trong nhiều năm liên tiếp, Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế có tính ổn định cao trong khu vực. Cụ thể, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lạm phát bình quân trong giai đoạn

2016-2019 chỉ là 3,13%. Tốc độ mất giá trung bình của VND so với USD cũng ở mức dưới 2%. Tốc độ mất giá này được xem là thấp nhất trong khu vực Đông Nam Á. Niềm tin vào sự ổn định giá trị của VND đã khiến cho tâm lý tích trữ ngoại tệ giảm mạnh, từ đó, khuyến khích doanh nghiệp và người dân bán ngoại tệ cho NHNN. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng được đánh giá là rất thành công trong việc thu hút nguồn vốn FDI trong những năm qua. Trên cơ sở các yếu tố thuận lợi đó, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã liên tục tăng cao và đạt mức kỷ lục là khoảng 84 tỷ USD vào cuối tháng 6/2020.

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra nhiều khó khăn, thách thức cho hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam đã ứng phó nhanh chóng và hiện đang kiểm soát dịch rất tốt. Điều này góp phần khẳng định rằng Việt Nam không chỉ là môi trường đầu tư tốt trong dài hạn với sự ổn định về kinh tế và chính trị, mà còn với sự an toàn về dịch tễ.

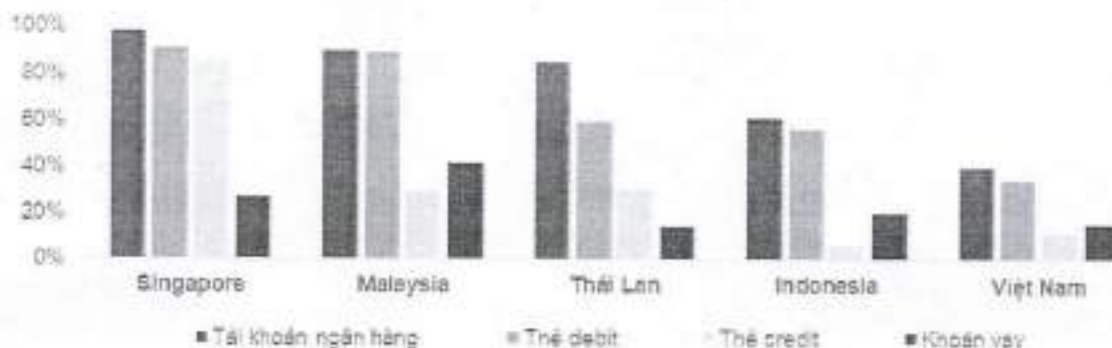
Sự ổn định của hệ thống ngân hàng đóng vai trò quan trọng đối với sự ổn định của nền kinh tế. Vì vậy, Chính phủ và NHNN cũng luôn ưu tiên trong việc đưa ra các kịch bản ứng phó nhanh chóng, kịp thời nhằm đảm bảo sự an toàn và ổn định của toàn hệ thống. Ví dụ, để giúp các Ngân hàng có hành lang pháp lý trong việc xử lý và cơ cấu các khoản nợ chậm trả liên quan tới ảnh hưởng của Covid-19, NHNN đã nhanh chóng ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN và các hướng dẫn chi tiết. Từ đó, hệ thống Ngân hàng có thể tránh được các cú sốc về nợ xấu và lợi nhuận trong giai đoạn tới, có thêm thời gian để xử lý nợ xấu khi nền kinh tế phục hồi.

**Cơ cấu dân số trẻ và tốc độ đô thị hóa gia tăng:** Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, hết năm 2019, tổng dân số Việt Nam là hơn 96,2 triệu người, đứng dân thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 15 trên thế giới. Mặc dù tốc độ già hóa của dân số đang có dấu hiệu tăng nhanh trong thời gian vừa qua, nhưng Việt Nam vẫn đang duy trì được cơ cấu dân số vàng với số người trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm 68% tổng dân số. Số người ngoài độ tuổi lao động (> 65 tuổi) là 7,7%, tuy có tăng lên nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với nhiều nước khác trên thế giới. Ví dụ, tỷ lệ này ở Thái Lan là 10,1%, Úc là 14%, ở Singapore là 19% và Nhật Bản là 27%. Cơ cấu dân số vàng sẽ giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nói chung và từ đó tác động tích cực tới triển vọng của ngành ngân hàng nói riêng.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là nước có tỷ lệ đô thị hóa còn thấp, chỉ đạt 34,4% tổng dân số (Malaysia: 76,2%, Indonesia: 54,0%, Thái Lan: 51,1%, Philippines: 44,8%). Vì vậy, tốc độ đô thị hóa của Việt Nam trong giai đoạn 2018-2025 được dự báo sẽ cao hơn đáng kể so với các nước trong khu vực. Đô thị hóa là xu hướng tất yếu của mọi nền kinh tế. Tỷ trọng dân số ở đô thị gia tăng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng thu nhập bình quân trên đầu người, từ đó gia tăng tiêu dùng bình quân trên đầu người và kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, đặc biệt là ngành tài chính ngân hàng.

**Tỷ lệ thâm nhập của dịch vụ ngân hàng còn thấp:** Tỷ lệ thâm nhập của các dịch vụ ngân hàng đối với dân số Việt Nam hiện vẫn còn ở mức rất khiêm tốn so với các nước trong khu vực. Cụ thể, theo báo cáo của WB, tổ chức tư vấn BCG và GlobalData trong năm 2019, tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có tài khoản ngân hàng ở Việt Nam là khoảng 40%, có thể debit là 35%, có các khoản vay ngân hàng là hơn 10% và có thể tín dụng là dưới 10%. Điều này cho thấy, dư địa để tăng trưởng của các ngân hàng Việt Nam trong tương lai vẫn còn rất lớn.

Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi sử dụng dịch vụ ngân hàng



**Sự phát triển của các dịch vụ ngân hàng phi rủi ro tín dụng:** Trong những năm gần đây, tỷ trọng thu nhập từ các mảng dịch vụ phi rủi ro tín dụng trong cơ cấu thu nhập hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam ngày càng gia tăng. Các mảng dịch vụ ngân hàng có đóng góp trọng yếu bao gồm dịch vụ thanh toán, phí khai thác mạng lưới và hoa hồng từ dịch vụ đại lý bảo hiểm, phí tư vấn phát hành trái phiếu, kinh doanh ngoại tệ.

Theo thống kê của FiinGroup, thu phí dịch vụ của các ngân hàng trong năm 2019 tăng 30,7% so với năm 2018. Điều này cũng phù hợp với Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025. Định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới hết năm 2020, tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại lên khoảng 12 - 13%.

Sự phát triển nhanh chóng của các ứng dụng công nghệ trong giai đoạn vừa qua cũng góp phần không nhỏ vào sự cải thiện chất lượng dịch vụ ngân hàng, mang tới cho khách hàng các trải nghiệm ưu việt hơn, từng bước làm thay đổi hoạt động kinh doanh ngân hàng truyền thống. Các ngân hàng từ chỗ chú trọng vào tăng trưởng tín dụng và thu nhập lãi đã và đang dần chuyển hướng sang tăng trưởng các nguồn thu ngoài lãi và phi rủi ro.

**Hệ thống ngân hàng đang ngày càng bắt kịp các tiêu chuẩn quốc tế:** Cùng với độ mở của nền kinh tế Việt Nam trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, ngành ngân hàng Việt Nam cũng ngày một tiệm cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quản trị của các ngân hàng thế giới. Các ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu đã bắt đầu áp dụng tỷ lệ CAR theo chuẩn mực Basel 2 và được xếp hạng tín dụng bởi các tổ chức xếp hạng quốc tế như Moody's, Standard & Poors và Fitch.

Bên cạnh đó, hầu hết tất cả các ngân hàng Việt Nam là công ty đại chúng, trong đó, rất nhiều ngân hàng đã và đang có kế hoạch niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Quy mô vốn hóa của nhiều ngân hàng đã đạt và vượt mức tỷ USD. Nhiều ngân hàng có đối tác chiến lược, các cổ đông lớn là các định chế tài chính, các quỹ đầu tư nước ngoài. Từ đó, công tác công bố thông tin được thực hiện ngày càng bài bản và minh bạch, tạo dựng thêm niềm tin cho các nhà đầu tư, đối tác và khách hàng.

Trong thời gian qua, chất lượng nhân sự của hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng ngày càng được cải thiện. Tỷ lệ nhân sự có chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các ngân hàng toàn cầu và khu vực gia nhập Ban giám đốc và Ban Điều hành của các ngân hàng Việt Nam ngày một gia tăng. Từ đó, triển vọng tương lai của ngành ngân hàng Việt Nam không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, mà có thể vươn ra khu vực Đông Nam Á và các thị trường quốc tế nơi các doanh nghiệp Việt Nam có các hoạt động hợp tác kinh doanh trọng điểm.

#### 4.8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của OCB và một số ngân hàng đang niêm yết trên thị trường chứng khoán năm 2019 như sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TCB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt (LPB)

Đơn vị: tỷ VND

Tiêu chí	Năm	VIB	TPB	OCB	ACB	VPB	MBB	HDB	TCB	LPB	EIB
ROAE	2019	27,11%	26,11%	25,44%	24,64%	21,47%	21,15%	20,77%	18,29%	14,05%	5,65%
ROAA	2019	2,02%	2,06%	2,37%	1,69%	2,36%	2,02%	1,62%	2,95%	0,85%	0,54%
CAR	2019	9,70%	10,70%	11,19%	10,91%	11,10%	10,12%	11,20%	15,50%	8,35%	13,81%
	6T/2020	9,69%	11,24%	14,54%	10,70%	11,30%	(*)	11,50%	16,90%	8,59%	11,78%
Vốn điều lệ	2019	9.245	8.566	7.899	16.627	25.300	23.727	9.810	35.001	8.881	12.355
	6T/2020	9.245	8.566	8.767	16.627	25.300	24.370	9.810	35.001	9.769	12.355
Vốn chủ sở hữu	2019	13.430	13.075	11.507	27.765	42.210	39.886	20.381	62.073	12.580	15.749
	6T/2020	15.216	14.471	15.423	30.832	47.475	45.799	22.694	67.429	13.176	16.161
Tổng tài sản	2019	184.531	164.439	116.160	383.514	377.204	411.488	229.477	383.699	202.058	167.538
	6T/2020	202.370	181.340	124.398	395.760	399.473	421.636	242.445	395.851	213.729	147.315
Cho vay khách hàng	2019	127.914	94.435	70.388	268.165	253.100	247.130	144.700	227.885	138.802	112.182
	6T/2020	139.483	104.808	78.289	291.037	276.375	268.612	160.372	240.937	153.224	103.529
Tiền gửi khách hàng	2019	122.357	92.439	69.142	308.129	213.950	272.710	126.019	231.297	136.847	139.278
	6T/2020	147.237	127.485	85.316	331.758	237.844	297.905	168.934	266.584	165.782	126.910
Tổng thu nhập hoạt động	2019	8.152	8.489	6.613	16.097	36.356	24.660	11.388	21.068	6.507	4.486
	6T/2020	4.815	4.879	3.581	8.480	18.854	12.912	6.346	11.784	3.212	2.129
Lợi nhuận sau thuế	2019	3.266	3.094	2.582	6.010	8.260	7.623	3.605	10.377	1.600	966
	6T/2020	1.865	1.627	1.491	3.059	5.265	3.975	2.099	5.273	806	441

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của các Ngân hàng  
 (\*): Tại thời điểm 30/06/2020, vốn điều lệ của OCB đạt 8.767,25 tỷ đồng



#### 4.9. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của OCB với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam khá tốt, ổn định và có thể tiếp tục được duy trì ở những năm sắp tới, dù có dấu hiệu chậm lại. Một nền kinh tế phát triển lành mạnh là điều kiện quan trọng thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề kinh doanh đặc biệt là ngành tài chính ngân hàng và ngành tài chính tiêu dùng. Nắm bắt được rõ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cùng với định hướng chiến lược trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các ngân hàng thương mại Nhà nước, OCB đã và đang tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển với các chỉ số tăng trưởng cao về tổng tài sản, huy động vốn, dư nợ tín dụng v.v.

Nhu cầu tài chính tiêu dùng của người dân cũng tăng lên tương ứng với mức tăng thu nhập bình quân, mở ra một thị trường nhiều tiềm năng cho các tổ chức tín dụng và các công ty tài chính. OCB đã nhanh chóng cải thiện hình ảnh thương hiệu, đưa ra nhiều sản phẩm tài chính tiêu dùng cho cá nhân phù hợp, thành lập các khối kinh doanh chuyên biệt cũng việc triển khai nhiều giải pháp công nghệ thông tin hỗ trợ nhằm khai thác tối đa tiềm năng của mạng ngân hàng bán lẻ này. Ngoài yếu tố lợi nhuận cao hơn, việc phát triển số lượng khách hàng cá nhân giúp ngân hàng có thêm nguồn huy động, cơ hội cung cấp sản phẩm – dịch vụ gia tăng cũng như phân tán rủi ro tín dụng.

Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, OCB cũng rất chú trọng vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Ngân hàng đang hướng dẫn công tác quản trị và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế. Các yếu tố đó thể hiện các định hướng và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành ngân hàng, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

OCB hiện cũng đang mở rộng mạng lưới nhằm huy động tối đa các nguồn lực trong nước. Đồng thời, ngân hàng không ngừng đổi mới công nghệ, áp dụng các công nghệ tiên tiến và đưa các dịch vụ mới vào hoạt động nhằm đem lại những tiện ích tốt nhất cho khách hàng. Bên cạnh đó, OCB còn tập trung mở rộng, tăng cường hoạt động đối ngoại và hợp tác với các Ngân hàng trong khu vực cũng như trên thế giới theo hướng đa phương hoá và đa dạng hoá, nâng cao sức cạnh tranh, tiến đến hội nhập quốc tế. OCB và đối tác Nhật Bản – Ngân hàng Aozora đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược, Aozora cam kết đầu tư lâu dài tại OCB qua việc cử các chuyên gia tham gia vào hoạt động quản trị và điều hành, hỗ trợ phát triển kinh doanh, hỗ trợ các hoạt động bán lẻ, quản lý rủi ro, nâng cao công nghệ, ngân hàng số. Đồng thời, hai ngân hàng liên kết cung cấp dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp Nhật Bản hoạt động tại thị trường Việt Nam.

Tuy tình hình thị trường vẫn còn rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng với nền tảng về nhân sự, công nghệ, vốn, mạng lưới, OCB có nhiều cơ hội vươn lên vị trí cao hơn trong ngành tài chính ngân hàng của Việt Nam trong thời gian tới.

#### 4.10. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước

OCB thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu nước ngoài và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Tính đến nay, OCB đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định.

#### 4.11. Chính sách đối với người lao động

##### 4.11.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Tại thời điểm 30/6/2020, OCB có tổng số 5.053 cán bộ nhân viên, trong đó có trình độ đại học trở lên chiếm 79%, trình độ cao đẳng chiếm 12%, và 9% có bằng trung cấp hoặc các bằng khác.

#### 4.11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- ❖ **Về chính sách lương thưởng & phúc lợi:** OCB luôn không ngừng xây dựng và cải tiến các cơ chế, chính sách tốt nhất dành cho CBNV như: cơ chế điều chỉnh thu nhập định kỳ hàng năm, các gói vay ưu đãi, bảo hiểm sức khỏe hay cơ chế thưởng cổ phiếu ESOP cùng rất nhiều các cơ chế, chương trình khác theo từng thời điểm khác nhau. Bên cạnh đó, OCB áp dụng cơ chế chi trả lương thưởng theo mức độ hiệu quả của từng vị trí công việc nhằm động viên và ghi nhận kịp thời sự đóng góp của CBNV đến hoạt động ngân hàng.

Bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của OCB 09 tháng năm 2020 là 20.254.052 đồng/người/tháng.

- ❖ **Về tuyển dụng và đào tạo:** OCB luôn chào đón những nhân sự có tâm, có tài gia nhập vào đội ngũ CBNV của ngân hàng. Năm 2019, Bộ phận Tuyển dụng của OCB đã tuyển dụng thành công 1.570 CBNV mới cho toàn hệ thống, hoàn thành 99% nhu cầu nhân sự của ngân hàng, qua đó bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động phát triển của Ngân hàng.

Nhằm thu hút những tài năng trẻ trên toàn quốc, OCB đã tổ chức chương trình tuyển dụng OCB Talented Bankers với quy mô cùng lương ứng viên dự tuyển đồng nhất từ trước đến nay. Việc tổ chức thành công ba mùa liên tiếp cùng những vòng thi được thiết kế chuyên biệt, đầy tính thử thách, các Quản trị viên tập sự sẽ có cơ hội được đào tạo và rèn luyện để trở thành những nhân sự nòng cốt, cán bộ quản lý tiềm năng của OCB trong tương lai.

Cùng 527 khóa học đã được tổ chức, hoạt động đào tạo của OCB trong năm 2019 đã hoàn thành vượt 100% kế hoạch. OCB đã thiết kế các chương trình đào tạo đa dạng về hình thức, phù hợp về nội dung đối với từng cấp bậc, cụ thể:

- Đào tạo hội nhập dành cho nhân sự tân tuyển, chương trình được thiết kế đặc biệt với sự kết hợp chặt chẽ giữa các Phòng/Ban tại Hội sở và Đơn vị nhằm giúp cho CBNV tân tuyển nhanh chóng nắm bắt cơ cấu tổ chức, văn hóa và hòa nhập công việc.
- Liên tục triển khai các chương trình đào tạo bám sát theo nhu cầu phát triển tại các đơn vị kinh doanh, gia tăng sự gắn kết nhân sự thông qua chuỗi 6 khóa OCB Transformer.
- Đối với đội ngũ kế thừa từ cán bộ quản lý cấp cơ sở và cấp trung, OCB đã tổ chức chuỗi chương trình nâng cao kỹ năng lãnh đạo OFLM 1-2; OMAX 1-2 với hơn 1.514 lượt tham gia, bên cạnh đó là các chương trình Giám đốc tiềm năng, Kiểm soát viên tiềm năng, Giám đốc quan hệ khách hàng/tín dụng tiềm năng được thiết kế và tổ chức chuyên nghiệp nhằm tạo nguồn nhân sự kế thừa đáp ứng các yêu cầu năng lực của vị trí cán bộ quản lý khi được bổ nhiệm.
- OCB đã xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến e-learning cũng như đội ngũ Giảng viên kiêm chức của Ngân hàng không ngừng được cập nhật bổ sung nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo, chuyển giao tri thức cho CBNV được duy trì liên tục và thường xuyên.

## 4.12. Chính sách cổ tức

## Tỷ lệ chia cổ tức qua từng năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Dự kiến)
Vốn điều lệ (triệu VND)	4.000.000	5.000.000	6.599.211	7.898.571	11.275.169
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ					
- Tiền mặt	5%	-	-	-	-
- Cổ phiếu	5%	14,2%	20%	25%	Dự kiến 25%
Ghi chú:	Đã thực hiện chi trả cổ tức	Đã thực hiện chi trả cổ tức	Đã thực hiện chi trả cổ tức	Đã thực hiện chi trả cổ tức	

## 4.13. Tình hình hoạt động tài chính

## Chi tiết chỉ tiêu tài chính trong năm 2018 – 09 tháng năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Riêng lẻ			Hợp nhất		
		31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
<b>1. Quy mô vốn</b>							
- Vốn điều lệ	Tỷ VND	6.599	7.899	8.767	6.599	7.899	8.767
- Tổng tài sản có	Tỷ VND	100.047	118.235	132.973	99.964	118.160	132.874
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	12,01	11,17	13,09	12,04	11,19	13,11
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
- Số dư huy động tiền gửi khách hàng	Tỷ VND	60.448	69.220	77.393	60.363	69.142	77.287
- Doanh số cho vay khách hàng	Tỷ VND	56.316	71.091	79.178	56.316	71.091	79.178
- Doanh số thu nợ khách hàng	Tỷ VND	1.465	2.041	1.262	1.465	2.041	1.262
- Nợ quá hạn	Tỷ VND	2.153	2.552	5.156	2.153	2.552	5.156
- Nợ xấu	Tỷ VND	1.288	1.309	1.700	1.288	1.309	1.700
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	%	0	0	0	0	0	0
- Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	%	3,82	3,59	6,51	3,82	3,59	6,51
- Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ	%	2,29	1,84	2,15	2,29	1,84	2,15

Chỉ tiêu	Đơn vị	Riêng lẻ			Hợp nhất		
		31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>							
- Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	16,39	14,58	24,21	16,39	14,58	24,21
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	37,55	36,40	29,39	37,55	36,40	29,42

Nguồn số liệu:

- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu: Số liệu báo cáo NHNN theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung
- Tổng tài sản có: Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất Quý III năm 2020.

#### Về quy mô

Tại thời điểm 30/09/2020, vốn điều lệ của OCB đạt 8.767 tỷ đồng, tăng 868,68 tỷ đồng so với đầu năm thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ vào tháng 06 năm 2020 vừa qua.

Bên cạnh đó, OCB cũng vừa hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ phát hành 25% cho cổ đông hiện hữu và đang thực hiện các thủ tục báo cáo kết quả tăng vốn tại Ngân hàng Nhà nước và thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vốn điều lệ thực tế sau đợt phát hành này đạt 10.959.083.430.000 tỷ đồng.

Tổng tài sản của OCB tính đến hết Quý III/2020 đạt 132.875 tỷ đồng, tăng trưởng 12,45%, chủ yếu là tăng quy mô hoạt động của Ngân hàng. Tổng tài sản có đạt 118.160 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn vốn được duy trì ở mức 13,11%, cao hơn rất nhiều so với mức 8% so với quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

#### Về chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản của OCB ngày càng được cải thiện tốt hơn cùng với việc tiến hành áp dụng hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel II. Tỷ lệ nợ xấu năm 2019 là 1,84%, giảm 0,45% so với năm 2018 và đến 30/09/2020, tỷ lệ nợ xấu là 2,15% do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19. Để đạt được kết quả trên, OCB đã thực hiện rất tốt công tác quản trị rủi ro và thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu trong hệ thống.

#### Về khả năng thanh khoản

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản của OCB luôn được duy trì ở mức cao so với các ngân hàng cùng ngành và cao hơn quy định tối thiểu 10% của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, tỷ lệ dự trữ thanh khoản của OCB lần lượt là: 16,39% (2018), 14,58% (2019) và 24,21% (09 tháng năm 2020).

Bên cạnh đó, OCB cũng đang tiến hành từng bước thực hiện giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn xuống mức quy định từ đầu năm 2019 và đang nỗ lực giảm thêm trong thời gian tới. Kết quả là, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm từ 37,55% năm 2018 xuống còn 36,40% năm 2019 và 29,42% đến hết Quý III/2020. OCB đã kiểm soát tốt tỷ lệ này so với quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn dùng để cho vay trung và dài hạn ở mức 40% đến 30/09/2020 và giảm còn 37% từ 01/10/2020 đến 30/09/2021, sau đó, từ 1/10/2021 đến 30/09/2022, tỷ lệ này hạ xuống mức 34% và từ 01/10/2022 giảm xuống 30%.

#### 4.14. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

##### 4.14.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

###### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị OCB<sup>(\*)</sup>

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Ito Takeshi	Thành viên HĐQT
3	Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT
4	Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT
5	Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT
6	Ông Phạm Tri Nguyen	Thành viên độc lập HĐQT
7	Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT
8	Ông Bùi Minh Đức	Thành viên độc lập HĐQT

<sup>(\*)</sup>: OCB cam kết sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông gần nhất để kiện toàn bộ máy lãnh đạo để đáp ứng yêu cầu về số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết căn cứ theo Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

#### 1. Ông TRỊNH VĂN TUẤN - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ tên: **TRỊNH VĂN TUẤN**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **28/11/1965**

Nơi sinh: **Ninh Bình**

Số CCCD: **017065000047, cấp ngày 18/06/2018 tại Cục cảnh sát**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ thuật điện tử Đại học Bách khoa Hà Nội**

Quá trình công tác:

1994 – 1996: **Kinh doanh tại Cộng hòa Ba Lan.**

1996 – 2010: **Thành viên sáng lập, thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).**

2003 – 5/2008: **Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam**

**Chủ tịch Ủy ban Tín dụng kiêm Chủ tịch Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ, Tài sản có (ALCO) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam**



- 2006 – 2010: Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Cty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)
- 08/2010 – 5/2011: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông
- 08/2011 – 04/2012: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- 05/2012 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 48.595.905 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 4,43% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Cao Thị Quế Anh	025490567, cấp ngày 08/10/2011, CA.HCM	35.209.184	3,21%	Vợ
2	Trịnh Thị Mai Anh	118192000001, ngày cấp 18/03/2019, Cục Cảnh sát	32.226.168	2,94%	Con gái
3	Trịnh Mai Linh	025265378, ngày cấp 25/08/2010, CA.HCM	46.806.121	4,27%	Con gái
4	Trịnh Mai Phương - Paula	025777856, ngày cấp 24/05/2013, CA.HCM	41.050.635	3,75%	Con gái
5	Trịnh Văn Dũng	113547775, ngày cấp 20/12/2009, Hòa Bình	324.705	0,03%	Em trai

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thù lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

## 2. Ông ITO TAKESHI – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên: ITO TAKESHI

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1963

Nơi sinh: Tokyo, Nhật Bản

Số Hộ chiếu: TK3525105, cấp ngày 11/01/2011 tại Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại

## Quá trình công tác:

- |                   |  |
|-------------------|--|
| 4/1986 – 8/1988:  | Nhân viên Bộ phận Quản lý hoạt động tại The Nippon Credit Bank, Ltd, Nhật Bản  |
| 8/1988 – 6/1992:  | Nhân viên Bộ phận Kế toán tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 6/1992 – 6/1996:  | Nhân viên Chi nhánh Ikebukuro The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 6/1996 – 4/1999:  | Nhân viên Bộ phận Kinh doanh doanh nghiệp 3 tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 4/1999 – 7/1999:  | Nhân viên Bộ phận Phát triển kinh doanh 3 tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 7/1999 – 9/2002:  | Nhân viên Bộ phận Phát triển kinh doanh 3 tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản (được đổi tên thành Aozora Bank, Ltd từ ngày 04/01/2001).   |
| 9/2002 – 10/2008: | Giám đốc Đại diện tại IDEA Capital Inc. (Quỹ vốn tư nhân do Aozora Bank, Ltd., Deloitte Tohmatsu consulting Ltd, và Itochu Corporation sáng lập) |
| 11/2008 – 6/2012: | Đồng Tổng Quản lý, Bộ phận vốn tư nhân tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 7/2012 – 6/2016:  | Tổng Quản lý, Bộ phận Tư vấn hợp nhất và sáp nhập tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản  |
| 7/2016 – 6/2018:  | Nhân viên Điều hành, Bộ phận Tư vấn hợp nhất và sáp nhập và Bộ phận xúc tiến kinh doanh Châu Á tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản                   |
|                   | Tổng Quản lý Tổng Quản lý, Bộ phận Tư vấn hợp nhất và sáp nhập tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản   |
| 7/2018 đến nay:   | Nhân viên Điều hành quản lý, Trưởng nhóm Tư vấn và đầu tư tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản  |
| 6/2020 đến nay:   | Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông  |

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Nhân viên Điều hành quản lý, Trưởng nhóm tư vấn và đầu tư tại Tokyo của Aozora Bank, Ltd.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện cho AOZORA BANK, LTD: 164.385.952 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 15,0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Aozora Bank, Ltd	CB3243, ngày cấp 12/01/2017, nơi cấp TTLKCK Việt Nam	164.385.952	15%	Ngân hàng do người khai làm đại diện vốn

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

### 3. Ông NGÔ HÀ BẮC – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên: **NGÔ HÀ BẮC**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1955

Nơi sinh: Hà Nội

Số CMND: 012936643, cấp ngày 09/04/2007 tại CA. TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật lý trường Đại học Bách Khoa

Quá trình công tác:

1991 – 1993: Cộng tác viên khoa học viện kỹ thuật điện tử tại Cộng hòa Ba Lan

1/1994 – 8/1994: Chủ tịch Cty Liên doanh XNK Nga – Ba Lan – Việt Nam (Rospl).

9/1994 – 8/1998: Chủ tịch HĐTV Công ty liên doanh Ukraine – Ba Lan – Việt Nam (POVICO)

09/1998 – nay: Chủ tịch Công ty LBT tại Warsaw, Ba Lan

9/2008 – 3/2010: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank)

4/2010 – 11/2011: Trưởng ban Quản lý giám sát hoạt động kinh doanh của HĐQT Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

11/2011 – 4/2015: Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông

2015 đến nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Công ty LBT Tại Warsaw, Ba Lan



Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 6.867.870 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,53% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Nguyễn Việt Triều	011932039, ngày cấp 26/2/1996, nơi cấp Hà Nội	5.155.798	0,47%	Vợ

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 4. Ông YOSHIZAWA TOSHIKI – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên: YOSHIZAWA TOSHIKI  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 26/01/1967  
 Nơi sinh: Saitama, Nhật Bản  
 Số Hộ chiếu: TZ1129431, cấp ngày 06/04/2016 tại Nhật Bản  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

04/1989 – 4/1993: Nhân viên Chi nhánh Sendai tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản  
 4/1993 – 4/1995: Nhân viên Bộ phận Phát triển kinh doanh tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản  
 4/1995 – 2/1998: Trợ lý Quản lý Chi nhánh Los Angeles tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản  
 2/1998 – 10/2002: Trợ lý Phó Chủ tịch Văn Phòng đại diện tại The Nippon Credit Bank, Ltd., Nhật Bản (được đổi tên thành Aozora Bank, Ltd từ ngày 04/01/2001)  
 10/2002 – 4/2004: Phó Chủ tịch Bộ phận Ngân hàng đầu tư tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản



- 4/2004 – 3/2005: Quản lý Bộ phận Tài chính toàn cầu tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản
- 3/2005 – 2/2008: Trưởng Đại diện Văn phòng Đại diện Aozora Bank, Ltd. tại New York, Hoa Kỳ
- 2/2008 – 8/2011: Giám đốc Điều hành Aozora Bank, Ltd. tại Hồng Kông, Trung Quốc.
- 8/2011 – 5/2014: Đồng Tổng Quản lý tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản
- Phó Chủ tịch Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, nhiệm kỳ 2013 – 2016
- 5/2014 – 7/2017: Phó Chủ tịch Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, nhiệm kỳ 2013 – 2016 và 2016 – 2017
- Phó Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam.
- 7/2017 đến nay: Đồng Tổng Quản lý tại Aozora Bank, Ltd., Nhật Bản
- 7/2017 đến 10/2020: Phó Chủ tịch Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, nhiệm kỳ 2017 – 2020
- 06/2020 đến nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Đồng Tổng Quản lý Aozora Bank Ltd., Nhật Bản

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Aozora Bank, Ltd	CB3243, ngày cấp 12/01/2017, nơi cấp TTLKCK Việt Nam	164.385.952	15%	Người khai làm Đồng Tổng Quản lý của Aozora Bank Ltd

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thế tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 5. Bà TRỊNH THỊ MAI ANH – Thành viên Hội đồng Quản trị



Họ tên: **TRỊNH THỊ MAI ANH**  
 Giới tính: **NỮ**  
 Ngày tháng năm sinh: **05/04/1992**  
 Nơi sinh: **Ba Lan**  
 Số CCCD: **118192000001, cấp ngày 18/03/2019 tại Cục Cảnh sát**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kế toán và Tài chính**

**Quá trình công tác:**

1/2014 – 7/2016: Chuyên viên Phân tích Ngân hàng HSBC London  
 8/2016 – 8/2017: Giám đốc Tư vấn tài chính Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)  
 9/2017 – 3/2018: Chuyên viên Phân tích Tập đoàn VinaCapital  
 3/2018 – 30/06/2020: Chuyên viên đầu tư cao cấp Tập đoàn Temasek Singapore  
 6/2020 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông  
 11/2006 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Đầu Tư TQA

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu Tư TQA

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 32.226.168 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 2,94% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Trịnh Văn Tuấn	017065000047, ngày cấp 18/06/2018, cấp tại Cục cảnh sát	48.595.905	4,43%	Bố ruột
2	Cao Thị Quế Anh	025490567, ngày cấp 08/10/2011, cấp tại CA.HCM	35.209.184	3,21%	Mẹ ruột
3	Trịnh Mai Linh	025265378, ngày cấp 25/08/2010, cấp tại CA.HCM	46.806.121	4,27%	Em gái
4	Trịnh Mai Phương – Paula	025777856, ngày cấp 24/05/2013, cấp tại CA.HCM	41.050.635	3,75%	Em gái
5	Công ty TNHH Đầu Tư	0313834130, ngày cấp	12.410.920	1,13%	Công ty do

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện số hữu,	Tỷ lệ số hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
	TQA	30/05/2016, cấp tại Sở KHĐT HCM			người khai là HĐQT

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 6. Ông PHAM TRI NGUYEN – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Họ tên: **PHAM TRI NGUYEN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1959

Nơi sinh: Đồng Tháp

Số Hộ chiếu: 545960565, cấp ngày 11/03/2016 tại Bộ ngoại giao Mỹ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Quản lý định lượng; Thạc sĩ Tài chính và Đầu tư

Quá trình công tác:

- 6/1981 – 5/1985: Chuyên viên nghiên cứu tài chính tại The World Bank (IBRD)
- 6/1985 – 7/1988: Chuyên viên phân tích tài chính tại International Finance Corporation
- 8/1988 – 10/1998: Cán bộ Tài chính cao cấp tại The World Bank
- 11/1998 – 7/2002: Cán bộ Tài chính kế hoạch cao cấp tại International Finance Corporation
- 8/2002 – 10/2006: Kiểm toán viên tại The World Bank
- 10/2006 – 8/2007: Tư vấn tại The World Bank
- 10/2007 – 2/2014: Tổng Giám đốc tại Deutsche Bank (DB) AG, Việt Nam
- 3/2014 – 2/2017: Phó Chủ tịch Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco Group
- 3/2018 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH Vnexus Capital Advisors
- 6/2020 đến nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vnexus Capital Advisors (tư vấn quản lý)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 7. Ông PHAN TRUNG – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên: **PHAN TRUNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/05/1964

Nơi sinh: Đà Nẵng

Số CMND: 023149764, cấp ngày: 14/01/2007, cấp tại: CA. TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1/1987 – 6/1992:	Nhân viên kinh doanh Công ty Hóa Chất Vật liệu
7/1992 – 12/1995:	Sáng lập viên, Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh hóa chất Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trung Hưng
1996 – 1998:	Sáng lập viên, Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Hữu Tín
11/1988 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Huy
2006 đến nay:	Sáng lập viên, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Romana Resort & Spa – Phan Thiết
6/2020 đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGB Công ty TNHH TMDV An Huy (kinh doanh nguyên phụ liệu thức ăn chăn nuôi, thực phẩm).

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Romana (dịch vụ du lịch và khách sạn)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 28.012.943 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 2,56% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Phan Đặng Song Anh	079197005003 ngày cấp: 18/01/2018, Cục cảnh sát	3.251.671	0,30%	Con
2.	Trần Thị Thu Nguyệt	068180000105 ngày cấp: 02/01/2018, Cục cảnh sát	3.125.000	0,29%	Em dâu (vợ của Phan Trúc)

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 8. Ông BÙI MINH ĐỨC – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Họ tên: BÙI MINH ĐỨC  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 10/06/1956  
 Nơi sinh: Ninh Bình  
 Số CCCD: 079056006615, cấp ngày 03/03/2020 tại Cục Cảnh sát  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

3/1975 – 10/1980: Trợ lý tái vụ Quân khu 3  
 10/1984 – 9/1995: Kế toán trưởng Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản  
 10/1995 – 7/2000: Trưởng Phòng Marketing Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội  
 7/2000 – 12/2009: Giám đốc Công ty Thương mại Thuốc lá  
 7/2010 – 7/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam  
 6/2020 đến nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHCĐ

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 4.14.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

##### Danh sách thành viên Ban kiểm soát OCB

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thủy Minh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
3	Bà Đặng Thị Quý	Thành viên chuyên trách

##### 1. Bà NGUYỄN THỊ THỦY MINH – Trưởng Ban kiểm soát

Họ tên: **NGUYỄN THỊ THỦY MINH**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh: **19/11/1979**

Nơi sinh: **Tân Phú Đông – Đồng Tháp**

Số CCCD: **087179000125 cấp ngày 29/9/2016 tại Cục Cảnh sát**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán**

Quá trình công tác:

10/2002 – 04/2003: **Nhân viên tín dụng OCB**

04/2003 – 10/2003: **Nhân viên kế toán OCB**

10/2003 – 10/2004: **Phó phòng kế toán OCB – CN Tây Đô**

10/2004 – 9/2005:	Trưởng phòng kế toán OCB – CN Bạc Liêu
09/2005 – 7/2006:	Trưởng phòng kế toán OCB – CN Khánh Hoà
07/2006 – 1/2008:	Kiểm soát viên – Phòng kế toán Hội sở OCB
01/2008 – 7/2012:	Phó Phòng kế toán Hội sở OCB
07/2012 – 9/2014:	Trưởng Phòng kế toán Hội sở OCB
09/2014 – 07/2019:	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Phương Đông
6/2020 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 97.511 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Thuý Oanh	025218848	2.040	0,0002%	Em ruột

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thù lao Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

## 2. Ông PHẠM QUANG VINH – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên: **PHẠM QUANG VINH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/03/1967

Nơi sinh: Thành phố Hà Nội

Số CMND: 012083383 cấp ngày 06/08/2012, tại CA, TP. Hà Nội



Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 8/1996 – 12/2001: Cán bộ phụ trách Ngân hàng, Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật
- 1/2002 – 4/2008: Trưởng Ban kiểm soát, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- 5/2008 – 4/2013: Thành viên Ban kiểm soát, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- 5/2010 – 11/2014: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- 11/2014 đến nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thù lao Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

### 3. Bà ĐẶNG THỊ QUỲ – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên: ĐẶNG THỊ QUỲ

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 02/11/1956

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Số CMND: 021717613, ngày cấp: 04/09/2010, nơi cấp: CA. TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1980 – 12/1999: Cán bộ tín dụng, Ngân hàng Công thương Việt Nam CN 1
- 1/2000 – 9/2001: Phó phòng tín dụng, Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 1

10/2001 – 10/2004:	Trưởng phòng nguồn vốn tiếp thị - Trưởng phòng doanh nghiệp, Ngân hàng Công thương Việt Nam CN 1
11/2004 – 9/2006:	Trưởng Ban kiểm soát KV Phía Nam, Ngân hàng Techcombank Việt Nam
10/2006 – 7/2008:	Trưởng ban Tư Vấn Tín Dụng hội sở, Ngân hàng Phát Triển Nhà TPHCM
7/2008 – 11/2010:	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, Ngân hàng Phát Triển Nhà TPHCM.
11/2010 – 6/2011:	Phó giám đốc Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng Phát Triển Nhà – CN Tân Bình
6/2011 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thủ lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Thủ lao Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHCĐ.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 4.14.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

##### Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc OCB

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Tùng	Tổng Giám đốc
2	Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Đào Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Trương Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lý Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Nguyễn Thị Thủy	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

**1. Ông NGUYỄN ĐÌNH TÙNG – Tổng Giám đốc**

Họ tên: **NGUYỄN ĐÌNH TÙNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/11/1971

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 025797843, cấp ngày 19/09/2013, tại CA. TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

11/1992 – 04/2002:	Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
04/2002 – 01/2006:	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Vùng Miền Nam – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
01/2006 – 06/2008:	Phó Tổng Giám đốc, Phụ trách Khối Khách hàng doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
11/2008 – 04/2009:	Giám đốc Quốc gia – Ngân hàng ING Private Banking, Singapore
05/2009 – 04/2012:	Phó Tổng Giám đốc, Phụ trách Kinh doanh – Ngân hàng TMCP Hàng Hải
04/2012 – 05/2012:	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông
05/2012 – 08/2012:	Quyển Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông
08/2012 đến nay:	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 442.402 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương, thưởng theo Chính sách nhân sự của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

**2. Bà HUỖNH LÊ MAI – Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: HUỖNH LÊ MAI  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 19/10/1968  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 361497832 cấp ngày 29/11/2010 tại CA, Thành phố Cần Thơ  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

07/2005 – 12/2009: Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam  
 12/2009 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Ngân hàng TMCP Phát triển Mekong  
 06/2010 – 10/2013: Giám đốc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam  
 11/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 90.000 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

**3. Ông TRƯƠNG ĐÌNH LONG – Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: TRƯƠNG ĐÌNH LONG  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 01/08/1973  
 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

200  
 HANG  
 CỘ PH  
 ĐUNG  
 J CHU

Số CMND: 024047240, cấp ngày 28/01/2010, tại CA, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Nông lâm; Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 1997 – 2000: Phó phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng Phương Đông
- 2001 – 2005: Giám đốc Chi nhánh Phú Lâm – Ngân hàng Phương Đông
- 2005 – 2007: Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa kiêm Giám đốc Phòng Giao dịch Đắk Lak – Ngân hàng Phương Đông
- 03/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối MSME Ngân hàng TMCP Phương Đông
- 04/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối MSME

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 220.077 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Trương Thị Phương Như	025325590, 11/05/2015, CA TP. HCM	5.072	0,0005%	Em gái

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thu lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB

#### 4. Bà ĐÀO MINH ANH – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: ĐÀO MINH ANH

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/05/1972

Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 011919845 cấp ngày 09/04/2007 tại CA. Thành phố Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

## Quá trình công tác:

01/1998 – 04/2005: Phó Phòng Nguồn vốn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam  
 04/2005 – 04/2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng – Ngân hàng TMCP Quốc tế  
 04/2009 – 10/2010: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng – Ngân hàng TMCP Hàng Hải  
 10/2010 – 01/2012: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối phê duyệt Tín dụng – Ngân hàng TMCP Hàng Hải  
 01/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối CB – Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối CB

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 83.032 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (tổ chức)	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu,	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Đào Thị Hồng Hạnh	12319742, 12/07/2012, CA Hà Nội	22.007	(0,002%)	Em gái

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thu lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

##### 5. Ông TRƯƠNG THÀNH NAM – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: TRƯƠNG THÀNH NAM  
 Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/08/1972

Nơi sinh: Quảng Trị

Số CMND: 201092275, cấp ngày 01/06/2006, tại CA. Thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật; Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

08/1994 – 08/1998:	Nhân viên Sở Giao dịch II Ngân hàng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
08/1998 – 08/2003:	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Đà Nẵng
09/2003 – 06/2005:	Phó Giám đốc Ngân hàng Phương Đông chi nhánh Trung Việt
07/2005 – 02/2006:	Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Trung Việt
03/2006 – 05/2010:	Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Trung Việt
05/2010 – nay:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Trung Việt kiêm Giám đốc CB Ngân hàng TMCP Phương Đông
11/2003 đến nay:	Thành viên BKS Khách sạn Saigontourane Đà Nẵng

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Trung Việt kiêm Giám đốc CB

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Thành viên BKS Khách sạn Saigontourane Đà Nẵng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 66.000 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 6. Ông LÝ HOÀI VÂN – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **LÝ HOÀI VÂN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/07/1979

Nơi sinh: Khánh Hoà

Số CMND: 024666476, cấp ngày 18/05/2007 tại CA, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 12/2005 – 02/2008: Giám đốc kinh doanh tiền tệ, Ngân hàng Citibank Việt Nam
- 02/2008 – 10/2017: Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Kinh doanh tiền tệ và định chế tài chính, kiêm phụ trách mảng Doanh nghiệp (SME, LC & FDI), kiêm phụ trách các Công ty con (Sacombank SBJ, Sacombank SBR) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- 11/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh Tiền tệ và Đầu Tư Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh tiền tệ và đầu tư

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 228.287 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 7. Bà NGUYỄN THỊ THÚY – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Họ tên: NGUYỄN THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 22/01/1983

Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

Số CCCD: 033183002416, cấp ngày 18/07/2016 tại Cục Cảnh sát

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:





4/2004 – 8/2008:	Từ cấp chuyên viên đến trưởng phòng tại Công ty Kiểm Toán Ernst & Young Việt Nam
08/2008 – 12/2010:	Giám Đốc tuân thủ và hoạch định chiến lược Thuế tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
1/2011 – 04/2018:	Kế Toán Trưởng, Giám Đốc Tài chính Ngân hàng Deutsche Bank Việt Nam
5/2018 – 8/2019:	Kế Toán Trưởng kiêm Giám Đốc Tài chính Ngân hàng HongLeong Việt Nam
8/2019 – nay:	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 23/11/2020:

- Sở hữu cá nhân: 13.511 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với OCB (không bao gồm số dư nợ thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/09/2020: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Lương theo chính sách của OCB.

Lợi ích liên quan đối với OCB: Không có lợi ích mâu thuẫn với OCB.

#### 4.15. Tài sản

Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2020

Đơn vị: tỷ VND

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>640,73</b>	<b>361,27</b>	<b>279,46</b>	<b>43,62%</b>
- Nhà cửa vật kiến trúc	212,36	87,97	124,39	58,58%
- Máy móc thiết bị	286,98	181,43	105,55	36,78%
- Phương tiện vận chuyển	139,96	90,44	49,52	35,38%
- Tài sản cố định khác	1,43	1,43	-	-
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>441,17</b>	<b>165,81</b>	<b>275,36</b>	<b>62,42%</b>
- Quyền sử dụng đất	135,35	2,22	133,13	98,36%
- Phần mềm máy vi tính	305,82	163,59	142,23	46,51%
<b>3. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.081,90</b>	<b>527,08</b>	<b>554,82</b>	<b>51,28%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

**Một số bất động sản tiêu biểu thuộc sở hữu của OCB**

Đơn vị: VND

Tài sản	Nguyên giá
Tài sản tại 435G-435H Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, TP.HCM	28.186.306.000
Tài sản tại 442 Khu phố 1, Phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	15.000.000.000
Tài sản tại Nhà đất số 79/6C2, Xã Việt Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	15.000.000.000
Tài sản tại Nhà đất số 91A Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM	9.014.300.762
Tài sản tại 89+89A Yersin, phường Phương Sài, Tp. Nha Trang	8.894.250.000
Tài sản tại 54 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	8.577.819.180
Tài sản tại 153-155 Cách Mạng Tháng 8, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	8.363.816.993
Tài sản tại Số 07 Lê Hồng Phong, TP.Vinh, Nghệ An	8.038.700.000
Tài sản tại 34-36 Đường Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.	7.200.594.696
Tài sản tại 38C Đồng Khởi, Bến Tre	7.120.561.000
Tài sản tại 277-279 Nguyễn Văn Lương, P.12, Q.6, TP.HCM	6.875.800.000
Tài sản tại 53 Trần Hưng Đạo, P.3, TP.Sóc Trăng	6.848.411.100
Tài sản tại 202-204 Hùng vương, P2, TP.Tân An, Long An	6.695.295.000
Tài sản tại 233 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	4.988.982.000
Tài sản tại 283 Nguyễn Trung Trực, Rạch Giá, Kiên Giang	4.903.942.000
Tài sản tại 137K Nguyễn Tất Thành, phường 8, Tp. Cà Mau	4.830.000.000
Tài sản tại 34-36 Đường Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.	4.752.300.000
Tài sản tại Nhà 73 Trường Chinh, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM	3.897.728.857
Tài sản tại Thửa đất số 1 - 276.lô bảng đồ số 08, Phường Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM	3.884.631.700
Tài sản tại 277-279 Nguyễn Văn Lương, P.12, Q.6, TP.HCM	3.655.136.432
Tài sản tại 435G-435H Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, TP.HCM	28.186.306.000
Tài sản tại 442 Khu phố 1, Phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	15.000.000.000
Tài sản tại Nhà đất số 79/6C2, Xã Việt Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	15.000.000.000

**4.16. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo**

**4.16.1. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo**

**Kế hoạch lợi nhuận năm 2020 và 2021**

Đơn vị: tỷ VND/%

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	% Tăng/ Giảm so với 2019	Giá trị	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	150.000	27%	179.000	19%
Vốn chủ sở hữu	17.768	54%	21.600	22%
Vốn điều lệ	11.275	43%	14.090	25%
Doanh số cho vay (Thị trường 1) <sup>(1)</sup>	90.549	25%	108.000	19%
Lợi nhuận trước thuế	4.400	36%	5.060	15%
Lợi nhuận sau thuế	3.520	36%	4.048	15%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh số cho vay (Thị trường 1)	3,9%	-	3,7%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	24,0%	-	20,6%	-
Cổ tức	25%	-	25%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 và Nghị quyết HĐQT số 68/2020/NQ-HĐQT ngày 30/11/2020 của OCB thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 và 2021

Ghi chú:

- <sup>(1)</sup>: Thị trường 1 là thị trường giao dịch giữa ngân hàng với các tổ chức kinh tế và cá nhân.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Kế hoạch này có thể điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế khi OCB thực hiện trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021.

#### 4.16.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nêu trên

##### o Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2020

Tính đến thời điểm 30/09/2020, OCB đã thực hiện được hơn 88% kế hoạch đặt ra về doanh số cho vay khách hàng trên thị trường 1 đạt 79.568 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2.511 tỷ đồng và 2.009 tỷ đồng, đạt khoảng 57% kế hoạch.

Trong thời gian tới, OCB tiếp tục tập trung vào việc phát triển quy mô, tăng nguồn thu trên nền tảng khách hàng hiện hữu, định vị thương hiệu, tập trung đầu tư và phát triển các dự án về ngân hàng số. Cụ thể các căn cứ để hoàn thành mục tiêu của OCB như sau:

- Kế hoạch tăng vốn điều lệ: OCB thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ là 25%, vốn điều lệ sau khi phát hành là 10.959 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, OCB đã hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Bên cạnh đó, OCB dự kiến phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư khác theo kế hoạch phát hành riêng lẻ còn lại của năm 2019, đưa tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất các đợt phát hành trong năm 2020 là 11.257.169.030.000 đồng. OCB đang trong giai đoạn đàm phán với các đối tác để thực hiện việc phát hành và dự kiến hoàn tất vào quý I năm 2021.

- OCB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 25% (theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước), song song đó sẽ tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp kiểm soát chất lượng tín dụng và thu hồi nợ xấu những tháng cuối năm 2020 nhằm đẩy mạnh thu nhập từ hoạt động cho vay.
- OCB tiếp tục chuyển dịch cơ cấu phân bổ tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính

phủ, hỗ trợ các gói lãi suất ưu đãi – kỳ hạn phù hợp với các khách hàng thuộc lĩnh vực trên.

- Định hướng chuyển dịch mạnh cơ cấu kỳ hạn của nguồn vốn theo hướng tăng trưởng huy động vốn trung, dài hạn. OCB đặt trọng tâm vào đẩy mạnh nguồn vốn huy động từ dân cư, bên cạnh đó là các tổ chức kinh tế, định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm đảm bảo nguồn vốn cho nhu cầu tăng trưởng tín dụng, duy trì tỷ trọng nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn xuống dưới 40%.
- Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng vào quý cuối năm 2020, OCB dự kiến thu thuần từ hoạt động cho vay là 1.780 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế của hoạt động này là 1.175 tỷ đồng vào quý IV/2020.
- OCB dự kiến thu thuần từ phí dịch vụ là 355 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 234 tỷ đồng cho quý IV/2020.
- Đối với mảng kinh doanh chứng khoán, dự kiến trong quý IV/2020, thu thuần dự kiến đạt 730 tỷ đồng với lợi nhuận trước thuế dự kiến khoảng 482 tỷ đồng.
- Tiếp tục thực hiện những biện pháp tiết giảm chi phí, duy trì tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập (CIR) ở mức mức 34%, để đạt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 4.400 tỷ trong năm 2020.
- Tập trung công tác mở mới, phát triển mạng lưới các đơn vị trên toàn quốc dưới sự cho phép của NHNN, thường xuyên nâng cấp cơ sở vật chất và đặc biệt là gia tăng trải nghiệm của khách hàng khi giao dịch. Sau khi hoàn tất việc mở mới 05 chi nhánh trong năm 2020, OCB dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng thêm 05 chi nhánh trong năm 2021. Bên cạnh đó, OCB thực hiện đồng bộ chiến dịch quảng bá thương hiệu, các chiến dịch marketing, tiếp cận cộng đồng tại các điểm giao dịch về mức độ nhận diện thương hiệu OCB thuộc Top đầu thị trường.
- Bên cạnh các sản phẩm lõi, OCB đẩy mạnh xây dựng và phát triển các mô hình ngân hàng số trong hệ sinh thái mở thông qua nền tảng Open API. Phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ với nhiều tính năng, tiện ích khác nhau trên ứng dụng Ngân hàng số OCB OMNI, thông qua đó khách hàng không chỉ sử dụng những dịch vụ thuần túy của ngân hàng như chuyển tiền, thanh toán, tiết kiệm mà còn trải nghiệm thêm những sản phẩm dịch vụ từ các đối tác liên kết như bảo hiểm, đầu tư v.v.
- Đảm bảo an toàn hoạt động, OCB luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của NHNN, bên cạnh đó tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm của Moody's và đạt xếp hạng loại A (Tốt) theo quy định về xếp hạng các TCTD của NHNN tại thông tư 52/2018/TT-NHNN. Để hiện thực hoá các mục tiêu này, OCB xây dựng 6 chương trình và sáng kiến trọng tâm cho năm 2020 bao gồm:
  - + Duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững đi cùng nâng cao chất lượng tài sản và khả năng sinh lời;
  - + Đầu tư vào công nghệ, ngân hàng số OCB OMNI và số hóa quy trình nội bộ;
  - + Tái cấu trúc tài sản – thu nhập – danh mục kinh doanh;
  - + Giảm chi phí vốn;
  - + Nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm và sự gắn kết của đội ngũ CBNV;
  - + Đảm bảo tuân thủ các quy định NHNN và nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế OCB.

#### ○ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2021

Năm 2021, OCB đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 19% (phụ thuộc vào các phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước). Bên cạnh việc tiếp tục tăng trưởng nguồn thu trên nền tảng khách hàng hiện hữu, định vị thương hiệu và phát triển các dự án về ngân hàng số, OCB đồng thời thực hiện các chiến lược cụ thể như sau:

- Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục được điều chỉnh giảm để hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế, OCB sẽ áp dụng chính sách thúc đẩy tăng trưởng CASA (tiền gửi không kỳ hạn), kiểm soát tốt chi phí huy động vốn và giảm chi phí lãi, góp phần làm tăng thu nhập lãi trong năm 2021. Ngoài ra, OCB vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh trong năm 2021.
- Bên cạnh đó, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt cũng ngày càng tăng trưởng trước tình hình hiện tại, các sản phẩm thẻ cũng như ứng dụng Ngân hàng số OCB OMNI được OCB tập trung đầu tư phát triển nhằm đem lại hiệu quả cao cũng như đem lại tăng trưởng doanh thu từ hoạt động dịch vụ. Đồng thời, OCB tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng dịch vụ Bancassurance và các dịch vụ ngân hàng truyền thống khác.
- Tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh chứng khoán một cách hợp lý, mảng kinh doanh chứng khoán cũng sẽ góp phần tạo ra nguồn thu ổn định năm 2021. Ngoài ra, OCB cũng phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ ngoại hối với nhiều tính năng mới góp phần tăng trưởng hoạt động kinh doanh ngoại hối trong năm 2021.
- Tiếp tục thực hiện những biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng chi phí. Tỷ lệ CIR được kỳ vọng duy trì ở mức dưới 34% nhằm mục tiêu đạt lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 5.060 tỷ đồng.

#### 4.17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, HSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của OCB.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của OCB, HSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của OCB dự kiến cho năm 2020 – 2021 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của OCB.

#### 4.18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

##### 4.18.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi tại thời điểm 30/09/2020

Tính đến 30/09/2020, OCB đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 9.095 tỷ VND trong đó trái phiếu tăng vốn là 25 tỷ VND (kỳ hạn 05 năm), cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: Không có.
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị (triệu VND)	
		30/09/2020	31/12/2019
Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền	2 năm	500.000	2.000.000
	3 năm	6.900.000	7.700.000
	5 năm	1.895.000	60.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.095.000</b>	<b>9.760.000</b>

#### 4.18.2. Những cam kết chưa thực hiện khác tại thời điểm 30/09/2020

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại ngày 30/09/2020 của OCB như sau:

##### Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của OCB

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
<b>1. Các khoản bảo lãnh</b>	<b>13.287,72</b>
- Bảo lãnh vay vốn	81,72
- Bảo lãnh khác	13.206,00
<b>2. Cam kết thanh toán LC</b>	<b>2.939,78</b>
<b>3. Các cam kết giao dịch hối đoái</b>	<b>47.739,09</b>
- Cam kết mua ngoại tệ	2.900,77
- Cam kết bán ngoại tệ	2.900,51
- Cam kết giao dịch hối đoái	41.937,81
<b>4. Các cam kết khác</b>	<b>731,14</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2020

#### 4.19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Từ khi thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần đến nay, OCB đã khởi kiện một số khách hàng tại các toà án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản đảm bảo. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam và không gây bất lợi nghiêm trọng đến hoạt động chung của OCB cũng như khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo cam kết của OCB.

Theo đánh giá, các vụ việc trên không ảnh hưởng đến việc OCB thực hiện đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 5.1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 5.2. Mệnh giá

10.000 VND/Cổ Phiếu (Mười nghìn đồng một Cổ Phiếu).

### 5.3. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết

1.095.906.430 (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm ba mươi) cổ phiếu.

### 5.4. Số lượng Cổ Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Căn cứ quy định tại điểm (đ), khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: "Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ", số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng tại OCB như sau:

#### Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Loại cổ đông	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	48.595.905	24.297.953
2	Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	6.867.870	3.433.935
3	Ông Ito Takeshi	Thành viên HĐQT	-	0
4	Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	-	0
5	Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT	28.012.943	14.006.472
6	Ông Phạm Trí Nguyễn	Thành viên độc lập HĐQT	-	0
7	Ông Bùi Minh Đức	Thành viên độc lập HĐQT	-	0
8	Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	32.226.168	16.113.084
9	Ông Nguyễn Đình Tùng	Tổng Giám đốc	442.402	221.201
10	Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc	90.000	45.000
11	Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	220.077	110.039
12	Bà Đào Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	83.032	41.516
13	Ông Trương Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	66.000	33.000

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Loại cổ đông	SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
14	Ông Lý Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc	228.287	114.144
15	Bà Nguyễn Thị Thủy	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	13.511	8.756
16	Bà Nguyễn Thị Thủy Minh	Trưởng Ban kiểm soát	97.511	48.756
17	Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	-	0
18	Bà Đặng Thị Quý	Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát	-	0
19	AOZORA BANK, LTD	Cổ đông lớn là người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị	164.385.952	82.192.976
<b>Tổng cộng (cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng)</b>			<b>281.329.658</b>	<b>140.664.832</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông Ngân hàng ngày 04/09/2020

Ngoài ra:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng: Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.  
Vì vậy, cổ phiếu của các thành viên này bị hạn chế chuyển nhượng cho đến khi không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của OCB.
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2020 và Tờ trình số 13/2019/TT-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2019 của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông thông qua việc phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài là Ngân hàng Aozora Bank để tăng vốn điều lệ. Theo đó thông tin về số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

STT	Tên	ĐKKD	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng
1	Aozora Bank, Ltd	0100-01-016861 cấp ngày 01/04/1957	Nhật Bản	6-1-1 Kojimachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	86.868.000	Từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/6/2023
<b>Tổng cộng</b>						<b>86.868.000</b>

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27/4/2019 và Quy chế ESOP số 120/2019/QĐ-HĐQT ngày 20/09/2019 về việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (cổ phiếu ESOP), cổ phiếu ESOP đã phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong 4 năm kể từ ngày 23/08/2019, mỗi năm được giải tỏa 25% (Theo Quyết định số 99/2019/QĐ-HĐQT ngày 09/08/2019 về việc thưởng cổ phiếu ESOP cho CBNV). Cụ thể:
  - + Đợt 1: Hạn chế chuyển nhượng 100% từ ngày 23/8/2019 đến ngày 22/8/2020
  - + Đợt 2: Hạn chế chuyển nhượng 75% còn lại từ ngày 23/8/2020 đến ngày 22/8/2021



- + Điểm 3: Hạn chế chuyển nhượng 50% còn lại từ ngày 23/8/2021 đến ngày 22/8/2022
- + Điểm 4: Hạn chế chuyển nhượng 25% còn lại từ ngày 23/8/2022 đến ngày 22/8/2023

Theo đó, tính đến ngày 23/11/2020, tổng số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo chương trình ESOP là 1.083.390 cổ phiếu và số lượng cán bộ nhân viên bị hạn chế chuyển nhượng là 59 cán bộ nhân viên.

### 5.5. Xếp hạng tín nhiệm

Ngày 16/04/2020, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã ra thông cáo về việc hoàn thành rà soát xếp hạng tín nhiệm định kỳ cho OCB. Theo thông cáo của Moody's, các xếp hạng của OCB không thay đổi so với xếp hạng cũ. Trong đó, xếp hạng rủi ro đối tác ở mức Ba3 và xếp hạng tín dụng cơ sở ở mức B1, được nâng lần lượt từ mức Ba2 và B2 từ tháng 07/2019.

Moody's đánh giá OCB có sự tiến bộ đáng kể trong việc xử lý các tài sản có vấn đề và vốn hóa của ngân hàng cũng tiếp tục được cải thiện.

Việc nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của OCB vào tháng 07/2019 và tiếp tục duy trì mức xếp hạng này khi rà soát định kỳ vào tháng 04/2020 một lần nữa khẳng định về năng lực và uy tín của OCB. Qua đó càng khẳng định niềm tin bền vững, sự an tâm và bảo đảm cho khách hàng của OCB.

**Bảng tóm tắt xếp hạng tín nhiệm của Moody's ngày 16/04/2020**

Moody's Ranking	
Xếp hạng rủi ro đối tác dài hạn (Long term CRR)	Ba3
Đánh giá rủi ro đối tác (CRA)	Ba3(cr)
Xếp hạng tiền gửi dài hạn	B1
Xếp hạng nhà phát hành	B1
Xếp hạng tín dụng cơ sở (BCA)	B1

### 5.6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông là giá được tính toán dựa trên hai phương pháp so sánh:

- (i) Phương pháp so sánh hệ số giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E)
- (ii) Phương pháp so sánh hệ số giá cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B).

#### 5.6.1. Phương pháp hệ số giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu của OCB.

- P/E bình quân: Bình quân hệ số giá cổ phiếu chia cho thu nhập bình quân mỗi cổ phiếu của các ngân hàng được tham chiếu.

Theo đó, cơ sở để tính toán các giá trị bên dưới được xác định như sau:

- EPS được xác định trên cơ sở 04 quý gần nhất (tính từ thời điểm 30/09/2019 đến 30/09/2020).
- P/E bình quân được tính theo trọng số giá trị vốn hóa thị trường.

Chỉ số P/E bình quân của một số ngân hàng trong ngành:

Mã cổ phiếu	Giá cổ phiếu* (VND)	EPS (VND)	P/E
HDB	27.220	4.459	6,10
VIB	28.000	4.392	6,38
TPB	25.500	4.373	5,83
LPB	12.250	1.733	7,07
ACB	27.200	3.912	6,95
<b>Chỉ số trung bình (theo trọng số giá trị vốn hóa thị trường)</b>			<b>6,54</b>

*Nguồn: HSC tổng hợp BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và BCTC quý III năm 2020 của các Ngân hàng  
\* Giá cổ phiếu tại ngày 27 tháng 11 năm 2020. Trong đó, giá cổ phiếu HDB được tính là giá trước điều chỉnh.*

Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu của OCB tại thời điểm 30/09/2020 (bao gồm số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức 25%) là 3.691 VND/cổ phiếu.

Như vậy, giá trị hợp lý cho cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông theo phương pháp P/E là:

$$\text{Giá cổ phiếu OCB} = 6,54 \times 3.691 = 24.139 \text{ VND/cổ phiếu}$$

#### 5.6.2. Phương pháp hệ số giá cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{BVPS} \times \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của OCB, được tính theo công thức:
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân của các ngân hàng được tham chiếu.

Theo đó, cơ sở để tính toán các giá trị bên dưới được xác định như sau:

- BVPS được xác định tại thời điểm 30/09/2020.
- P/B bình quân được tính theo trọng số giá trị vốn hóa thị trường.

Chỉ số P/B bình quân của một số ngân hàng cùng ngành:

Mã cổ phiếu	Giá cổ phiếu* (VND)	BVPS (VND)	P/B
HDB	27.220	22.742	1,20

Mã cổ phiếu	Giá cổ phiếu* (VND)	BVPS (VND)	P/B
VIB	28.000	17.904	1,56
TPB	25.500	18.906	1,35
LPB	12.250	14.090	0,87
ACB	27.200	15.229	1,79
<b>Chỉ số trung bình (theo trọng số giá trị vốn hóa thị trường)</b>			<b>1,50</b>

*Nguồn: HSC tổng hợp BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và BCTC quý III năm 2020 của các Ngân hàng  
\* Giá cổ phiếu tại ngày 27 tháng 11 năm 2020. Trong đó, giá cổ phiếu HDB được tính là giá trước điều chỉnh.*

Giá trị sổ sách của cổ phiếu OCB tại thời điểm 30/09/2020 (bao gồm số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức 25%) là 14.514 VND/cổ phiếu.

Như vậy, giá trị hợp lý cho cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông theo phương pháp P/B là:

$$\text{Giá cổ phiếu OCB} = 1,50 \times 14.514 = 21.771 \text{ VND/cổ phiếu}$$

### 5.6.3. Tổng hợp giá cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

STT	Phương pháp tính giá	Tỷ trọng	Giá (VND/cổ phần)
1	Phương pháp P/E	50%	24.139
2	Phương pháp P/B	50%	21.771
<b>Giá trung bình theo trọng số của hai phương pháp</b>			<b>22.955</b>

Vì vậy, căn cứ vào phương pháp định giá nêu trên, Hội đồng Quản trị quyết định mức giá tham chiếu dự kiến của OCB trong ngày giao dịch đầu tiên là 22.900 VND/cổ phiếu. Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là  $\pm 20\%$  so với giá tham chiếu.

### 5.7. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN)

Theo Điều lệ hiện hành của OCB thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của OCB theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu OCB được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán, trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại Việt Nam như sau:

- (iii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (iv) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ

chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

- (v) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (vi) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (vii) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- (viii) Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các khoản (ii), (iii) và (v) nêu trên đối với từng trường hợp cụ thể.
- (ix) Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
- (x) Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Đồng thời, căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019, Hội đồng quản trị OCB đã thông qua việc giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 20% vốn điều lệ của OCB theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐQT ngày 23/06/2020.

Như vậy, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20%.

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch niêm yết này, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ cổ phần tại OCB là 19,47%.

## 5.8. Các loại thuế có liên quan

### 5.8.1. Thuế thu nhập cá nhân

#### Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3, Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

#### Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất
  - Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
  - Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ bán CP = 0,1% x Tổng giá trị CP bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

#### 5.8.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo Thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

#### 5.8.3. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất Thuế GTGT mà Ngân hàng phải chịu là: Ngân hàng không chịu thuế GTGT đối với hoạt động tín dụng, chỉ chịu thuế 10% đối với hoạt động dịch vụ.



**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:**

Tên công ty: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB)

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38 220 960 - 38 220 962 - 38 220 951 Fax: (028) 38 220 963

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Tên công ty: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38245252 Fax: (028) 38245250

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299/(028) 3829 3826 Fax: (028) 3823 3301

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**VII. CÁC PHỤ LỤC**

- Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
- Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty;
- Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 (Hợp nhất và Riêng lẻ), Báo cáo tài chính quý III năm 2020 (Hợp nhất và Riêng lẻ)
- Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
- Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật

599-C  
SỞ GIAO  
CHỨNG  
THÀNH  
HỒ CHÍ  
VI - TP.

Bản Báo Bạch này được ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2020

**Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**



**TRINH VĂN TUẤN**  
Chủ tịch HĐQT

**NGUYỄN ĐÌNH TÙNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THỊ THÚY MINH**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

**NGUYỄN THỊ THÙY**  
Giám đốc Tài chính kiêm  
Kế toán trưởng

HA  
NG  
CH  
T. T. N  
DỊCH  
HOÀN  
PHỐ  
MINH  
CH



Đại diện Tổ chức tư vấn niêm yết  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Phạm Ngọc Bích  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

